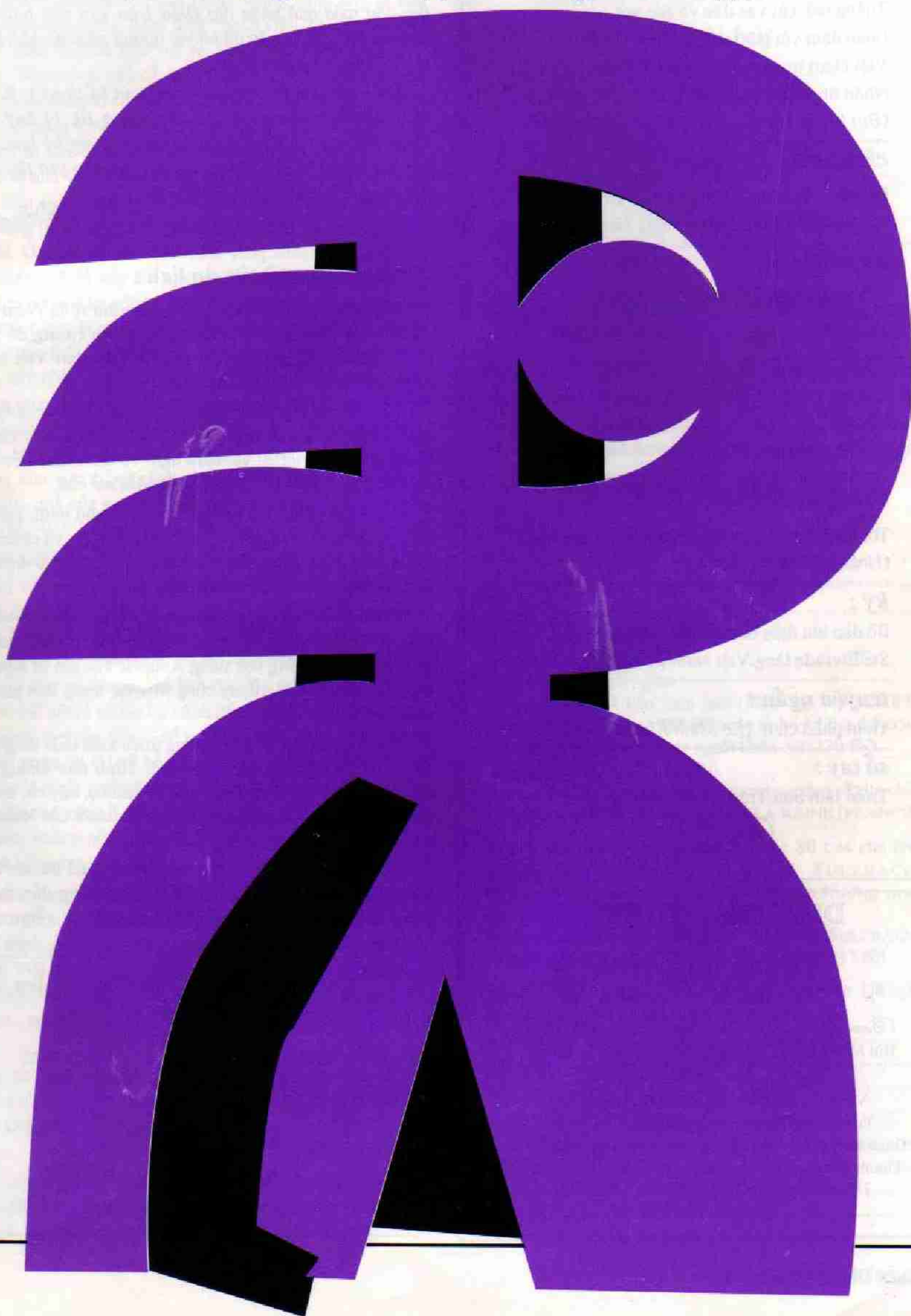


diễn đàn

Số 23 / 1.10.1993

ISSN 1164 - 2378

F O R U M



TUAN

mục lục

2 Cùng bạn đọc (Diễn Đàn)

thời sự, những vấn đề :

- 4 Tin Việt Nam
- 9 Kiểm lại một số ý kiến góp về việc học (Bùi Trọng Liễu)
- 12 Thăng mỗ, cái vạc dầu và con voi (mạn đàm với giáo sư Cao Huy Thuần)
- 17 Việt Nam trong tương lai gần (Vũ Huy Quang)
- 19 Nhận định, lựa chọn hướng đi (Bùi Mộng Hùng)

cảm tưởng Việt Nam :

- 22 Đi tìm Việt Nam (Hoàng Kim Nguyên)
- 25 Hà Nội trong mắt tôi (Vũ Hồng Nam)

hồ sơ đặc biệt

“ Vụ án xét lại – chống Đảng ” :

- 27 Thư ngỏ của công dân Hoàng Minh Chính

thơ : Hoàng Cầm (tr.35, 36, 39), Thanh Thảo (tr. 33), Thu Bồn (tr.29), Lê Bi (tr. 33), Đỗ Kh. dịch Hans Magnus Enzensberger (tr.33), Huỳnh Mạnh Tiên (tr. 3)

chứng từ văn học :

- 34 Tôi đã viết Về Kinh Bắc trong tâm trạng nào ? (Hoàng Cầm)

ký :

- 40 Bỏ đào tử đạo, bàn về rượu nho (Hàn Thuỷ)
- 44 Ste Livrade làng Việt Nam (Văn Ngọc)

truyện ngắn :

- 46 Thân phận cu li (Lê Minh Khuê)

sổ tay :

- 48 Triển lãm Sơn Trú (Hoài Văn)

BIA : TUẤN

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường

Tổng biên tập : Trần Hải Hạc

(Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường, Lê Văn Cường

(Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Văn

Bạn đọc & diễn đàn

Đời lời cùng bạn đọc

Số báo đặc biệt 48 trang này, chúng tôi xin gửi tới bạn đọc như món quà nhân dịp **Diễn Đàn** vừa tròn hai tuổi. Để cảm ơn độc giả xa gần đã không ngừng giúp đỡ, khích lệ, phê bình tờ báo trong thời gian qua.

Phần lớn bạn đọc mua báo dài hạn kể từ số 1, 2, hoặc 3, nên năm mua báo chấm dứt vào tháng 10, 11 hay 12. Rất mong độc giả vui lòng ghi mua trở lại đúng kỳ hạn, để việc gửi báo không bị gián đoạn, và ban biên tập yên tâm cải tiến nội dung tờ báo trong mấy tháng tới.

Diễn Đàn

bạn đọc viết

Sau hai năm mở cửa du lịch :

Tuy năm 1990 đã được quảng cáo rầm rộ là *Năm du lịch Việt Nam*, nhưng vì nhiều nguyên nhân (trong đó phải kể Chiến tranh vùng Vịnh), nền du lịch phôi thai Việt Nam chỉ thực sự triển khai từ cuối năm 1991.

Tôi được những hãng du lịch lớn của Pháp uỷ nhiệm khảo sát và xây dựng các tuyến du lịch Việt Nam. Sau chuyến đi tháng 8 vừa rồi, tôi có vài cảm nghĩ về cách làm việc và biến chuyển của du lịch Việt Nam sau 2 năm mở cửa.

Các công ty du lịch tư nhân mọc lên như nấm, cạnh tranh nhau. Một số làm việc có vẻ qui mô, cẩn thận và chiều khách. Đó là điều đáng mừng. Đa số những người sống về dịch vụ này khá giả hơn mức sống bình thường.

Thiếu nhất, và thiếu trầm trọng, là hướng dẫn viên thạo tiếng Pháp. Khoá học ngoại ngữ ở Đại học sư phạm chỉ có 20 sinh viên, phần đông học tiếng Anh. Hè các em đi thực tập và tất cả đều được trưng dụng cùng một lúc trong thời gian tôi có mặt ở Sài Gòn.

Các em rất có thiện chí, nhưng thiếu kiến thức tổng quan về chính trị, xã hội, tôn giáo, văn hoá. Hình như không có một quyển từ vựng Việt-Pháp nào viết về sâu bọ, cây cỏ, địa chất... giúp các em trả lời các câu hỏi *tous azimuts* của khách ngoại quốc.

Vì đời sống khó khăn, các em không có đủ thể lực tối thiểu của người hướng dẫn (nghĩa là có sức hướng dẫn du khách trong nhiều ngày liền, từ sáng đến khuya, mà vẫn mau mắn,

Centre Culturel Franco-Vietnamien

Trung tâm Văn hoá Pháp-Việt

24 rue des Ecoles, Paris 5

Métro : Maubert Mutualité, ☎ 43 29 60 89

EXPOSITION PHAN NGUYỄN

du 5 novembre au 5 décembre 1993
tous les jours de 10 h à 19 h (fermé le lundi)

vui vẻ đáp ứng yêu cầu và trả lời câu hỏi của khách). Nhất là trường hợp các đoàn đi bộ (*trekking*), khách rất ngạc nhiên thấy hướng dẫn viên thổ hồng học, đi tụt phía sau (họ cứ tưởng người Việt đi bộ rất giỏi và dai sức).

Về các di tích, nhà nước có nhiều cố gắng tu sửa. Nhưng nhiều khi tu sửa trở thành phá hoại. Tỉ dụ chùa Trấn Quốc : trước kia cửa vào chùa rêu phong, cổ kính, nay bị đập, thay thế bằng cái cửa mới toanh, sơn màu vàng nghệ. Bích Động – Tam Cốc (Hoa Lư, Ninh Bình) là một thắng cảnh được quốc tế biết đến qua phim *Indochine*. Năm ngoái thắng cảnh này là một chốn thần tiên, thơ mộng, trầm lặng ; nhân viên, từ người bán vé đến người chèo thuyền, đều vui vẻ, hồn nhiên ; dân làng sống bình thản : làm ruộng, câu cá, bình thường... Năm ngoái, khi trở lại Paris, tôi đã khuyên các hãng du lịch nên đưa Hoa Lư – Bích Động vào chương trình. Năm nay, tôi trở lại. Hồi ôi : bến Văn Lân, đình Văn Các đã trở thành cái chợ, hỗn độn, rác rưởi. Hàng quán mọc lơ nhơ vô lối. Hỏi ra thì chính quyền xã Ninh Hải đã cho bán đấu thầu những lô đất cho thương nhân, mỗi chỗ 200 000 đồng (khoảng 117 F), sử dụng tiền này vào việc gì, dân không biết. Ở một góc bến Văn Lân, sừng sững giữa cảnh trời mây non nước, xã đã xây lên một toà nhà kiến trúc Tây phương 2 tầng. Sơn vàng khè, dùng làm trung tâm du lịch, gắn loa phóng thanh hát chát tai. Trong khi dạo thuyền khoảng một giờ, chúng tôi nghe thấy 10 tiếng nổ : xã cho phép nổ mìn trong núi để lấy đá xây nhà. Cứ tốc độ này thì chỉ vài năm nữa sẽ không còn những núi đá vôi của Hoa Lư, nơi được mệnh danh là *Hạ Long trên cạn*. Sau động thứ ba của Tam Cốc, một cái đập đang được xây, làm cho mực nước thấp hẳn, chèo thuyền gần chạm đáy. Trong khu vực thắng cảnh (như ở Pháp đã được xếp hạng và bảo toàn), nhà cửa mọc lên lung tung. Làm sao giải thích cho chính quyền Ninh Hải hiểu rằng họ đang làm thịt “ con gà đẻ trứng vàng ” của mình ?

Về giá cả, người trong nước (nhất là ở miền Bắc) có xu hướng coi du khách là con bò sữa. Thắng cảnh, khách sạn, tiệm ăn... đâu đâu cũng tăng giá gấp đôi, gấp ba năm ngoái mà không có lý do (vé vào thăm Bích Động năm ngoái 5 000 đ, năm nay 20 000 đ). Khách du lịch độc lập (không qua công ty du lịch) có thể nói là từ lúc hạ cánh đến lúc cất cánh, phải từng giờ từng phút “ chiến đấu ” để mặc cả, để khỏi bị lừa. Có khi đang tham quan, bị tài xế bỏ mặc, lái xe đi luôn. Có người nói với tôi : “ *Họ đang quên lịch sử oai hùng của họ và muốn làm tiền bằng đủ mọi cách* ”. Nghe nói có trường hợp một hướng dẫn viên bị đoàn khách nửa chừng đuổi xuống xe vì làm tiền khách liên tục và trắng trợn.

Dĩ nhiên cũng có những người làm du lịch rất *professionnel* và nghiêm túc như hai trường hợp mà tôi được gặp. Tiếc rằng đại đa số đánh giá người ngoại quốc qua túi tiền và cách tiêu xài (điều này Việt kiều cũng đã từng trải). Những du khách thích gần gũi thiên nhiên, đi bộ, sống gần với dân chúng để tìm hiểu, thông cảm... thì bị gọi là “ *phủi* ”, là “ *du lịch ba lô* ”, “ *du lịch bụi đời* ”...

Riêng tôi, nếu Bích Động, Ngũ Hành Sơn tiếp tục sự phá hoại môi sinh như hiện nay, tôi sẽ khuyên các công ty du lịch tránh gửi khách tới những nơi này.

Nguyễn X.T. (Paris)

[Cảm ơn chị đã gửi bài sốt rỏ. Vì báo lên khuôn gần xong khi bài tới nơi, nên xin phép đăng ngay vào mục thư bạn đọc, cũng là mục mà độc giả ưa tìm đọc ngay khi mở số báo ra coi].

huỳnh mạnh tiên

(PARIS)

nến

Một chút mưa vừa một chút nắng
Tháng chín về trời đổ hơi chơi.
Em chớ khắc đi rồi khắc đến
Trận gió lửa đập ngọn nến tôi

ngòi bút

(gửi C.H.T.)

Con ong đầu một ngày làm ra mật
Sáu ngày đầy xe sáp mộ quân
Ngày chủ nhật, ngày lành của Chúa
Nhà xây xong và cửa sáng trưng !

Ngày của Chúa người người yên nghỉ
Riêng ong vui vỗ cánh về đi
ztsi ! ztsi !

DIỄN ĐÀN *forum* B.P. 50, 92340 Bourg-la-Reine

Fax : (33 1) 45 88 54 58

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu.....FF

đề tên DIENDAN, gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF).

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (*uberweisung*)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị gửi báo tặng một số giới thiệu :

1) Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

2) Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Năm học mới, học phí mới

Ngày 6.9, 15 triệu học sinh cả nước, ở các độ tuổi từ mầm non, tiểu học, trung học đã bước vào năm học mới. Ngoài những vấn đề đã cũ nhưng chưa được giải quyết : chất lượng giáo dục sa sút, trường sở xuống cấp, giáo viên và học sinh bỏ học hàng loạt vì đời sống khó khăn..., năm nay báo chí trong nước nêu bật một vấn đề mới : học phí. Ngày 24.5.1993, chính phủ đã ra quyết định 241/TTg “ về việc thu và sử dụng học phí ” đối với tất cả học sinh, sinh viên theo học các trường “ công lập ” (trừ bậc tiểu học) từ năm học 1993 - 1994. Một tháng trước ngày nhập học, báo Tuổi Trẻ (3.8) đăng phỏng vấn bộ trưởng giáo dục Trần Hồng Quân. Xin trích đoạn liên quan tới vấn đề này.

Hỏi : ... Mức học phí là bao nhiêu, có nhiều so với thu nhập người lao động ? Chỉ còn một tháng, năm học mới đã bắt đầu rồi. Tại sao đến nay bộ chưa có hướng dẫn cụ thể ?

Đáp : Tôi xin nói ngay : thu học phí người đi học và kèm theo đó, Nhà nước có chính sách xã hội với những người thuộc diện chính sách, về nguyên tắc là đúng. Điều mà tôi cần nói rõ : Bộ Giáo dục - đào tạo (GD-ĐT) không phải là người có quyền quyết định vấn đề học phí, mà chỉ đề nghị, bàn bạc thôi. Trong đó có bàn về mức học phí và cách sử dụng học phí.

Học phí là vấn đề lớn, đụng đến toàn xã hội. Phải có thời gian chuẩn bị. Bộ GD-ĐT và bộ Tài chính đang bàn. Về phổ thông, bộ GD-ĐT đề nghị giữ mức lệ phí học đường trước đây; cấp 2 : 4000 đồng/tháng, cấp 3 : 6000 đồng/tháng.

Hỏi : Mức đó đã được đồng ý ?

Đáp : Được chấp nhận hay không, chưa biết.

Ngày 20.8, trên mặt báo Người Lao Động, ông Ngô Thế Trọng, phó giám đốc sở GD-ĐT thành phố Hồ Chí Minh cho biết, vẫn “ đang chờ thông tư liên bộ Tài chính - Giáo dục ” về mức thu học phí. Ông cũng cho biết, theo dự thảo thông tư của bộ gửi vào “ hỏi ý kiến các địa phương ”, mức đó là : “ Tuỳ theo địa phương, tỉnh, thành phố, mức thu hệ cấp 2 công lập từ 6 000 đến 8 000 đồng/tháng, hệ cấp 3 công lập từ 10 000 đến 12 000 đồng/tháng ”.

Đó là những tuyên bố của nhà chức trách. Thực tế ra sao ?

Một bài báo Sài Gòn giải phóng ngày 4.9 cho biết vài thông tin.

“ Ở quận 1, các cháu mẫu giáo ở phường Cầu Kho phải đóng ngay từ đầu năm học 187 000 đồng/cháu, phường Tân Định 200 000 đồng/cháu, khiến nhiều phụ huynh phải cho cháu ở nhà. Các phường Nguyễn Cư Trinh, Cầu Ông Lãnh, Cầu Kho, Tân Định... là những phường nghèo, nhưng tiền cơ sở vật chất cho học sinh cấp 1 phải đóng một lần từ 60 000

đến 150 000 đồng/năm, trong khi qui định chung chỉ cho phép thu 15 000 đồng (thu làm hai đợt) (...).

Nhiều trường cấp ba trong thành phố cũng đã tổ chức thu tiền hàng trăm ngàn đồng/em với một biên lai chung chung : học phí - cơ sở vật chất - bảo hiểm... Ở trường cấp hai Quang Trung (Tân Bình), học sinh muốn vào học phải đóng lệ phí 35 000 đồng. Nhiều phòng giáo dục, học sinh nơi khác chuyển đến phải đóng 50 000 đồng, cũng gọi là lệ phí (?) ”.

Đó là chưa kể, cũng theo bài báo trên, ở nhiều trường “ có tiếng là dạy giỏi ”, phụ huynh học sinh được cho con em vào học phải ký tên “ đóng góp xây dựng trường ” với hình thức “ sổ vàng ”. Một phụ huynh, thức từ hai giờ sáng mới xin được một tờ đơn xin học cho con, nhắm mắt ghi vào sổ sổ tiền mình hứa đóng : 100 000 đồng, nhưng cuối cùng đơn vẫn bị bác “ vì hết chỗ ”. “ Tìm hiểu kỹ, té ra, không phải vì hết chỗ mà vì có quá nhiều người ký sổ vàng đến 6 con số 0 (!) ”. Bài báo kể tên một số trường đòi mức đóng “ sổ vàng ” từ 200 000 đến 3 triệu đồng.

Trong Diễn Đàn số tới, chúng tôi sẽ xin thông tin tiếp về vấn đề học phí ở bậc đại học...

Quy hoạch 3 địa bàn kinh tế trọng điểm

Chính phủ Việt Nam đã quy hoạch ba “ địa bàn kinh tế trọng điểm ” ở ba miền đất nước. Tại miền bắc, đó là tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Ở miền Trung, “ địa bàn ” này kéo dài từ Đà Nẵng, phía bắc ra tới Huế và phía tây đến biên giới Việt - Lào. Tại miền nam, là tam giác thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hoà - Bà Rịa, Vũng Tàu.

Theo thủ tướng Võ Văn Kiệt, cần chấm dứt tình trạng xây dựng kinh tế cục bộ mà ông gọi là “ phát huy thế mạnh mạnh ai nấy làm ”, làm suy yếu nội lực của nhau. Đồng thời, ông Kiệt cho rằng Việt Nam cần rút kinh nghiệm của các nước đi trước, “ không nên tập trung hoá các đô thị mà phải xây dựng các điểm kinh tế trên một địa bàn trọng điểm ”.

Chính phủ cũng xác định tam giác tăng trưởng của phía nam có một cơ cấu kinh tế vượt những vùng khác hàng chục năm và sẽ trở thành địa bàn phát triển hàng đầu của cả nước. Hiện nay, địa bàn này đã chiếm trên 30 % tổng sản phẩm quốc nội (viết tắt theo tiếng Anh : GDP), tốc độ tăng trưởng 17 % (cả nước : 7 %) và GDP bình quân đầu người vào khoảng 548 đôla (466 đôla nếu không kể đầu khí), so với 220 đôla trong cả nước.

Dự án quy hoạch ước tính việc phát triển địa bàn trọng điểm phía nam từ đây đến năm 2000 sẽ đòi hỏi một khối lượng đầu tư rất lớn, khoảng 22 tỉ đôla, song không nói rõ những nguồn vốn nào. Tổng số vốn nước ngoài thực sự được triển khai ở địa bàn cho tới nay, sau năm năm thực hiện luật đầu tư, chỉ có 1 tỉ đôla. Những phát biểu của thủ tướng cũng cho thấy chính phủ nhắm huy động nguồn đầu tư của các doanh nghiệp trong nước (xem tin dưới đây).

Một cải tổ quan trọng trong quản lý kinh tế của nhà nước được ông Kiệt nhấn mạnh là sự “ xoá bỏ ranh giới hành chính trong quản lý kinh tế ” : xoá bỏ sự phân biệt quản lý giữa trung ương và địa phương, xoá bỏ chế độ chủ quản của các bộ. Ông cũng đề ra chủ trương tiến tới hình thành những tập đoàn

doanh nghiệp lớn, những hiệp hội doanh nghiệp có thực chất mà ông gọi là “ nhân dân hiệp hội ” chứ không phải “ quốc doanh hiệp hội ”.

Theo giới quan sát, các nỗ lực quy hoạch về phát triển kinh tế ở Việt Nam vấp phải tình trạng cát cứ của các chính quyền địa phương. Cách đây một năm, khi sửa đổi hiến pháp, ông Kiệt đã thất bại trong việc giành cho chính phủ trung ương quyền được chỉ định người đứng đầu chính quyền tỉnh và thành phố. Quyền này vẫn ở trong tay các tỉnh ủy và thành ủy đảng cộng sản Việt Nam. Có thể nói, công cuộc phát triển kinh tế đòi hỏi một quyền lực của nhà nước trung ương mà hiện nay thủ tướng chính phủ không nắm được. (Theo Lao Động 15 và 22.8, Tuổi Trẻ chủ nhật 15.8.1993)

Đầu tư nước ngoài : chỉ mới 1,6 tỉ đôla

Theo Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư, tính đến tháng 6 năm nay, tổng số vốn thực đầu tư vào Việt Nam là 1,6 tỉ đôla, chỉ bằng một phần tư tổng số vốn đầu tư được đăng ký (6,3 tỉ đôla), và còn xa hơn con số 13 tới 14 tỉ đôla mong đợi từ đây tới năm 2000.

Đánh giá tình hình này, bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân, chủ nhiệm Ủy ban, thừa nhận tiến trình góp vốn chậm, “ chủ yếu ” là do các thủ tục hành chính sau khi cấp giấy phép đầu tư quá rườm rà. Theo ông, có đến 16 thủ tục đang gây khó khăn cho nhà đầu tư, trong đó phiền hà nhất là các thủ tục về đất đai và xây dựng. “ Thông thường, từ khi có giấy phép đầu tư đến khi được giấy phép xây dựng phải mất một năm ”. Ông cũng cho biết, dù đã có tới 90 luật và văn bản dưới luật về đầu tư, vẫn thiếu những đạo luật về lao động, thương mại, mua bán bất động sản và về xí nghiệp phá sản. (Tuổi Trẻ chủ nhật 15.8, Thời báo kinh tế Sài Gòn 26.8 và AFP 19.9.1993)

Được phép mở tài khoản

Ngày 1.9, thống đốc ngân hàng Việt Nam Cao Sĩ Kiêm đã thông báo quyết định của chính phủ Việt Nam cho phép dân thường được mở tài khoản cá nhân ở các ngân hàng quốc nội hoặc ngân hàng nước ngoài hoạt động ở Việt Nam. Trước đó, chỉ những cơ sở kinh tế hoặc các tổ chức mới được phép mở tài khoản ở ngân hàng. Quyết định này được công bố sau vụ vũ hui lớn ở thành phố Hồ Chí Minh hè vừa qua (xem Diễn Đàn số 22), là một phần trong nỗ lực hiện nay của chính phủ để cải tiến các hoạt động ngân hàng, nhằm thu hút vốn nhàn rỗi trong nhân dân vào các dự án kinh tế.

Đồng thời, một đạo luật về đầu tư của công dân Việt Nam đang được soạn thảo, với những điều khoản đảm bảo vốn đầu tư như đối với người nước ngoài. Các quan chức chính phủ, kể từ thủ tướng, cũng bắt đầu nói nhiều về ý tưởng không thể chỉ trông cậy ở vốn nước ngoài trong việc xây dựng kinh tế. Ông Cao Sĩ Kiêm ước lượng rằng trong khoảng 40 tỉ vốn đầu tư cần thiết cho các mục tiêu kinh tế từ đây tới năm 2000, ít ra là một nửa phải là vốn từ các nguồn trong nước. (Theo AFP 1, 7 và 13.9.1993)

Quỹ tín dụng nhân dân

Trong một chiều hướng khác, chính phủ đã quyết định thành lập Quỹ tín dụng nhân dân và tiến hành thí điểm tại

nông thôn 13 tỉnh, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn. Năm 1990, có trên 6000 hợp tác xã tín dụng hoạt động tự phát ngoài sự quản lý của nhà nước, rồi sụp đổ hàng loạt vì mất khả năng chi trả. Đến nay, chỉ có 62 hợp tác xã tín dụng và 10 ngân hàng cổ phần nông thôn còn tồn tại sau đợt giải thể, sắp xếp lại. (Tuổi Trẻ 28.8.1993)

Điện, nước thất thoát...

Theo báo Hà Nội mới, trên một khối lượng 300 000 m³ nước sản xuất hàng ngày, thủ đô Hà Nội hiện đang làm thất thoát đến 66 % (khoảng 200 000 m³ !). Sự thất thoát xảy ra trong quá trình truyền dẫn nước vì nhiều đường ống quá cũ bị rò rỉ, và do việc sử dụng nước không có đồng hồ (cả Hà Nội chỉ mới có 10 000 đồng hồ nước). Trong khi đó, 4 quận nội thành vẫn thiếu nước sinh hoạt ở mức trầm trọng và có đến 10 điểm phải sử dụng xe chở nước phân phối cho dân.

Hà Nội mất nước, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh lại mất điện. Theo báo Lao Động (25.7), lượng điện bị mất ở Hải Phòng có tháng lên đến 59 %, tương ứng với 15,3 triệu kwh. Trong khu vực sinh hoạt, tổn thất tháng cao nhất là 80 %. Nguyên nhân chính là trên 100 000 hộ sử dụng điện, chỉ có 30 000 có gắn đồng hồ điện và trên số đó có tới 90 % bị vô hiệu hoá ! Kết quả là mỗi hộ gia đình ở Hải Phòng bình quân hàng tháng được nhà nước “ trợ cấp ” 100 000 tiền điện. Ngoài ra, số dư nợ tiền điện mà thành phố không thu được lên đến 35 tỉ đồng. Còn tại thành phố Hồ Chí Minh, theo Thông tấn xã Việt Nam ngày 28.7.93, tỷ lệ thất thoát điện được ước tính là 20 %, trong đó tổn thất về kỹ thuật là 18 %, còn lại là tổn thất qua kinh doanh.

... Vũ khí bị mất cắp

Số liệu thống kê của bộ nội vụ cho biết đã có đến 1040 vụ mất cắp tại các kho vũ khí mà nhà nước quản lý (580 khẩu súng, hàng vạn viên đạn, 14 tấn thuốc nổ, 46 nghìn kíp nổ...). Chỉ tại 12 kho vũ khí của quân đội được kiểm tra, 475 khẩu súng các loại, 20 000 viên đạn, 10 quả đạn pháo lớn, 32 quả mìn định hướng, 34 quả bom... đã không cánh mà bay !

Thị trường vũ khí trong nước (và từ Việt Nam đi đâu khác ?) sôi động hẳn lên, với hàng trăm vụ buôn bán vũ khí được phát hiện trong hai năm 1991 - 1992. Nghiêm trọng hơn, công an vừa bắt được, qua hai cuộc kiểm tra giữa trung tâm Hà Nội, gần 20 kg uranium buôn lậu. Báo Hà Nội Mới ngày 20.9 đưa tin này còn cho biết nhóm buôn lậu có cả công an đi hộ vệ, nhưng không đưa thêm chi tiết là bao nhiêu người bị bắt, họ buôn uranium từ đâu, đi đâu v.v...

Khi hải quan hợp thức hoá buôn lậu

Đầu tháng 9 vừa qua, toà án tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử vụ án tham nhũng của ban giám đốc hải quan Kiên Giang đã hợp thức hoá bằng hồ sơ giả việc nhập lậu 1578 xe gắn máy và 24ô tô, làm thất thu cho ngân sách nhà nước 4,2 tỉ đồng. Trong hai năm 1991-92, các bị can khai đã nhận hối lộ hơn 200 lượng vàng và 100 triệu đồng : từ 1,5 đến 3,5 chỉ vàng cho một xe gắn máy và từ 10 đến 11 chỉ cho một xe du lịch.

Trong 17 bị cáo, có giám đốc hải quan Kiên Giang Nguyễn Văn Hùng, phó giám đốc phụ trách nghiệp vụ kiêm bí thư chi bộ đảng Trịnh Hoàng Cầu, phó giám đốc phụ trách tổ chức Phạm Văn Thọ, phó giám đốc phụ trách chống buôn lậu (!) Nguyễn Văn Thuỷ. Toà án đã tuyên phạt Nguyễn Văn Hùng và Trịnh Hoàng Cầu mỗi người 20 năm tù, năm cán bộ hải quan khác bị án từ 1 đến 12 năm tù, tất cả phải liên đới bồi thường số vàng và tiền nhận hối lộ. Các bị cáo khác đóng vai trò đầu nậu buôn xe lậu và môi giới bị xử từ 2 đến 20 năm tù.

Tiếp theo vụ án buôn lậu – tham nhũng của hải quan sân bay Tân Sơn Nhất (xem **Diễn Đàn** số 22), Viện kiểm sát nhân dân đã khởi tố giám đốc sở nhà đất Lê Thanh Hải về tội tham nhũng (nhận hối lộ một xe gắn máy Dream 2 và một ký vàng) trong việc cấp và hoá giá nhà cho giám đốc hải quan Phan Anh Tuấn. Tên của một số nhân vật khác cũng đã xuất hiện trong những lời khai báo tại các phiên toà đầu tháng 8. Đó là : phó tổng cục trưởng hải quan kiêm phó ban đặc nhiệm chống buôn lậu trung ương Lâm Văn Độ (đã nhận hối lộ một xe gắn máy Dream 2, một người con ông Độ, bà Lâm Ngọc Cẩm Lệ, cán bộ hải quan Tân Sơn Nhất cũng vừa bị phạt 16 năm tù về tội buôn lậu và nhận hối lộ), các trách nhiệm công an quận Tân Bình Đoàn Công Chánh và Hồ Tấn Cảnh, giám đốc sân bay Tân Sơn Nhất Trần Minh Châu và phó giám đốc Lê Hải. Dư luận cũng đặt câu hỏi về thái độ của tổng cục trưởng hải quan Trương Quang Được, đã không đình chỉ chức vụ giám đốc hải quan thành phố của Phan Anh Tuấn khi vụ án bị khởi tố, tạo điều kiện cho ông này cản trở hoạt động điều tra, tẩu tán tài sản. (Lao Động 8.8, 16.9 và Phụ Nữ TPHCM 11.8.1993).

Bán trung tâm Hà Nội ?

Kế hoạch của sở Nhà đất Hà Nội về việc thu hồi và sang sửa lại 150 biệt thự ở trung tâm thành phố để cho các công ty nước ngoài thuê đã được chính phủ bật đèn xanh. Khoảng 1000 hộ gia đình sẽ bị buộc phải di chuyển khỏi các biệt thự nói trên, thuộc các phố Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Quang Trung, Nguyễn Du và Phan Chu Trinh. Chi phí bồi thường và di chuyển các hộ đó được ước lượng khoảng 100 tỉ đồng (gần 10 triệu đôla), 150 tỉ đồng khác được dự trù cho việc cải tạo, sang sửa các biệt thự. Theo nhiều nguồn tin từ Hà Nội, thời hạn cho thuê các biệt thự có thể lên đến 99 năm ! Tiền thuê một biệt thự nhỏ, tương đối tốt ở trung tâm Hà Nội, hiện nay lên tới 5 000 đôla một tháng.

Một dự án khác cũng đang được sở Nhà đất Hà Nội trình lên chính phủ là việc xây dựng 100 000 m² nhà mới, cũng để cho người nước ngoài thuê. Theo dự án này, 2 000 hộ khác cần phải di chuyển khỏi chỗ ở hiện nay của họ, tại các phố Pháp cũ, cũng trong trung tâm thành phố nhưng tình trạng nhà cửa xấu hơn, không thể cải tạo mà phải phá đi xây lại. Chi phí bồi thường và di chuyển các hộ này lên tới 28,2 triệu đôla.

Theo một cuộc thăm dò của ủy ban nhân dân Hà Nội, 40 % những người liên hệ tới các dự án nói trên chấp nhận được bồi thường để đổi chỗ ở, 30 % khác từ chối, còn lại là những người chờ xem, chưa trả lời. (Thời báo Kinh tế Việt Nam 9-15.9 và AFP 7.9.1993)

Báo tư nhân : người trước ta sau

Luật báo chí Việt Nam vẫn chưa cho phép ai khác ngoài các cơ quan, đoàn thể của đảng được ra báo..., nhưng điều đó không cấm cản các nhà tư bản nước ngoài đầu tư vào những cơ sở báo chí ở Việt Nam ! Từ năm 1991, một công ty Úc đã đầu tư vào tờ báo tiếng Anh *Vietnam Investment Review*. Từ 4 tháng nay, tờ *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, tiếng là Cơ quan trung ương của Hội kinh tế Việt Nam nhưng thực chất đã vào tay của tập đoàn xuất bản Thuy Sĩ Ringier (người mua báo dài hạn được yêu cầu gửi ngân phiếu về Ringier AG, Dufourstrasse 23, CH - 8008 Zurich). Tập đoàn này dự trù ra tiếp một bản tiếng Anh của *Thời báo*, đồng thời cũng sẽ ra một nguyệt san về thời trang. Công ty Thái Lan Manager Public Co. đã nhận hợp tác với Thông tấn xã Việt Nam để hiện đại hoá nhật báo tiếng Anh *Vietnam News*. Nhà tư bản Úc khét tiếng trong lĩnh vực xuất bản, ông Rupert Murdoch đã tới Hà Nội tìm hiểu thị trường, trước mắt là khả năng mở ra sự hợp tác với Vô tuyến truyền hình Việt Nam. Đài BBC, một nhà tư bản Úc khác Kerry Packer và nhiều công ty xuất bản Pháp cũng nhắm nhe thị trường quảng cáo trên truyền hình Việt Nam...

Chắc hẳn mọi người đều hiểu là các nhà tư bản nước ngoài đó nghĩ đến tương lai dân trí của Việt Nam hơn những nhà tư bản và trí thức trong nước ? (Theo AFP, 12 và 20.9.1993)

Mỹ : nới nhưng chưa bỏ cấm vận

Rút cục thì ngày 14.9.1993 chưa được đánh dấu là ngày mở ra mối quan hệ mới giữa Mỹ và Việt Nam. Dưới áp lực của các tổ chức gia đình những quân nhân bị mất tích (MIA) và nhiều phe phái bảo thủ khác (một “ tài liệu Liên Xô ” về việc Hà Nội không nói đúng số tù binh Mỹ trong chiến tranh lại được tung ra vào đầu tháng 9...), tổng thống Clinton đã quyết định tiếp tục chính sách cấm vận, tuy có nới lỏng đôi chút : các công ty Mỹ chưa được phép trực tiếp làm ăn với Việt Nam, nhưng được phép đấu thầu để tham gia những công trình xây dựng sử dụng vốn do các định chế tài chính quốc tế (IMF, WB, ADB) cho vay. Một số công ty xây dựng lớn, như tập đoàn Bechtel Corp. có thể hưởng lợi trong các công trình nói trên, song những công ty đầu mỏ, viễn thông, hàng không v.v... của Mỹ còn phải chờ khi cấm vận được bãi bỏ. Trong khi chờ đợi, điều đó không ngăn cản Nhà Trắng cho phép một công ty Mỹ, công ty San Rafael thành lập “ Quỹ đầu tư vào Việt Nam ” để bắt đầu huy động vốn... cho các hoạt động tương lai. .

Hà Nội đã phản ứng nhẹ nhàng về quyết định của tổng thống Clinton. Một thông báo của bộ ngoại giao Việt Nam cho rằng đây là “ một bước nhỏ, rất nhỏ, trong chiều hướng tốt ”, và nhắc lại “ cấm vận là đi ngược lại quyền được phát triển kinh tế của các dân tộc ”.

Trước đó, trong tháng 8, lần đầu tiên một nhà ngoại giao Mỹ đã được cử tới Hà Nội nhận một nhiệm vụ ngoại giao thường trực ở Việt Nam : “ giúp đỡ những du khách Mỹ và thân nhân những gia đình MIA đi thăm Việt Nam ”.

Trong những tháng tới, nhiều phái đoàn doanh nhân Mỹ vẫn có dự định đi Việt Nam tìm hiểu thị trường, chuẩn bị

làm ăn. (Tổng hợp nhiều tin thông tấn trong tháng 8 và 9.1993)

IMF (tiếp theo kỳ trước)

Khi số báo này in xong, chắc việc giải quyết món nợ 140 triệu đôla của Việt Nam tại Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), mở đường cho việc vay những số tiền lớn khác (xem *Diễn Đàn* số 22) đã được giải quyết. Ngày 22.9, một tổ hợp ngân hàng quốc tế, đứng đầu là Ngân hàng ngoại thương Pháp (BFCE) và gồm nhiều ngân hàng của nhiều nước châu Á, Úc, Trung Cận Đông đã ký với chính phủ Việt Nam một thoả ước mở 85 triệu đôla tín dụng vào việc này. Hai ngày sau, Thụy Điển cho biết sẽ đưa thêm vào đó 10 triệu đôla v.v... Các nhà quan sát cho rằng mọi việc sẽ được giải quyết xong trong kỳ họp ngày 27.9 tới đây của IMF. Hà Nội đang chờ đón tiếp ông tổng giám đốc IMF Michel Camdessus vào đầu tháng 10.

Bỉ xoá nợ

Ngày 10.9, tại Hà Nội, ông Eric Derycke, bộ trưởng phụ trách về hợp tác và phát triển của Vương quốc Bỉ đã ký với chính phủ Việt Nam một nghị định thư xoá bỏ một món nợ 368 triệu FB (10 triệu đôla) của Việt Nam đối với nước này. Đổi lại, Hà Nội cam kết thiết lập một quỹ bằng tiền đồng, tương đương với 86 triệu FB, để tài trợ cho những chương trình xã hội và tạo công ăn việc làm. Bỉ cũng sẽ viện trợ song phương cho Việt Nam 150 triệu FB mỗi năm, trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, năng lượng và nông nghiệp.

Theo ông Eric Derycke, hai chính phủ đã ký kết một thoả ước trên tinh thần “ tôn trọng dân chủ, các quyền con người, và tình hữu nghị ”, ông cho rằng “ về vấn đề này (nhân quyền), Việt Nam đang đi vào đường tốt, tuy vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết ”. Ông cho biết, Cộng đồng châu Âu cũng sẽ ký kết với Việt Nam một thoả ước trên tinh thần này, trước cuối năm nay.

Suy dinh dưỡng

Theo *Lá thư hàng tháng* (tháng 9.93) của UNICEF, phân bộ Pháp, tình trạng thiếu ăn vẫn đáng lo ngại ở Việt Nam, và 42 % trẻ em Việt Nam bị suy dinh dưỡng ở nhiều mức độ. Trong lứa trẻ dưới 5 tuổi, 50 % cháu bé bị loạn chức năng tăng trưởng (troubles de croissance) : 40 % cháu không đủ số cân trung bình và 9 % suy dinh dưỡng trầm trọng.

Một thông tin khác, từ Viện răng hàm mặt Hà Nội, cho biết Việt Nam hiện có 7 triệu trẻ em bị bệnh răng, miệng, chủ yếu ở lứa tuổi mẫu giáo và phổ thông cơ sở, trong đó khoảng 60 % trẻ bị sâu răng và 95 % bị viêm lợi.

Theo UNICEF, mới có 21 % dân chúng ở nông thôn và 45 % dân thành thị có nước sạch trong sinh hoạt. Năm 1992, tổ chức này đã giúp Việt Nam 14 800 máy bơm nước.

Huế : nứt, sụt đất

Trong tháng 8 vừa qua, đất ở một số vùng ngoại ô thành phố Huế bị nứt và sụt. Riêng tại xã Hương Hồ, trên vài ba cây số, có đến 30 vết nứt, độ mở đến 40 cm, sâu từ 1,5 m đến 5 m và chạy dài đến 50 m. Nhiều vết nứt, sụt băng qua nhà dân và

trường học.

Dư luận Huế cho rằng do nắng hạn kéo dài, các mạch nước ngầm khô cạn, đất co lại sinh ra hiện tượng này. Mùa hè năm 1953, ngoại ô Huế đã xảy ra sự kiện đất nứt, sụt, đến cuối năm mưa lớn, đất núi lở, gây trận lụt chưa từng có ở Huế.

Cuối tháng 8, những trận mưa lớn đầu mùa đã xuất hiện từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên - Huế. (Lao Động 2 và 5.9.93)

Giải thưởng văn học 1993

Hội nhà văn Việt Nam đã trao giải Văn 1993 cho tập truyện ngắn *Con mèo Fujita* của Nguyễn Quang Sáng. Hồi ký *Cát bụi chân ai* của Tô Hoài, các tập truyện ngắn *Con gái thủy thần* của Nguyễn Huy Thiệp, *Heo may gió lộng* của Ma Văn Kháng, *Mối tình chàng Lung Mù* của Từ Nguyên Tính và *Cát Đới* của Nguyễn thị Thu Huệ đã vào chung khảo.

Về thơ, có hai tập được giải : *Sự mất ngủ của lửa*, của Nguyễn Quang Thiều và *Xúc xắc mùa thu* của Hoàng Nhuận Cầm. *Tỉnh giấc mùa xuân* của Đỗ Minh Tuấn là tập thứ ba vào chung khảo.

Phim Việt Nam tại Hà Lan và Nhật

Một “ *Liên hoan phim Việt Nam* ” tại Hà Lan sẽ giới thiệu các phim truyện và tài liệu *Bao giờ cho đến tháng mười* (Đặng Nhật Minh, 1984), *Chuyện tử tế* (Trần Văn Thủy, 1986), *Ngọn đèn trong mơ* (Đỗ Minh Tuấn, 1987), *Gánh xiếc rong* (Việt Linh, 1988), *Tướng về hưu* (Nguyễn Khắc Lợi, 1988), *Người tìm vàng* (Đào Bá Sơn, 1989), *Không có đường chân trời* (Khánh Dư, 1989), *Hồ Chí Minh, chân dung một con người* (Bùi Đình Hạc, 1990), *Dấu ấn của quý* (Việt Linh, 1992), *Anh chỉ có mình em* (Đới Xuân Việt, 1993). Các bộ phim sẽ được chiếu trong hai tháng 10 và 11 tại các thành phố Amsterdam, Rotterdam, Den Haag, Nijmegen, Vlissingen, Middelburg, Goes, Delf, Eindhoven, Wageningen (để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Gate Foudation ở Amsterdam, đ.t. 31-20 62 08 057)

Bộ phim “ *Dấu ấn của quý* ” của đạo diễn Việt Linh đã đoạt giải đặc biệt của ban giám khảo Liên hoan phim Châu Á – Thái Bình Dương, ở Fukuoka (Nhật) đầu tháng 9 vừa qua.

TIN NGẮN

➤ Quỹ trợ giúp cho Giáo dục Việt Nam, do một số công ty Mỹ đóng góp, đã đề ra một dự án 20 triệu đôla nhằm giúp Việt Nam cải tiến sách giáo khoa, đào tạo giáo viên và chuyên gia giáo dục.

➤ Trung tâm Phân tích thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp nhận một hệ thống máy cộng hưởng từ hạt nhân (RMN) do chính phủ Pháp tài trợ. Đến nay, Trung tâm đã nhận được 12 triệu FF máy móc, thiết bị của Pháp. Nhiều nhà khoa học Việt kiều đã tham gia quá trình xây dựng trung tâm này.

➤ Nhà tạo mẫu thời trang kiêm đại sứ thiện chí của UNESCO, ông Pierre Cardin sẽ đến Việt Nam để tổ chức một chương trình biểu diễn thời trang với người mẫu và ca sĩ Pháp, lấy tiền cho quỹ bảo trợ trẻ em mồ côi, bất hạnh.

➤ Trong hai tuần, cuối tháng 8 và đầu tháng 9, người ta đã ghi nhận hai trường hợp tử vong vì bệnh dịch tả ở Huế. 444 người khác được đưa vào chăm sóc ở các bệnh viện Huế, trong đó 291 người ở ngay tại thành phố. Cũng trong tháng 9, trường hợp đầu tiên bị nhiễm vi khuẩn SIDA đã được phát hiện ở Hà Nội.

➤ Úc và Thái Lan sẽ hợp tác để giúp Việt Nam trong chương trình Kế hoạch hoá gia đình và cải thiện tình trạng sức khoẻ của các bà mẹ và trẻ sơ sinh. Theo dự tính, sẽ có việc phân phối miễn phí thuốc ngừa thai và bao cao su trong nông thôn.

➤ 7050. Đó là con số chính thức những xí nghiệp quốc doanh còn tồn tại vào tháng 6.1993, sau những đợt giải thể và sắp xếp lại và chuyển đổi sang khu vực ngoài quốc doanh được tiến hành từ năm 1990. Những đợt tổ chức lại này đã làm giảm số xí nghiệp quốc doanh khoảng 5 000 đơn vị, trong đó có 2 000 đã được đưa ra ngoài.

➤ Ngày 8.9, Công an thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định khởi tố “ vụ án truyền bá văn hoá đồi trụy : sáng tác, xuất bản và phát hành quyển tiểu thuyết Nổi Loạn của Đào Hiếu ”. Cơ quan an ninh đã đến khám xét nhà ở của nhà văn Đào Hiếu.

➤ Dưới hình thức một thông báo của Ủy ban nhân dân TPHCM ngày 16.9, Việt Nam đã không chấp nhận việc Toà thánh Vatican bổ nhiệm giám mục Huỳnh Văn Nghi – giáo phận Phan Thiết – làm giám quản tông toà giáo phận thành phố, thay vì làm Tổng giám mục phó với quyền kế vị Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình. Thông báo cho rằng Vatican vẫn muốn giữ ý định sẽ bổ nhiệm giám mục Nguyễn Văn Thuận làm Tổng giám mục giáo phận TPHCM, một người không được chính quyền chấp nhận.

➤ Ngày 20.9, Hà Nội một lần nữa lên tiếng đòi Trung Quốc rút đi tàu Nam Hải 05 đang thăm dò dầu mỏ ở một vùng thuộc chủ quyền Việt Nam trong Vịnh Bắc Bộ. Năm ngoái, để chuẩn bị chuyển đi Việt Nam của thủ tướng Lý Bằng, Trung Quốc đã gọi các tàu thăm dò ở những vùng tranh chấp về nước. Tháng 8 năm nay, các tàu này lại trở lại hoạt động ở những vùng nói trên. Tháng 11 tới đây, chủ tịch nước Việt Nam Lê Đức Anh sẽ sang thăm Trung Quốc.

➤ Một số người trách nhiệm công ty dầu mỏ Mỹ Mobil Oil Co. đã gặp thủ tướng Võ Văn Kiệt tại Hà Nội đầu tháng 9 đưa hồ sơ đấu thầu thăm dò và khai thác vùng mỏ Thanh Long, ở phía đông vùng Đại Hùng. Trước năm 1975, Mobil là công ty đầu tiên đã tìm thấy dầu ở ngoài khơi biển Việt Nam. Lần này trở lại, công ty liên kết với 3 công ty Nhật Japex, Impex và Nissho-Iwai.

➤ Chính phủ Việt Nam đã bật đèn xanh cho một tổ hợp do công ty Pháp Total đứng đầu (Total 30 %, PetroVietnam cũng 30 %, hai công ty Đài Loan khác phần còn lại) để nghiên cứu tính khả thi của dự án xây dựng và khai thác nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam. Theo dự án, năng suất của nhà máy sẽ là khoảng 6,5 triệu tấn/năm. Ước lượng nhu cầu dầu lọc của Việt Nam vào năm 1995 khoảng 4 triệu tấn/năm.

➤ Từ ngày 25.10, hãng hàng không Pháp Air France sẽ cho Việt Nam thuê 3 chiếc Airbus A320 và 21 phi công để thực

hiện những chuyến bay nội địa và liên vùng. Từ tháng 1.94, sẽ có thêm hai chiếc A320 và 14 phi công khác. Hợp đồng này mang lại cho Air France 350 triệu FF trong hai năm tới.

➤ Công ty xây dựng Hà Nội và công ty Malaixia Renong đã ký kết một hợp đồng để xây dựng một khu chế xuất (zone franche) ở cách Hà Nội 45 km về phía bắc. Đây là một liên doanh có thời gian hoạt động 70 năm, với số vốn đầu tư 388 triệu đôla, trong đó 70 % là của Renong. Hai bên hy vọng có thể khởi công vào ba tháng tới, sau khi hợp đồng đã được chính phủ Việt Nam thông qua.

➤ Chính phủ Úc đã quyết định bỏ ra 5 triệu đôla Úc (3,2 triệu đôla Mỹ) trong hai năm tới để giúp Việt Nam sản xuất lúa gạo tốt hơn. Chương trình sẽ tập trung vào việc huấn luyện nông dân Việt Nam những phương pháp sinh thái học để kiểm soát sâu bọ mà không cần dùng thuốc trừ sâu hoá học.

➤ Tỉnh Kiên Giang đã chọn công ty Xingapo Koh Brothers để hợp tác xây dựng đảo Phú Quốc. Công ty này sẽ đầu tư 500 triệu đôla để xây dựng cơ sở hạ tầng cho đảo (sân bay, cầu, cảng, hệ thống giao thông, nhà máy điện, nước). Đổi lại, công ty được cấp đất để xây cất công trình kinh doanh (khách sạn, khu du lịch, khu công nghiệp hải sản), khai thác trong thời gian 50 năm.

➤ Nhà máy sản xuất nguyên liệu kháng sinh đầu tiên của Việt Nam sẽ được xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh, với công suất 150 tấn/năm. Đây là một công trình liên doanh giữa Xí nghiệp dược phẩm 24 và công ty Nam Triều Tiên Woopyung, với vốn đầu tư 3.75 triệu đôla, trong đó công ty Nam Triều Tiên bỏ ra 51 %.

➤ Ngân hàng thế giới (World Bank) đã chấp thuận cho ngành cao su Việt Nam vay 30,9 triệu đôla (với lãi suất 0,79 %) trong vòng 40 năm (bắt đầu trả từ năm thứ 11). Chương trình này nhằm giúp đỡ cho việc phục hồi và chế biến cây cao su tại 4 tỉnh Sông Bé, Tây Ninh, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tìm đọc

Hợp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

- * Nơi quy tụ hầu hết các cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.
- * Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Liên lạc :

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277, Garden Grove
CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện,

15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Kiểm lại một số ý kiến góp về việc học

Bùi Trọng Liễu *

Tháng 4/1987, giáo sư Phan Đình Diệu và tôi có viết chung một bài báo, với đầu đề là “*Góp ý kiến về việc học*”, đăng trên báo *Tổ Quốc* số tháng 11/1987, rồi báo *Nhân Dân* đăng ngày 27/12/1987 và báo *Tuổi Trẻ* đăng ngày 29/12/1987. Những ý đăng trong bài đó cũng là những ý mà mỗi người chúng tôi “*điều trần nội bộ*” với những vị có thẩm quyền. Đã hơn 6 năm qua. Tôi muốn trích lại những điều chính phát biểu trong bài đó, và — để kiểm điểm so sánh với hiện nay — tôi xin ghi kèm theo “*lời bình*” những gì đã được thực hiện, những gì chưa đạt được, những gì còn giá trị, những gì đã lỗi thời. Những lời bình này là của riêng tôi, nhưng tôi tin rằng giáo sư Diệu cũng chia sẻ với tôi. (Dưới đây, các phần trích dẫn sẽ in bằng chữ nghiêng, có vạch xám dọc theo lề).

[Trích bài đăng năm 1987 kể trên :]

Vấn đề “*đất nước phát triển, xã hội tiến bộ, cuộc sống văn minh và hạnh phúc*” gắn liền với vấn đề “*trí tuệ*”, nghĩa là gắn liền với vấn đề “*học*” [...]

I. Mục tiêu của việc học

Trước hết, cần nhắc lại mấy mục tiêu của việc học :

1.- Mục tiêu thứ nhất là tạo lập một cơ sở tri thức, văn hóa cho con người và xã hội.

a/ “*Học*” là một đòi hỏi của xã hội, bởi vì một xã hội tiến bộ chỉ có thể là tập hợp của những con người có trình độ hiểu biết cao.

b/ “*Học*” là một nhu cầu tri thức của mỗi cá nhân : nhu cầu đó cần được đáp ứng vì nó dựa trên quyền được hiểu biết của mỗi người.

2.- Mục tiêu thứ nhì là việc đào tạo chuyên môn nghề nghiệp :

a/ Đào tạo chuyên môn nghề nghiệp để đáp ứng cho các khu vực sản xuất, kinh tế, hành chính và cho các hoạt động xã hội khác của đất nước.

b/ Cho mỗi cá nhân một chuyên môn nghề nghiệp, để mưu cuộc sống.

Hai mục tiêu đó tạm gọi tắt là mục tiêu “*kiến thức*” và mục tiêu “*nghề nghiệp*” quan hệ với nhau, nhưng phải được phân biệt, và không nên xem là đồng nhất.

Lời bình : Hai mục tiêu đó, ngày nay đã được chấp nhận, và trở thành bình thường. Nhưng nếu áp dụng vào nền đại học, tôi thiết tưởng cần nêu lại “*sứ mạng*” của nền đại học thời nay : truyền bá sự hiểu biết, thông tin khoa học và kỹ thuật, mở rộng văn hoá, nâng cao trí tuệ và tính độc lập suy nghĩ, hợp tác quốc tế và hoà nhập vào sự tiến triển chung của thế giới, hoà với việc đào tạo nghề nghiệp.

* giáo sư đại học Paris

II. Vài điểm về việc học trong thời đại ngày nay

1.- Trong sự phát triển của một nước, trình độ văn hoá, khả năng học hỏi và sự hiểu biết chung của quần chúng, cũng như của lãnh đạo, đóng một vai trò quan trọng, chủ vấn đề không chỉ phụ thuộc vào có bao nhiêu kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, v.v. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật, yêu cầu hiểu biết chung để trở thành một người “*có văn hoá*”, một xã hội “*có văn hoá*” càng ngày càng cao.[...]

2.- Không thể tách rời trình độ đào tạo nghề nghiệp trong một nước ra khỏi trình độ chung của thế giới : thời đại hiện nay là thời đại của trao đổi, phân công, cạnh tranh. Cần phân biệt tư tưởng “*không ý lại*” với tư tưởng sai lầm “*tự cấp, tự túc*” đưa đến việc đóng cửa và dàn đều ở một trình độ thấp, chất lượng kém. Trong đào tạo nghề nghiệp ngày nay, cũng như trong vấn đề sản xuất, cần có lựa chọn trọng điểm, trọng tâm và bảo đảm chất lượng cao.

3.- Phải phân biệt giữa ba vấn đề : học, học vị và vị trí nghề nghiệp trong xã hội. Mặc dù ba vấn đề đó liên quan mật thiết với nhau, không thể lẫn lộn hoặc để nhập nhằng rằng cứ học là sẽ có học vị, cứ có học vị là sẽ có vị trí nghề nghiệp. Nếu không thì học vị sẽ không đánh giá đúng trình độ hiểu biết, và vị trí nghề nghiệp sẽ không tương xứng với thực lực. Và từ đó sẽ xảy ra sự hỗn loạn trong phát triển và sử dụng trí tuệ. Sự hỗn loạn đó sẽ có những hậu quả rất lâu dài, kéo theo những hỗn loạn khác trong kinh tế, luân lý, xã hội, văn hoá, v.v.

Lời bình : Những điểm nêu lên thời đó, ngày nay đã được coi như sự tất nhiên. Và ngôn ngữ “*rào trước đón sau*” cần thiết cho thời đó, ngày nay có thể làm cho người đọc mỉm cười. Nhưng cần nói thêm rằng bài chúng tôi viết từ tháng 4/1987, mãi sáu tháng sau mới được đăng, có lẽ do sự quá thận trọng của một số cán bộ. Không khí hiện nay so với thời đó, đã khác nhiều. Phải chăng, đây là bằng chứng của một sự tiến bộ ?

III. Nhìn lại việc học của ta trong thời gian qua

1.- Người Việt Nam ta vốn có truyền thống “*hiếu học*”. Từ xưa đến nay, hầu hết mọi gia đình, dù phải thắt lưng buộc bụng, thường cố gắng cho con cháu mình được học hành càng cao càng tốt, nếu không được học thì không thoả mãn. Mặt khác, quá khứ và hiện tại cho thấy là khả năng tiếp thụ trong việc học của người Việt Nam không phải là nhỏ. Nhưng cần xem lại cách tổ chức học và cách phát huy sự hiểu biết, trong từng giai đoạn, có phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội không.

2.- Xưa kia, từ ngày có học hành thi cử cho đến cuối thế kỷ 19, tổ tiên ta luôn luôn quan niệm vấn đề thi cử như là một biện pháp tuyển lựa một số người (quan lại) cho giữ máy hành chính nhà nước (khác với quan niệm thi cử để đánh giá một trình độ kiến thức). Như vậy có nghĩa là người Việt Nam thuở xưa đã quan niệm bằng cấp dính liền với một nghề nghiệp vào “*biên chế*” (quan lại). Tuy nhiên, thời xưa, tuy số người đỗ ít, nhưng số người “*học để đi thi*” đông, cho nên phần nào tỷ số người có một trình độ văn hoá so với dân số cũng không đến nỗi thấp quá. Nhưng vì mục tiêu “*kiến thức*” của vấn đề “*học*” bị coi nhẹ, cho nên người đương thời không đủ sức để tự tạo nên sự tiến bộ cho xã hội mình, mà cũng không đủ sức để tiếp thụ nổi cái mới từ bên ngoài. Những đau khổ mà dân tộc ta phải chịu đựng từ thế kỷ 19 đến một quá khứ gần đây, phải chăng cũng có

phần là hậu quả của việc thiếu những kiến thức của thời đại khi cần thiết ?

Lời bình : Nối tiếp truyền thống của kẻ sĩ thuở xưa, chúng tôi đem gương đời trước để minh họa cho những ý phát biểu cho ngày nay. Tôi xin được nêu thêm hai điểm của một vấn đề : Một số người Việt Nam thường đổ lỗi cho nhà cầm quyền thế kỉ 19 (nghĩa là triều đình Huế) về tội để mất nước, với lý do rằng các nhà cầm quyền thời đó không biết những kỹ thuật mới của phương Tây. Tôi nghĩ hơi khác. Ngay từ đời trước đó, nhà cầm quyền đã biết, chứ không phải không biết, những thành tựu của kỹ thuật mới của phương Tây. Vài thí dụ nhỏ : việc Lê Chiêu Thống (thế kỉ 18) lúc cầm cự với Tây Sơn, dùng ống viễn kính khi ra trận (Hoàng Lê Nhất thống chí, hồi thứ 11), việc Gia Long đóng tàu chiến, đúc súng, xây thành kiểu phương Tây v.v... Nhưng những sự hiểu biết đó chỉ gói trong phạm vi của mấy nhà cầm quyền, còn dân chúng thì hoàn toàn chìm đắm trong sự không biết. Đó là điểm thứ nhất. Mặt khác, nhà cầm quyền thời đó tự cho rằng mình có đủ văn minh rồi (thể chế, cách trị nước, nền nếp xã hội, văn hóa, học vấn v.v.), chỉ thiếu một chút kỹ thuật mà thôi, cho nên các vị đó mới không nhìn nhận sự cần thiết tìm hiểu những mô hình xã hội, cách sống, cách làm, cách học v.v... ở nơi khác. Đó là điểm thứ hai. Cho nên tôi nghĩ rằng sự thất bại của ta ở thế kỉ 19 là sự thất bại về trí tuệ, chứ không chỉ là sự thất bại về kỹ thuật thôi. Nếu rút kinh nghiệm cho ngày nay, có thể nói rằng sự học hành được tự do, dân trí cao, sự thông tin được phổ biến trong dân chúng, sự trao đổi ý kiến được bảo đảm rộng rãi, chính là những “ vũ khí ” cần thiết để bảo vệ cho độc lập dân tộc, cho dân sinh hạnh phúc.

3.- Những ngày đầu sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, phong trào chống nạn mù chữ đã đáp ứng được nhu cầu của thời đó, góp phần nâng trình độ giác ngộ của quần chúng. Những cố gắng trong việc tổ chức việc học thời đó hẳn đã góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Sau 1954, trong thời kỳ kiến thiết, để có thể từ chỗ “ không có ” đến đào tạo để “ có ” (cán bộ cho mọi ngành cần thiết), rồi sau đó trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, hệ thống đại học được sắp xếp ngả theo mục tiêu nghề nghiệp và theo con số (trên nguyên tắc) phù hợp với kế hoạch nhà nước, được phân công và sử dụng theo nhu cầu. Cách tổ chức này đã đáp ứng được nhu cầu của một thời đã qua. Đó là những thành tựu của các giai đoạn đã kể trên.

4.- Ngày nay, tình hình và nhu cầu của đất nước đã thay đổi. Trong ý chí muốn phát triển, để bảo đảm và nâng cao mức sống, để đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội và nguyện vọng của quần chúng, để theo kịp trào lưu tiến triển của thế giới, cách tổ chức việc học của ta cần được thay đổi. Trong cách tổ chức việc học của ta hiện nay, có một số điểm cần được xem xét lại như sau :

[...] b/ Nguyên tắc kế hoạch hoá chi li toàn bộ việc học, nguyên tắc Nhà nước bao cấp toàn bộ việc học và phân công, quan niệm học vị nặng nề, không những không đáp ứng được những nhiệm vụ thực sự của đất nước, mà còn có những hiệu quả tiêu cực như :

- b.1/. Hạn chế việc học [...], và tạo những bất công trong tuyển sinh.

- b.2/. Không bảo đảm được chất lượng và không nâng cao được trình độ chuyên môn vì học lực của một số học sinh, vì Nhà nước không đủ khả năng vật chất đầu tư trang bị và bồi

dưỡng cán bộ v.v...

- b.3/. Không hợp lý trong vấn đề phân phối, sử dụng cán bộ, không đáp ứng được nhu cầu cán bộ cho địa phương.

Lời bình : Về điểm b.1/, chúng tôi đặc biệt muốn nói tới “ vấn đề lý lịch ” trong việc học, mà nay đã được xóa bỏ. Còn các điểm b.2/ và b.3/ vẫn còn tồn tại. Có lẽ có thể nói thêm là ngày nay, “ ý chí muốn học hành ” của thanh niên bị tụt xuống thấp làm trầm trọng thêm vấn đề.

IV. Một số đề nghị

Để khắc phục những thiếu sót nói trên, [...] cần có sự đổi mới cách tổ chức hệ thống học của ta. Dưới đây, chúng tôi xin nêu một số đề nghị, chủ yếu đề cập việc học ở mức đại học.

1. Nên lập hai hệ thống học (ở mức đại học và cao đẳng chuyên môn) cùng do Nhà nước quản lý : Một hệ thống (tạm gọi là hệ thống A) tuyển sinh chặt chẽ khi vào học, với một số hạn chế sinh viên, hoàn toàn do Nhà nước trang bị và bao, và bảo đảm phân phối việc làm sau khi tốt nghiệp. Một hệ thống (tạm gọi là hệ thống B) mở rộng cho mọi người khác, miễn là có trình độ học, phải trả học phí, cấp học vị khi thi đỗ, Nhà nước chỉ kiểm tra chương trình học và độc quyền trong việc phát học vị, mà không bảo đảm phân phối công việc làm.

Hệ thống A chủ yếu bảo đảm được phần tối thiểu cần thiết về nhu cầu cán bộ trong biên chế của guồng máy kinh tế, sản xuất, hành chính của Nhà nước.

Hệ thống B góp phần :

a/ Giải quyết mục tiêu nâng cao trình độ văn hoá chung cho cả nước, thỏa mãn nguyện vọng “ học ” của mọi người, đồng thời mang lại sự công bằng trong việc học.

b/ Cung cấp cán bộ cho mọi thành phần kinh tế, xã hội...: địa phương hay trung ương, cá thể hay quốc doanh, đồng thời là một nguồn dự trữ người có kiến thức để kịp thời hiệu chỉnh các kế hoạch nhà nước khi cần thiết.

c/ Cho phép nâng cao được chất lượng chuyên môn nghề nghiệp của tất cả mọi thành phần trong xã hội, kể cả trong biên chế nhà nước [...]

d/ Phục hồi, mở thêm và nâng cao giá trị một số ngành học gần với “ khu vực thứ ba ” (dịch vụ và thông tin) như các ngành luật, kinh tế, thương mại, sinh ngữ, văn khoa, khoa học xã hội v.v... Khu vực này tạo ra nguồn thu nhập ngày càng lớn, trong khung cảnh “ mở cửa ” làm ăn với thiên hạ v.v...

Lời bình : Hệ thống A và hệ thống B hiện hành trong nước không hoàn toàn giống như chúng tôi gieo ý. Nhưng đây cũng là lẽ thường, bởi vì môi trường thay đổi, xã hội thay đổi, thì hệ thống giáo dục cũng phải thay đổi sao cho phù hợp. Về điểm d/, với sự đang phục hồi và đang mở thêm các ngành học liên quan đến “ khu vực thứ ba ”, trong đó có ngành quản lý, tôi nghĩ rằng cần một sự thận trọng về chất lượng cũng như về số lượng, để tránh một sự “ ồ ạt ” hôm nay có thể dẫn đến một sự “ vỡ mộng ” (désillusion) ngày mai.

2.- Trong hướng tổ chức nói trên, đề nghị tiến tới xóa bỏ các loại “ chiếu cố ” trong việc tuyển sinh. Chiếu cố, nâng đỡ, từ nay chỉ ở mức tạo điều kiện vật chất (cấp học bổng), còn việc nhập học thì hệ thống B đã mở rộng cho mọi người.

Lời bình : Đề cập đến các loại “ chiếu cố ” đây là đề cập đến vấn đề lý lịch và vấn đề ưu tiên cho một số loại người trong việc

học. Đã bỏ được các loại “ chiếu cố ” này, là một trong những tiến bộ lớn. Nhưng hiện nay, lại xuất hiện một nguy cơ mới cần được theo dõi: đó là nguy cơ ưu tiên vì có phương tiện tiền bạc, dẫn đến một loại bất công mới.

3.- Các học vị “ tốt nghiệp đại học ” và “ trên đại học ” là những bằng cấp chứng nhận mức độ hiểu biết của những người thi đỗ. Việc cấp học vị phải có tác dụng khoa học, chỉ cấp học vị cho những người có trình độ học vấn tương xứng, chứ dứt khoát không có vấn đề chiếu cố. Mặt khác, cần xem học vị đánh giá sự hiểu biết để có thể đưa con người vào lao động, chứ không phải là một thứ huân chương, lại càng không được xem là căn cứ vĩnh viễn để sắp xếp con người vào vị trí và chức vụ nghề nghiệp. Với quan niệm như vậy về học vị, nên xem lại chế độ học vị “ trên đại học ” ở nước ta. Chúng tôi đề nghị thi hành chế độ một học vị (tiến sĩ) thay cho chế độ hai học vị (phó tiến sĩ và tiến sĩ) hiện nay.

Lời bình : Đối với tôi, cụm từ “ trên đại học ” là một cụm từ “ không ổn ”, (phải dùng vào thời điểm đó là một sự bất đắc dĩ) bởi vì thông thường ở nhiều nước, mọi bằng cấp đại học đều nằm “ trong ” đại học, kể cả học vị tiến sĩ. Theo tôi hiểu, vì hệ thống đào tạo của các nước xã hội chủ nghĩa mà nước ta chịu ảnh hưởng lúc đó, việc đào tạo đại học được tổ chức tuốt một chặng 4 hay 5 năm rồi chứng nhận đã “ tốt nghiệp đại học ”, và vì hệ thống tổ chức nghiên cứu (viện hàn lâm và các cơ quan phụ thuộc) rất lách cách và phức tạp, cho nên mới có khái niệm “ trên đại học ”. Ngày nay, ở ta đã có sự chấp nhận nguyên tắc phục hồi các bằng cấp “ từng chặng ” và “ có tên ” như cử nhân, cao học v.v...(mà tôi có góp phần khơi ý khi kiến nghị việc thành lập Đại học dân lập Thăng Long). Như vậy, phải chăng cụm từ “ trên đại học ” đã lỗi thời ? Ngoài ra, tôi tiếc rằng vấn đề chọn chế độ một học vị (tiến sĩ, đánh giá sự hiểu biết để có thể sớm đưa con người vào lao động và nhắm lợi ích cho xã hội) thay cho chế độ hai học vị (phó tiến sĩ và tiến sĩ, thiên về quan niệm huân chương cá nhân) vẫn chưa được đưa ra thảo luận rộng rãi, và cân nhắc, nhằm đi tới quyết định.

4.- Trong khung cảnh tổ chức nói trên, dần dần tiến tới việc thay thế hình thức “ phân công công tác ” (với tất cả sự tùy tiện đã thấy) bằng hình thức “ tuyển lựa sử dụng ” (còn có thể gọi là “ thi tuyển sử dụng ”) như ở các nước phát triển vẫn làm. Hình thức “ tuyển lựa sử dụng ” trước hết là sự công khai kêu gọi rộng rãi “ thí sinh ” nộp đơn khi có một chỗ làm, rồi dựa trên học vị để nhận đơn hay không (học vị là một thứ bảo đảm tối thiểu về trình độ) rồi sau đó mới tiến hành lựa chọn hơn kém (vừa công bằng vừa tối ưu hóa được mọi mặt : dùng những người giỏi nhất, ít lãng phí trong việc đào tạo v.v...). Xin đơn cử vài thí dụ, với những loại “ tuyển lựa sử dụng ” khác nhau : Có loại tuyển lựa “ theo công trình ” là loại tuyển lựa ở mức độ chuyên môn cao (như tuyển giáo sư đại học, nghiên cứu sư, v.v..., tuyển ở mức những người đã có học vị tiến sĩ). Có loại tuyển lựa theo “ hồ sơ kinh nghiệm ”. Nhưng thường là loại tuyển lựa theo cách “ làm bài thi ”, thường mở cho những người đã tốt nghiệp đại học, để tuyển các giáo viên, các cán bộ hành chính, các chuyên viên ở mọi ngành nghề v.v... (Cách làm đó khác với hình thức thi tuyển thấp, ngưng ở mức độ thi tuyển học sinh từ trung học vào đại học, rồi sau đó sự phân công công tác hầu như là hiển nhiên, vì vậy mà dễ tùy tiện).

Lời bình : Ngày nay, ý thay thế “ phân công công tác ” bằng “ tuyển lựa sử dụng ” đã được coi như là chuyện tự nhiên. Nhưng “ tuyển lựa sử dụng ” áp dụng trong cụ thể như thế nào,

còn là con đường dài. Nhân đây, tôi xin được đề cập đến cách tuyển lựa giáo viên, hay nói chính xác hơn, tôi muốn đề cập đến vấn đề các trường đại học sư phạm mà sự tồn tại có lẽ là một sự trở ngại cho việc cải cách giáo dục. Phải chăng vấn đề đào tạo giáo viên có thể giải quyết được bằng cách đã kể trên (tuyển lựa từ những người đã tốt nghiệp đại học, rồi sau đó có được đào tạo thêm về phương pháp giảng dạy), bảo đảm được chất lượng cao hơn, đồng thời đỡ tốn kém và ít lãng phí về thời gian và chất xám (theo nghĩa không mất nhiều thời gian học những môn học không có ích trong hằng bốn năm năm) hơn ?

Tôi cũng xin được nói một lời về việc tuyển lựa giáo sư đại học. Năm 1975, khi tôi điều trần với Thủ tướng Chính phủ về sự cần thiết phục hồi việc phong học hàm giáo sư để chống đưa giáo dục đào tạo đại học vào qui củ nền nếp, tôi hình dung việc phong học hàm giáo sư như sự trao cho người xứng đáng, một chức năng giảng dạy đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu, tại một cơ sở (thí dụ như ở một trường đại học) đang cần. Đó cũng là cách làm thông thường ở các nước. Nhưng từ ngày được phục hồi, việc phong học hàm ở ta lại được tiến hành cho những người được coi là xứng đáng theo nghĩa cá nhân, bất luận cơ sở của người đó đang cần hay không cần một chức năng như vậy. Do đó, việc phong giáo sư không phải là sự tuyển lựa sử dụng vì nhu cầu của các cơ sở, mà lại thiên về việc thưởng hàm cho những cá nhân có nhiều công trình khoa học. Và hậu quả là ai ở đâu cứ ở đó, không chuyển được người thừa sang nơi thiếu người. Đặc biệt là ở các viện nghiên cứu (là nơi hầu như không có sự bó buộc giảng dạy đào tạo, và có nhiều điều kiện thuận lợi để các cán bộ có nhiều công trình khoa học) lại tương đối có nhiều người được phong học hàm giáo sư. Trong khi đó thì một số đại học, đặc biệt là ở địa phương, đang cần giáo sư để bảo đảm cho việc giảng dạy đào tạo cho sinh viên, thì lại thiếu giáo sư. Đó là tình trạng cho tới những ngày gần đây. Tôi nghe nói hiện đang có cuộc cải tổ. Cách đây khoảng một năm, tôi may mắn được đề cập vấn đề này với đương kim bộ trưởng nhân chuyển công du của bộ trưởng qua Pháp, và được cho biết là hướng giải quyết sắp tới chính là việc phong học hàm giáo sư sẽ gắn liền với chức vụ và cơ sở, như ở mọi nước. Mong rằng thiện chí này chóng được thực hiện thành công.

V. Kết luận

[...] Chúng tôi mong rằng, trong công cuộc đổi mới hiện nay, việc học sẽ được Nhà nước và toàn dân quan tâm đầy đủ, có chính sách tích cực và được đầu tư thích đáng từ mọi nguồn của xã hội.

Lời bình : “ Đầu tư thích đáng ” thì chưa có, nhưng “ từ mọi nguồn của xã hội ” thì đã chớm nở : nguyên tắc trường công lập, bán công, dân lập, tư lập đã được công bố, nhưng hình thức và qui định đã phù hợp chưa, còn là một vấn đề đáng được đưa ra thảo luận rộng rãi.

Để kết luận chung, tôi nghĩ rằng phê bình suông thì dễ, thực hiện một-giải-pháp-sao-cho-có-hiệu-quả thì khó. Có người lại cho tôi là “ bất cơ ” (theo định nghĩa của Tư Mã Thiên, sử gia thế kỉ 2 trước Công nguyên : “ bất cơ ” là không biết buộc mình theo tập tục, và vượt ra ngoài lễ thói). Nhưng tôi không có thành kiến và tôi biết những giới hạn của mình, cũng như tôi hình dung những khó khăn mà trong nước gặp phải : vì thế, tôi đánh giá cao những thành tựu, nêu lên những điều không hợp lý, đề đặt trước những điều không rõ, đề nghị những giải pháp khi có thể, trong tinh thần xây dựng. Và tôi đã cố gắng viết bài này trong sự thận trọng và sự trân trọng.

Paris 20/9/1993

Bùi Trọng Liễu

Mạn đàm với giáo sư Cao Huy Thuần

Thăng mỗ, cải vạc đầu và con voi

Cao Huy Thuần, giáo sư đại học tại Học viện Chính trị Lille và Đại học Amlens, là phó chủ tịch hội *Echanges Universitaires avec le Vietnam, en Droit, Economie et Gestion*, quy tụ đại diện của nhiều đại học Pháp. Với tư cách đó, ông đã về nước hai lần, hè năm ngoái và hè năm nay, với hoài bão mở đường cho việc hợp tác giữa đại học Pháp và đại học Việt Nam trên một địa hạt mới (dĩ nhiên, đây chỉ là mới đối với Việt Nam) và tế nhị : dạy luật.

Tháng 9, ông đã có nhã ý dành cho **Diễn Đàn** một buổi phỏng vấn về kết quả công việc nói trên. Buổi phỏng vấn trên thực tế đã biến thành một buổi đàm đạo lan sang nhiều vấn đề khác, song vẫn xoay quanh chủ đề *Luật pháp, xưa và nay*. Dưới đây, **Diễn Đàn** trân trọng giới thiệu với bạn đọc một số ý kiến của giáo sư Cao Huy Thuần.

Diễn Đàn : Anh nghĩ thế nào nếu **Diễn Đàn** giới thiệu hội *Echanges Universitaires* của anh như người mở đường cho sự hợp tác giữa đại học Pháp và đại học Việt Nam về việc dạy luật ?

Cao Huy Thuần : Hai tiếng “ mở đường ” nghe có vẻ... lãng mạn. Nghe vui. Trẻ. Khỏe. Không ngại bất trắc. Người mở đường có thể thành công. Mà cũng có thể thất bại ! Thành công, chưa chắc anh ta đã đi trên đường vừa mở. Có khối người đang chực để đi trên đường đó. Họ sẵn sàng xô anh ta xuống để đi. Thất bại, anh ta chờ đợi. Nhưng không nản. Trong chừng mực hai tiếng “ mở đường ” bao hàm tất cả những ý nghĩ đó, tôi xin nhận, hân hạnh.

DD : Đường đã mở chưa ? Và nếu mở rồi thì mở như thế nào ?

CHT : “ *Il faut qu'une porte soit ouverte ou fermée* ”, chúng ta đều biết vở kịch đó của Musset. Về lý luận, thì quả như vậy. Không có cánh cửa nào vừa mở lại vừa đóng. Thế nhưng cuộc đời... nhất là cuộc đời của trái tim và cuộc đời của chính trị, hầu như cánh cửa nào cũng vừa đóng lại vừa mở. Chúng ta phải kiên trì yêu đương và phải gian khổ làm việc trong thực tế đó. Khi nó đóng, ta phải cười bảo là nó mở. Khi nó mở, ấy, đừng có đại đột ngang nhiên xông vào, coi chừng đập mũi. Cuộc đời... Đầu có phải là cánh cửa. Là tà áo thì đúng

hơn : “ Áo em mở khép niềm tâm sự ”. Mở. Khép. Bạn hỏi : Đường đã mở chưa ? Trong tinh thần không ngại khó, tôi trả lời : Mở. *A more open Vietnam...*

DD : Tình trạng hiện nay mà ai cũng nói là mở về kinh tế, đóng về chính trị. Lĩnh vực luật học chịu ảnh hưởng như thế nào về tình trạng mở - đóng đó ?

CHT : Tất nhiên là hai lĩnh vực chính trị và luật vốn dính với nhau như răng với môi : răng hô thì môi hở. Chính trị mở thì luật cũng mở. Bằng chứng là tình trạng ở Liên Xô dưới thời ông Gorbatchev. Dân chủ, theo ông ấy, bao hàm sự cần thiết phải tôn trọng luật pháp bởi chính quyền và bởi mọi công dân. Cho đến thời *perestroika*, Liên Xô mới du nhập nguyên tắc căn bản – và sơ đẳng – của luật pháp : “ *Cái gì mà luật không cấm là cho phép* ”. Ông Gorbatchev cũng là người cầm quyền đầu tiên tại các nước xã hội chủ nghĩa đã mở màn và đã triển khai ý niệm “ *Nhà nước pháp quyền* ”.

Ở Việt Nam, sự việc diễn ra theo một hướng khác. Thời 1986-88, lúc chính trị, văn nghệ, báo chí mở, luật học chưa kịp chuẩn bị để đua nở trăm hoa. Chính vào lúc mà hành tinh Việt Nam được phóng vào quỹ đạo của kinh tế thị trường, lúc đó nhu cầu pháp luật mới bột khởi, ngôn ngữ luật pháp thăng hoa, châm ngôn “ *Nhà nước pháp quyền* ” nở rộ trong diễn văn của các nhà cầm quyền. Từ hai hoàn cảnh khác nhau đó, sinh ra nhiều điểm khác biệt trong chính quan điểm của hai bên về khái niệm “ *Nhà nước pháp quyền* ” : một bên giải thích từ một triết thuyết tổng quát về dân chủ, một bên tìm câu trả lời cụ thể cho những vấn đề cụ thể được đặt ra vì nhu cầu ổn định xã hội.

DD : Anh có thể xác định vào năm nào khái niệm “ *Nhà nước pháp quyền* ” được ghi nhận long trọng ?

CHT : 1991. Tổng bí thư Đỗ Mười đúc kết vấn đề, biểu dương châm ngôn “ *Nhà nước pháp quyền* ” trong bài nói tại hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương khoá 7 ngày 29.11.1991 : “ *Nhà nước ta phải được xây dựng với đầy đủ tính pháp quyền cả trên ba mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp* ”. Thủ tướng Võ Văn Kiệt nhấn mạnh châm ngôn và triển khai nhu cầu “ *thực hiện chính sách mở mà trật tự* ” trong báo cáo của Hội đồng bộ trưởng tại kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khoá 8, cùng năm. Cần đọc báo cáo này để thấy rõ tại sao vấn đề luật pháp nhẩy lên hàng đầu. Xin trích một câu thôi : “ *Cuối cùng, xin nhấn mạnh một yêu cầu hết sức cơ bản, có ý nghĩa quyết định sự thành bại của mọi nhiệm vụ, chủ trương, chính sách, là phải thiết lập cho được trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới. Ai cũng thấy rõ tình trạng mất trật tự, kỷ cương, coi thường phép nước trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đã nghiêm trọng tới mức nguy hiểm* ”. Đó là cuối năm 1991. Trước đó không lâu, những dấu hiệu bạo động nháy lên, tôi tập trong báo chí, trong diễn văn, trong ý thức của nhà cầm quyền. Con sư tử Việt Nam, từng quật ngã mọi quái vật hung hãn, bỗng thấy mình có thể ngã quỵ trước đám ký sinh trùng lúc nhúc từ trong ruột. Tôi nghĩ đến một hình ảnh thân thuộc trong nhà cửa ở Việt Nam, nói đúng hơn là một nhân vật. Nhân vật đó sống tối tăm sau cánh cửa, thu mình trong một xó, xó nhà, xó bếp, chỗ mà không ai thấy, bởi vì đó là nhân vật hèn hạ, thấp kém nhất trong nhà. Đó là nhân vật... cái chổi. Năm 1991, tôi có cảm tưởng mọi người lão nháo kêu cứu : cái chổi ! cái chổi ! Bởi vì rác rưởi vung lên đầy nhà. Thế hệ của tôi là thế hệ **Quốc văn giáo khoa thư**. Năm học lớp ba, tôi chán nhất là phải học thơ của ông vua Lê Thánh Tông. Vua gì mà đi vịnh cái chổi ! Bộ Dương Quý Phi với “ *Ở Thị Bồng ơi* ” đã

chết tiệt rồi sao ! Bây giờ mới ước ao rằng giá như ông vua nào cũng biết nâng cái chổi ngang mày, kính cẩn đặt lên chín bệ của uy quyền !

DD : Chưa chắc Lê Thánh Tông là tác giả của bài thơ “ *Vịnh cái chổi* ”. Nhưng đó là vấn đề khác, vấn đề của văn học sử. Trong “ *tình nghĩa Quốc văn giáo khoa thư* ” quả là có một cái chổi uy nghi như một vị nguyên soái “ *vâng lệnh chúa* ” xuống “ *quét trần ai* ”.

CHT : Lại ông vua Lê Thánh Tông với **Quốc văn giáo khoa thư**. Lại một nhân vật khác hèn kém nhất, thấp mạt nhất trong xã hội : Thằng mõ ! Ông vua mà đi vịnh thằng mõ ! Chú bé học trò lớp ba lúc đó là tôi, nghe ngao :

*Mõ này cả tiếng lại dài hơi
Mấn cán ra tay chẳng phải chơi
Mộc đặc vang lừng trong bốn cõi
Âm thanh chuyển động khắp đời nơi*

Phân tích hiện trạng luật pháp của nước nhà, nhà cầm quyền Việt Nam phát hiện bốn khuyết tật : một là không có luật ; hai là có luật rồi thì không được công bố đầy đủ cho mọi người biết ; ba là công bố cho mọi người biết rồi thì không phải vì vậy mà mọi người đều theo ; bốn là người không theo luật lắm khi chẳng được xử trị cho phải phép. Nói tóm lại : ma chẳng sợ phù thủy. Bây giờ mới vỡ lẽ ra rằng, ấy, cũng phải bẽ cả thằng mõ này nữa, đặt nó lên chín bệ. Tiếng nó dài, vang lừng bốn cõi, chuyển động khắp nơi : giá như tiếng nói của luật pháp bây giờ cũng oai vang như thế ! Chưa hết, uy quyền của thằng mõ đến như thế này mới khiếp chú :

*Trẻ già chốn chốn đều nghe lệnh
Làng nước ai ai cũng cú lời*

Thế là luật pháp ! Thảo nào Việt Nam cực thịnh ở thời Lê Thánh Tông ! Ngẫm cho kỹ, cả tinh hoa của pháp luật nằm gọn trong hai câu thơ. Thằng mõ, cái thằng cùng đinh mạt hạng trong làng, có ai nghe nó vì sợ nó đâu ! Người ta nghe nó vì người ta nghe luật : luật pháp tách biệt ra khỏi cá nhân thằng mõ, cũng như quyền hành tách biệt ra khỏi cá nhân người cầm quyền. Bởi vậy cho nên thằng mõ, sau khi loan truyền luật pháp, lại trở về làm thằng mõ, trải chiếu ngồi ở cái cấp chót bệ trong nấc thang xã hội. Nhưng nó ngồi mà nó vui, nó *thảnh thơi*, “ *một mình một chiếu thảnh thơi ngồi* ”. Bởi vì trật tự trong xã hội mà nó xếp đặt, an bài, không phải là thứ trật tự dựa trên sợ hãi. Nếu người ta nghe luật chỉ vì sợ, thì đó không hẳn là luật. Người ta nghe luật vì luật nói đúng, vì người ta ý thức được sự đúng đắn, cần thiết của luật. Đọc lịch sử Việt Nam, có một từ rất quen tai : *nhiều*. Thời loạn là thời *nhiều* dân. Các ông vua hiền dân lui dần tới trong các bài chiếu : đừng *nhiều* dân, đừng *nhiều* dân. Xây trật tự mà không *nhiều*, ban mệnh lệnh mà xã hội vẫn được *thảnh thơi*, đó là tinh hoa của luật pháp.

D. Đ. : Quan niệm của anh vừa nói có gì giống, có gì khác với học thuyết của phái pháp gia ở Trung Quốc ngày xưa ? Có phải ảnh hưởng của phái pháp gia lại trở về ngự trị trên Trung Quốc từ thời Đặng Tiểu Bình ?

CHT : Khổng tử và phái pháp gia đều xây dựng học thuyết của mình trong bối cảnh thời loạn. Trị loạn, đó là quan tâm chung của các vị, nhưng đến khi bình ổn thì phương pháp khác hẳn nhau. Ông Khổng dùng chất người để trị người. Chất người đó là *nhân*. Muốn trị người, trước hết phải trị mình, phải tu thân. Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ : chúng ta uống thứ sữa đó từ khi còn ẽ a ở trường làng. Đồ đệ của đức Khổng

giải thích rằng loạn là vì lễ giáo chẳng ai theo, trật tự trên dưới trong xã hội bị xáo trộn, đạo đức suy đồi. Hai chữ căn bản phải học và phải hành để tái lập trật tự là *lễ* và *nghĩa*. Ôi thôi, ôi thôi, phái pháp gia cười mỉa mai, xã hội đã thay đổi cả rồi, hiền nhân quân tử đâu còn nữa để làm sáng danh đạo đức ! Thời buổi này chẳng nên cầu hiền nữa, chỉ cần nắm được những giải pháp hàng ngày, cụ thể, thiết thực. Cứu người đang chết đuối ở hồ Tây, chẳng lẽ phải đi tìm cho kỳ được anh chàng bơi giỏi nhất ở Đồng Nai ? Chính trị là tìm giải pháp để đối phó với những hoàn cảnh hiện tại và bình thường, là tiên liệu cái gì có thể xảy đến, là tính toán cái gì sắp xảy ra. Anh chàng Vương Lương có thiên lý mã, nhưng chẳng lẽ phải nhờ cậy đến anh ta để mang một cái thiệp báo hỷ từ Bắc Kinh đến Vân Nam ? Tại sao chẳng dùng sức ngựa *bình thường*, dựng lên thật nhiều trạm, đổi người, thay ngựa, người bình thường, ngựa bình thường, và cụ thể, dùng giải pháp bình thường để giải quyết mọi chuyện bình thường ? Mãi một mũi tên cho thật nhọn, bắn đại vào không trung, có thể mũi tên xuyên qua một sợi lông chim. Đừng hý hửng khoe rằng mình có tài bắn lông chim ! Chính trị không dựa trên may rủi, không nhắm đến chuyện xuất chúng. Làm một mũi tên bình thường, một cái cung bình thường, dạy thế nào để đứng trước một cái đích vừa phải, trong tầm bắn vừa phải, một người vừa phải có thể bắn trúng đích : đó là nguyên tắc của người cầm quyền. Lúc nhỏ, tôi có thấy một người đặt một đồng xu trên miệng chai, rót nước mắm vào chai mà đồng xu không dính nước mắm. Giỏi thì giỏi thật, nhưng không ai đi bán nước mắm theo lối đó ! Cứ dùng cái phễu có phải là vừa bình thường, vừa công dụng không ?

Cái phễu, đó là luật. *Công dụng*, đó là châm ngôn của giới pháp gia. Với cái phễu, ai cũng rót nước mắm vào chai được : yếu tố cá nhân, yếu tố người, không cần thiết nữa. Anh bán nước mắm chẳng cần lắm nhắm đọc thần chú tam tự kinh là rình cơm nguội. Nhờ *công dụng* của nó, cái phễu trở thành tối thượng trong đạo bán nước mắm. Quên nó ở nhà, đánh mất nó, làm nó bể, thì chẳng còn buôn bán gì được. Luật pháp là tối thượng bởi vì luật pháp mang lại *công dụng* thực sự, cụ thể. Phân biệt dụng cụ với người sử dụng, cái phễu với bàn tay của anh bán nước mắm, luật pháp với người cầm quyền, đó là chủ tâm của phái pháp gia để triệt hạ học thuyết của họ Khổng đặt căn bản trên yếu tố người, đưa đến hệ quả là trao cho nhà cầm quyền một uy quyền độc đoán trong lĩnh vực tổ tụng.

D. Đ. : Do đó có sự phân biệt giữa *hình* và *pháp*...

CHT : Chính thế. Đối với phái Khổng gia, luật không quan trọng bằng lễ nghĩa và phong tục tự ngàn xưa. Nhưng lễ là gì, nghĩa là gì, phong tục ngàn xưa là thế nào, chỉ có các ông quan mới giải thích nổi, và giải thích tùy sức học, tùy sự hiểu biết của mỗi ông. Nhưng chính khả năng giải thích chuyên quyền đó tạo cho các ông uy thế làm dân chúng phải nghe theo. Vì sự cai trị dựa trên uy thế cá nhân, mục đích của các ông là làm thế nào để đừng có kiện tụng. Hình phạt đặt ra không cốt là để áp dụng, mà là để làm người ta sợ. Để cảnh cáo, không phải để trừng trị. Để trừ khuynh hướng xấu. Để răn đe. Không phải để răn rập cắt da xẻo thịt. Dân chúng sợ quan, cho nên tránh kiện. Tránh kiện cho nên thương lượng với nhau. Thương lượng với nhau cho nên hình phạt không áp dụng. Hình phạt không áp dụng tức là chẳng ai phạm tội. Chẳng ai phạm tội : thế là cái đức của ông quan sáng tỏ như mặt trời. Thế là lấy đức mà trị ! Bởi vậy, theo các ông, các vị vua lớn thời xưa chỉ cai trị bằng *hình*, không cốt bày đặt ra *pháp*. Phái pháp gia cười : đó là chuyện thời xưa thời xưa, nghe hoang đường như chuyện bắt

dom đóm làm đèn đọc sách. Ở thời loạn, “ đức ” đã chẳng còn, đặt số phận của luật pháp trên sự giải thích, hiểu biết tùy tiện của cá nhân, chẳng phải là nguồn gốc của hỗn loạn đó sao ?

Cho nên phải tách luật ra khỏi cái “ đức ” trừu tượng và lỗi thời. Bằng cách gì ? Bằng cách công bố cho mọi người biết. Công bố luật, đó là đầu mối của nguyên tắc luật là tối thượng. Luật đã công bố, tất phải áp dụng, tất thành bó buộc. Nhà Tần, thời cực thịnh của tư tưởng pháp gia, phát minh ra một cách công bố luật nghe ớn xương sống : khắc luật trên vạc dầu. Công bố luật theo lối đó, tức là cảnh cáo cho mọi người biết rằng ai phạm luật sẽ thấy mình tức khắc hoá kiếp thành cái chảo giò. Về sau, luật được khắc trên cột đá, rồi trên phiến gỗ. Hàn Phi tử viết rõ ràng : “ *Các sắc dụ trở thành luật khi được niêm yết tại mọi cơ quan hành chính và khi mọi người hiểu rằng hề phạm pháp thì chắc chắn không tránh được hình phạt* ”. Tính công khai của luật khiến luật vừa là tối thượng vừa là đồng đều đối với tất cả mọi người, dân cũng như quan. Trật tự xây dựng trên một thứ luật không thiên lệch và tách biệt ra khỏi người như vậy, theo phái pháp gia là một trật tự đúng đắn.

Có một điều lạ trong lịch sử Trung Quốc là tư tưởng pháp gia không bao giờ chiếm được ưu thế lâu dài. Tần Thủy Hoàng áp dụng triệt để học thuyết này, nhưng nhà Tần ồ ạt thoáng qua như mưa giông. Dân Trung Quốc không ưa ông vua này ; lịch sử phê phán ông nghiêm khắc. Có phải vì ghét Tần Thủy Hoàng mà dân chúng Trung Quốc ghét lây sang cả phái pháp gia ? Học thuyết này có nhiều điểm tích cực lắm chứ ! Đả phá tư tưởng tùy tiện, đả phá khuynh hướng rập theo khuôn sáo, là đánh đổ hai tệ hại lớn. Tùy tiện đưa đến độc tài. Khuôn sáo tạo nên óc bảo thủ, cổ hủ. Tinh thần kỷ luật mà họ muốn mang lại cho xã hội Trung Quốc được chuyên chở trên ý muốn tiến bộ - trên ý nghĩ rằng phong tục, tập quán cũng phải tiến triển theo thời đại, không ý ạch cưỡng lại lịch sử. Lý luận của họ chặt chẽ, danh thép, sáng sủa, khoa học, không có cái tăm tối của *chi hồ giả dã*. Thế nhưng tại sao ảnh hưởng của họ chóng phai như sương buổi sớm ?

DD : Phải chăng vì học thuyết của họ sắt đá quá ? Thời nhà Chu có ông quan kết án một người con là bất hiếu khi tố cáo cha mình ăn trộm cừu. Phái pháp gia buộc tội ông quan : ông này chẳng hiểu rằng luật pháp là vô tư và bình đẳng.

CHT : Chính Khổng tử khen ngợi một người con khác đã đào ngũ hai lần vì có cha già phải phụng dưỡng. Hỏi một người Trung Quốc, một người Việt Nam, ai có lý, phái Khổng hay phái Hàn Phi, chưa chắc họ Hàn đã được cảm tình. Hình như văn minh Trung Quốc duy lý như văn minh Âu châu. Hình như đạo đức, dù được hiểu mơ hồ, vẫn là chiếu chấn ám áp trong giấc mơ thanh bình, trật tự của xã hội phương Đông. Hình như tính xuề xòa là một khuyết tật cố hữu của ông bà chúng ta, khiến cho việc đao tưng đình không phải là chuyện đáng làm dưới mắt người quân tử cũng như người bình dân, “ *được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn* ”. Nhưng cũng hình như đức tính khoan hoà, độ lượng, trung dung vẫn là lý tưởng trong cách xử thế của con người và trong ước mơ hài hoà của xã hội chúng ta.

Dù sao đi nữa, áp dụng luật chỉ mới là một khía cạnh của vấn đề. Làm luật là một khía cạnh khác quan trọng không kém. Ở đây, luật với người khó mà tách biệt với nhau, bởi vì ai làm ra luật nếu không phải là người ? Người xấu làm sao có luật tốt ? Chính thể hà khắc, trật tự bất công chắc chắn phải dựa trên những luật cưỡng ép, bức bách. Đó là vấn đề to lớn đặt ra trong học thuyết Âu châu, đặt ra từ lâu nhưng muôn đời

vẫn mới : vấn đề đối chọi giữa luật của người với luật thiên nhiên. Không có luật nào cấm được Antigone chôn xác anh, dù đó là luật của vua Créon. Từ đó, Âu châu tiến dần đến quan điểm chủ trương rằng trật tự của luật không được trái với quyền của con người.

DD : Anh mới trả lời một nửa câu hỏi, còn nửa kia, còn Đặng Tiểu Bình...

CHT : Cũng có trả lời đấy chứ...Vâng, xin nói thêm. Tham vọng của giới pháp gia là xây dựng một Nhà nước lớn và “ hiện đại ”. Bởi vậy họ chú trọng đặc biệt đến quân đội, hành chánh, kinh tế – những yếu tố chính tạo thành sức mạnh của một nước lớn. Khắc luật trên cột đá cũng là một hành động để biểu dương sức mạnh sau một cuộc chinh phục bằng vũ lực. Kỷ luật mà họ muốn thực hiện là một thứ kỷ luật nhà binh mà họ nghĩ là cần thiết để trị loạn trong tình trạng phong kiến, chư hầu. Luật là phương pháp để cai trị. Nhưng một nước lớn cũng cần vua mạnh. Cho nên phái pháp gia chủ trương luật pháp và vua đều tối thượng. Vua không được quyền can thiệp vào công việc hành chính : đây là địa hạt của luật pháp. Ngược lại triều đình cũng không được can thiệp vào việc điều khiển đầu não của Nhà nước : đây là lĩnh vực của vua. Chính trị là việc của vua, của một mình vua. Hàn Phi tử nói : “ *Pháp là nguyên tắc của các quan. Thuật là dây cương mà vị chủ tể cầm trong tay* ”. Sức mạnh của luật là sức mạnh không cá nhân hoá. Sức mạnh của vua là sức mạnh toát ra từ con người của vua, là sức mạnh cá nhân. Phái pháp gia không cần vua phải là vua thánh, chỉ cốt nhất là vua chí công vô tư trong lĩnh vực pháp luật, nghĩa là tôn trọng tính chất cưỡng chế của luật đã ban hành. Chủ trương như vậy lắm khi rước họa vào thân : Thương Ưởng đời Tần bị xé xác sau khi vua mất vì đã dám buộc đông cung thái tử phải tôn trọng luật pháp. Bản thân Hàn Phi tử cũng được Tần Thủy Hoàng mời vào nghỉ mát nhà ngục rồi được ban cho ân huệ cuối cùng : quyền tự tử. Phái pháp gia muốn dùng luật pháp tối thượng để ngăn ngừa sự tối thượng chuyên chế của vua. Than ôi, trên trời đâu có hai vùng nhật, đêm rằm đâu có hai ả Hằng Nga !

Đấy, một lý thuyết như vậy có nhiều yếu tố lắm chứ để quyến rũ một Đặng Tiểu Bình quyết ra tay dẹp loạn Hồng vệ binh và xây dựng “ tứ hiện đại ”.

DD : Chính sách của Mao là dùng người để trị người, tuy cách dùng của Mao không dựa trên chữ *nhân* (Hay nói cách khác, cũng là *nhân*, nhưng phải thêm chữ *bất ở trước*). Trước vụ Thiên An Môn, họ Đặng chỉ trích kịch liệt chính sách đó. Đúng trên lĩnh vực luật pháp, phải chăng cuộc đấu giữa Mao và Đặng là cuộc đấu, được diễn ra dưới hình thái mới, giữa hai chủ trương nhân trị và pháp trị ?

CHT : Có một khuynh hướng giải thích vấn đề như thế, để nhấn mạnh tính cách kế thừa trong lịch sử học thuyết chính trị Trung Quốc. Có một khuynh hướng khác giải thích vấn đề một cách đơn giản hơn : “ pháp trị ” là cái quái gì, chẳng qua họ Đặng nhắm hai mục tiêu cụ thể : một, là tạo thể ổn định luật pháp bề ngoài để quyến rũ đầu tư ngoại quốc ; hai, là dùng luật pháp để ghi lại một cách long trọng những thắng lợi chính trị của ông ấy, hòng những thắng lợi đó không bị đặt lại vấn đề vì những xáo trộn chính trị có thể xảy ra. Đó là ý nghĩa của khẩu hiệu “ *Cai trị bằng luật, không cai trị bằng người* ”, “ *Phát huy dân chủ, củng cố hệ thống pháp lý* ”. Trong một bài viết quan trọng in năm 1978, ông nói : “ *Để thực hiện dân chủ của nhân dân, ta phải củng cố hệ*

thống pháp lý. Dân chủ phải được định chế hoá và viết thành luật, để định chế và luật không thay đổi mỗi khi lãnh đạo thay đổi, hoặc mỗi khi lãnh đạo thay đổi quan điểm hay tập trung chú ý vào điểm khác”¹.

Cả hai lối giải thích có thể đều đúng, nhưng giản lược. Nếu muốn nhấn mạnh tính cách kế thừa, nên nhấn mạnh trên hai chữ “*công dụng*” vốn là cốt lõi trong tư tưởng của phái pháp gia. Luật pháp là khí cụ để cai trị. Quan niệm này được giới trí thức đem ra bàn cãi hào hứng. Họ hỏi : Pháp trị là gì ? *Rule of law* ? Hay *rule by law* ? *Of* hoặc *by*, nói theo Shakespeare, *that's the question* ! Quan trọng như cái tên trong hộ khẩu ! *Rule of law* bao hàm quan hệ giữa cá nhân và Nhà nước, quan hệ đó đặt dưới sự kiểm soát của luật pháp tối thượng, với tất cả những hệ quả pháp lý và chính trị mà ai cũng biết. Tinh thần của *rule of law* là hạn chế tính cách độc đoán của nhà cầm quyền và bảo đảm quyền của con người. Tiếng Pháp rõ ràng hơn trong việc diễn tả mối quan hệ giữa Nhà nước và pháp luật : *Etat de droit*. *Droit* chứ không phải là *loi*. *Rule by law*... đây là mắm muối thêm vào ở Trung Quốc để diễn tả tình trạng công dân cũng như Nhà nước đều phải tuân theo luật, nhưng luật là khí cụ để cai trị. Luật, theo Đặng Tiểu Bình, là cần thiết để thực hiện ổn định chính trị, đoàn kết xã hội, củng cố xã hội chủ nghĩa. Ngay cả trong quan niệm đó đi nữa, phải nhận rằng có sự tiến bộ, bởi vì dần dần Trung Quốc hiểu rằng luật không chỉ đóng vai trò trừng trị, mà còn có chức năng điều tiết xã hội, và do đó bản chất của luật mang tính xã hội hơn cả tính chính trị. Trong một nước mà hiện đại hoá được đặt lên thành quốc sách, làm sao giải quyết một cách ổn thoả, thanh bình, những tranh chấp diễn ra hằng ngày trong tương quan xã hội – tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế, làm sao xây dựng được một trật tự xã hội thanh bình nếu luật không làm được nhiệm vụ điều tiết, không diễn tả được những nguyên tắc sống chung mà ai cũng biết là cần thiết như xi măng làm dính liền những viên gạch riêng lẻ của một toà nhà ? Ý thức về luật pháp chưa bao giờ mạnh ở Trung Quốc ; đưa luật pháp vào đời sống xã hội, làm cho dân chúng có một thái độ tích cực đối với việc áp dụng luật pháp, tức là dần dần tạo nên được ý thức đó, tạo nên được một trật tự pháp lý ; trật tự đó dần dần được lọc bớt tính chất chính trị, khẩu hiệu, dần dần thấm nhuần tính chất xã hội, tự phát. Nhiều tiến bộ lắm chứ, trong giai đoạn 1978 - 1990.

Dĩ nhiên, câu hỏi vẫn còn nguyên vẹn, vẫn đòi hỏi một câu trả lời trung thực, minh bạch : có thể xây dựng một hệ thống pháp lý đảng hoàng mà không cần dân chủ không ? Dù sao đi nữa, tạo ra được một trật tự pháp lý vững chắc, trong đó mọi người có thể *tiên liệu* được những tình huống có thể xảy ra, chừng đó đã là một bước tiến lớn. Chỉ cần quyết tâm thực hiện cho kỳ được nguyên tắc đơn giản “*cái gì luật không cấm là cho phép*”, chừng đó đã là một cách mạng tư tưởng vĩ đại.

ĐĐ : Anh vừa nói đến *Etat de droit* và *rule of law*. Khái niệm “*Nhà nước pháp quyền*” của Việt Nam bắt nguồn từ tiếng Pháp, từ tiếng Anh, hay từ Hoa ngữ ?

CHT : Tôi vẫn thường ước ao có một cuộc hội thảo ở trong nước để bàn về vấn đề này. Thú vị lắm ! Nhưng trước hết tôi phải nói ngay rằng chẳng ai ngu si đến nỗi cứ muốn áp dụng một cách máy móc những khái niệm bên ngoài vào hoàn cảnh Việt Nam. Riêng tôi, tôi chẳng ưa gì chủ nghĩa tư bản, và vẫn thấy trong sáng mãi trong lòng những lý tưởng xã hội mà tôi tự tìm thấy trong sách vở và trong cuộc đời từ thời còn trẻ. Bởi vậy, khi nghe câu hỏi của anh, tôi vừa nghĩ đến Pháp, đến Anh, lại vừa nghĩ đến cái thuở ban đầu của *perestroika*. Ông

Gorbachev định nghĩa như thế này : “*Cùng với sự phát triển của dân chủ, người ta nghĩ một cách tự nhiên đến việc tạo dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nghĩa là một Nhà nước xây dựng trên sự tối thượng của luật pháp, trong đó mỗi người dân được hưởng đầy đủ những quyền tự do chính trị và xã hội, trong đó kỷ luật và ý thức trách nhiệm ngự trị, và trong đó guồng máy hành chính hoạt động hữu hiệu*”²

Các tác giả Tây phương chỉ trích quan niệm này. Cái gì mà vừa nói quyền lại nói ngay đến kỷ luật, trách nhiệm ! Một tay chia ra cái bánh, tay kia giắt lui ! Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là cái gì ? Một là Nhà nước pháp quyền thì không có xã hội chủ nghĩa. Hai là xã hội chủ nghĩa thì không có Nhà nước pháp quyền. Một là chỉ có thai. Hai là chỉ không có thai. Cả hai là không thể có được !

Tha hồ bàn cãi. Điều mà tôi muốn nói là thế này : Nhà nước pháp quyền, ngay cả ở Tây phương, chưa bao giờ và không bao giờ được xem như đã đạt đến đích. Đó là một lý tưởng thực hiện dần dần, ở Pháp bắt đầu từ cách mạng 1789, nếu không muốn nói là từ xa hơn nữa. Đó là một sự tiến triển bền bỉ và lâu dài, trải qua bao nhiêu thử thách, chông gai. Đó không bao giờ là tình trạng toàn hảo, chỉ là tình trạng tốt hơn, tốt hơn mãi. Vì vậy, trách gì những khuyết điểm của định nghĩa trên ! Vấn đề không phải là tìm chữ cho ngon để định nghĩa cho ngọt. Vấn đề là thực hiện lời mình nói, một cách thành thật. Ít nhiều gì cũng được, miễn là có thực tâm. “*Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt*”. Đồng tiền lương thiện. Trong định nghĩa trên, người Việt Nam chắc chắn không sợ kỷ luật, không trốn ý thức trách nhiệm. Trong mỗi người đã có sẵn hai đức tính đó. Họ chỉ đòi hỏi người cầm quyền cũng có hai đức tính đó như họ. Ngoài ra, họ đòi cái gì nữa ? Những quyền thiêng liêng, bất khả chuyển nhượng, bất khả xâm phạm trong sách vở của Rousseau ? Hay là đòi ông cán bộ, ông công an, bộ máy hành chính nói chung, hoạt động hữu hiệu, nghĩa là đúng luật, đừng những nhiễu ?

Tôi vừa nhắc đến Rousseau. Cũng Rousseau đã nói về hai bộ mặt của luật pháp. Một mặt, luật nào cũng để bảo vệ trật tự có sẵn, tức là bảo vệ kẻ quyền thế, người có của. Nhưng mặt khác, luật làm ôn hoà trật tự đó bằng cách buộc nó phải tuân theo những nguyên tắc – nghĩa là những giới hạn – và những bốn phận ; và như vậy, luật bảo vệ kẻ yếu, kẻ nghèo. Từ đó có quan niệm cho rằng, trong một hoàn cảnh nào đó, có thể bắt đầu bằng “*Nhà nước pháp quyền*” thay vì bắt đầu bằng dân chủ...

ĐĐ : Và như vậy, trong tinh thần đó, anh đã làm việc ? Anh có thể cho biết kinh nghiệm của anh ?

CHT : Tinh thần làm việc của tôi ? Anh cho phép tôi nói đùa ? Cứ bắt chước Kim Trọng : cứ bắt đầu với cô Vân di, rồi rồi rồi cuộc được cả Vân lẫn Kiều... Bây giờ xin nói đúng đắn. Một, tinh thần của luật pháp là mực thước, tinh thần của dân chủ là phải chăng. Phải chăng giữa người cầm quyền và dân chúng. Phải chăng giữa đa số và thiểu số. Phải chăng giữa sự đồng ý và bất đồng. Dân chủ không “*trụ*” được khi mọi người đều “*bốc*”. Bốc trong lời nói. Bốc trong hành động. Chưa học được cái phải chăng đó của dân chủ, thì cũng nên học cái mực thước của luật pháp. Hai, tôi vốn suy luận theo biện chứng của người bình dân : cái này có thì cái kia có, gió thổi thì phướn động. Ném hòn sỏi xuống hồ, không phải một làn sóng gợn ra, mà muôn vạn làn sóng, duyên khởi trùng trùng. Không có cái gì mất đi, dù ta chỉ làm một việc con con. Hãy làm một việc tốt. Và chẳng cần bận tâm đến kết quả.

Bận tâm mà làm quái gì ! Gieo hạt đậu, có bận tâm hay không thì cũng không phải cây lúa mọc lên.

Về công việc của tôi, chắc chẳng có gì nhiều để nói. Năm 1991, tôi bôn chôn trong cái luận lý đơn sơ của tôi : làm sao phát triển luật pháp nếu không làm tốt hơn nữa việc dạy luật ? Làm sao chơi với kinh tế thị trường nếu không biết rõ luật của quốc tế tư bản ? Tôi cùng với chị bạn đồng nghiệp Joëlle Tan, vận động với nhiều đại học Pháp, trong giới giáo sư từng có cảm tình với Việt Nam, và kết quả là hội “ *Echanges universitaires avec le Viet Nam en droit, économie et gestion* ” ra đời đầu năm 1992. Một phái đoàn bốn người sang Việt Nam hè 1992. Một chiếc cầu được nối từ tháp Eiffel qua lưng con rùa nằm đâu đó trong hồ Hoàn Kiếm. Tháng 7 năm nay, một phái đoàn tám người, gồm các nhân vật cao cấp trong nhiều đại học lớn của Pháp sang Hà Nội tham dự ba ngày hội thảo với sự có mặt của các đại học Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi thảo luận về nhiều vấn đề pháp lý quan trọng và tế nhị, thảo luận rất tự do, và các giáo sư Pháp rất ngạc nhiên về trình độ cao của cuộc đối thoại. Ba ngày hội thảo đã gây không khí phấn khởi cho mọi người và để lại một ấn tượng tốt đẹp về phía Pháp. Một năm chuẩn bị, hàng tháng trao đổi thư từ, quên ăn bỏ ngủ ở những ngày cuối, trước khi lấy máy bay, vì không chắc giấy tờ đã xong xuôi : tất cả sức lao động trí tuệ đổ ra chỉ để tổ chức ba ngày hội thảo. Kết quả mỏng manh như giấc mộng, nói ra chẳng ngượng ngùng sao ? Thế nhưng, ngồi trong phòng họp, trời tháng bảy nóng như đổ lửa, mồ hôi vã ra ướt áo, lần khi tôi chợt thấy một luồng gió thổi trong ngực khi nghĩ rằng có ai ngờ có ngày tôi nằm giữa lòng thủ đô nói chuyện luật với các đồng nghiệp, với các cháu sinh viên mà đầu óc đẹp như cánh đồng lúa non. Không biết trong các bạn Pháp, có ai cảm thấy, giống như tôi, một giọt nước đá chảy dài trong xương sống khi trở về khách sạn, buổi tối cuối cùng, bật máy truyền hình, thấy chiếu lại hình ảnh của buổi họp ban chiều ? Trong lĩnh vực vô cùng tế nhị là lĩnh vực luật pháp, chỉ mới hai năm thôi, thế chẳng phải là đã vượt qua một chặng đường, một cái dốc, một cái đèo Hải Vân hào hứng ?

DD : Còn những thành tựu khác mà anh chưa nói. Ví dụ Nhà Luật Pháp Pháp - Việt ở Hà Nội...

CHT : Nhà Luật Pháp, được tổng thống Mitterrand khánh thành đầu năm nay, là biểu trưng cho sự hợp tác Việt Pháp trong lĩnh vực pháp luật. Mỗi một việc ông tổng thống đích thân khánh thành một ngôi nhà chứng tỏ mối quan tâm đặc biệt của hai nước về ngôi nhà đó. Đúng về phía Pháp, *Maison du droit* là tác phẩm của luật sư đoàn Paris và của bộ Tư pháp Pháp. Giúp Việt Nam soạn thảo các bộ luật, các đạo luật, tổ chức nhiều hội nghị pháp lý, nhận công chức Việt Nam sang Pháp tu nghiệp, mở các khoá giảng bổ túc về luật v.v..., sự hợp tác giữa hai nước khá đa dạng và nhiều hứa hẹn.

Dĩ nhiên, tôi vỗ cả hai tay. Thế nhưng, tôi lại trở về với cái luận lý đơn sơ của tôi : Nhà Luật Pháp chưa giải quyết được vấn đề căn bản, vấn đề hàng đầu, là đào tạo một thế hệ những người dạy luật, một thế hệ mới, trẻ, có tầm cỡ quốc tế, có khả năng đối đầu với ngoại quốc trong thời kỳ mở cửa kinh tế, có hoà hảo xây dựng một học thuyết pháp lý Việt Nam trong hoàn cảnh sống chung giữa nhiều hệ thống pháp lý khác nhau. Chơi với ngoại quốc, trước tiên phải hiểu họ, hiểu họ như là họ ; có hiểu họ như thế thì mới hiểu được ta phải thế nào để là ta. Đào tạo người dạy luật, đâu phải tổ chức đăm ba khoá học bổ túc là đủ. May một cái áo, đâu phải chấp vá nhiều mảnh vải

vụn. Cái áo, trước khi thành cái áo, là một ý nghĩ trong đầu ông couturier. Phải có ông Cát Tường mới có cái áo Le Mur, áo dài tha thướt mà các bà các cô làm đẹp đất nước. Tôi mơ ước có những ông Cát Tường như vậy trong lĩnh vực luật học. Tôi không ước mơ có hàng ngàn cô thợ may khéo tay, nhưng suốt ngày chỉ ngồi may gia công. Có lẽ tôi nói hơi quá... Nhưng phải bắt đầu ở cái chỗ bắt đầu ! Từ cái đầu, từ cái não ! Từ những câu hỏi đầu tiên : luật là gì ? từ đâu mà ra ? tại sao phải như vậy ? Không thể nào dớp chát được với ngoại quốc trong lĩnh vực luật học nếu chưa nắm bắt được phương pháp của luật, tinh yếu của luật. Cái đó phải học đầu tiên. Có thứ, có lớp, có trước, có sau, có hệ thống, có phương pháp, có căn bản. Không thể lợp ngói, xây tường khi chưa có nền móng. Cứ để ra năm năm, đào tạo hai mươi người đầu tiên thật giỏi. Lúa người ấy sẽ đào tạo lại. Không có một phương pháp nào khác để tự chủ. Nói ra e thừa chẳng ? Nhưng đó là điều chúng tôi chưa làm được trong chuyến đi vừa qua, tuy rằng thành công tưởng như đã nằm trong gang tấc.

Dù sao đi nữa, có một chiếc cầu đã xây. Xây bởi tấm lòng và bàn tay của những người từ khước không muốn dính dáng đến chính trị. Những người này đã chọn đất sống ở trong đại học, tức là miếng đất cho họ hoàn toàn tự do, độc lập, liêm khiết, để làm những việc họ thích, không lệ thuộc một ai, một chính sách nào, phe phái nào, chính phủ nào. Trên đất đó, họ là chủ ; họ không ở trọ trong nhà của ai ; họ là thẳng mồm trên mảnh chiếu của họ.

Có một chiếc cầu đã xây. Sẽ có những người khác đi qua cầu. Có thể chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ. Như một cái hoa, chúng tôi chỉ nỗ lực mang mầm cho trái. Trái nẩy nụ thì hoa phải tàn. Paris I, Paris II, Bordeaux, Lille... những trường đại học lớn có thể họp nhau lại để làm một mạng lưới hợp tác với Việt Nam. Cần chúng tôi thì chúng tôi sẽ nỗ lực khác. Không cần, thì xin chúc trái ngọt cây lành.

Tôi nói nhăng nói cuội hơi nhiều, các anh cứ cất đi. Chỉ vẽ giùm tôi một trái tim son trên mấy hàng giấy ngủ sau đây. Không biết từ lúc nào, dân gian Việt Nam khai quật được trong lòng đất văn học một con voi rất hiện thực như sau :

*Con voi đi con voi
Cái voi đi trước
Hai chân trước đi trước
Hai chân sau đi sau
Còn cái đuôi thì đi sau rốt...*

Ông Nguyễn xuân Khoát tình tang phổ nhạc “ kể nốt cái chuyện con voi ” :

*Con voi í í con voi
Cái voi í í đi trước
Hai chân trước í đi í ... sau
Hai chân sau í đi í ... trước*

Chuyện luật, đối với tôi, cũng chẳng khác gì chuyện con voi : Đào tạo người dạy luật, đó là hai cái chân trước. Đừng lấy cái voi làm cái đuôi. Đừng bắt hai chân trước í đi í sau !

Cao Huy Thuần

Chú thích :

¹ Đặng Tiểu Bình trong *Selected works of Deng Xiaoping* (1975 - 1982), Beijing, Foreign Languages Press, 1984, tr. 157 - 158.

² Gorbatchev, *Idée socialiste et perestroïka révolutionnaire*, Pravda 26.11.1989, dịch lại trong *Documents d'Actualités Internationales*, n°4, 15.2.1990.



– Có ai tưởng tượng được 1900, Âu châu trên đỉnh của thịnh vượng, ổn cố, mà 1920, triều Kaiser sụp đổ ở Đức, rồi cách mạng đã bùng nổ ở Nga ? Chỉ 20 năm sau, 1940, Đức trỗi dậy, Pháp quy, Anh trởi chết đánh nhau để tìm đường sống ? Rồi 1960, Âu châu chia cắt bởi Nga và Mỹ, các đế quốc Anh Pháp bị xóa sổ ? Lại hơn, là 20 năm sau, 1980, bị Việt Nam đánh bại, Mỹ đồng minh với Trung Quốc ? Nếu trong thập niên 80 ấy, có ai tiên đoán chủ nghĩa Cộng sản sụp đổ, hẳn bị coi là ngớ ngẩn – nhưng sự việc cứ thế xảy ra. Cho nên dự báo về một cuộc chiến tranh trong tương lai gần, trong thập niên 1990, giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ không phải là điều không bị bảo là ngớ ngẩn bởi những người bảo thủ có tầm suy nghĩ ngắn.

(Theo George Friedman : **The Coming War With Japan**, St Martin's Press, 4 - 1992)

– (...) Bộ trưởng Bộ Kỹ Nghệ và Mậu Dịch Quốc Tế Nhật Bản, ông Naohiro Amaya, thường sính dùng danh từ Hậu Mỹ (Ko-Bei) để chỉ nước Mỹ hiện tại. Còn nước Mỹ vào trước khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, ông gọi là Tiền Mỹ (Zen-Bei). Cũng như người ta gọi triều đại cổ ở bên Tàu, có nhà Hậu Hán vậy.

Takashi Inoguchi (Four Japanese Scenarios For the Future : **International Politic Economy**, tr. 413)

Chính trị mỗi nước tùy thuộc địa lý mỗi nước. Khi Chiến Tranh Lạnh đã đi vào lịch sử, càng rõ ra các trục kinh tế mới. Nhật bắt buộc phải được độc lập trong việc sử dụng các tuyến chiến lược trên biển Thái Bình để xuất và nhập cảng mới sống còn nổi. Điều này sẽ va chạm với quyền bá chủ trên mặt biển của Mỹ, trong chiến lược của Mỹ. Khối mậu dịch quốc tế qua Đại Tây Dương đã kém hơn khối mậu dịch quốc tế qua ngã Thái Bình Dương, và Mỹ sẽ phải đương đầu với sự sợ hãi là Đông bán cầu sẽ ngự trị Tây bán cầu. Nhật thì sợ đất hẹp dân đông, Tây phương bao vây, Á châu đè bẹp mình. Cho nên chỉ còn một đường sống là tự chủ trên tuyến xuất nhập cảng trên Thái Bình Dương.

Với đà tiến từ chiến tranh Cao Ly, Nhật thấy rõ rằng muốn sống còn, họ phải duy trì hệ thống tài chính ổn cố. Muốn như vậy, cần nhập cảng nguyên liệu. Sự tùy thuộc Mỹ về nhập cảng đã đến lúc phải tách riêng. Trong lịch sử, để kiểm soát tuyến đường biển đã làm Nhật phải chiếm Phi,

đánh Trân Châu Cảng, và đặt chân tới Đông Dương. Lần này, lịch sử sẽ được lập lại.

Vì vị trí Việt Nam trong khu vực Vòng Đại Thái Bình Dương sẽ làm Việt Nam đóng vị trí nào trong cuộc tranh chấp sắp tới ? Ta có tự cô lập được không ? Ngoại bang sắp xếp cho số phận chúng ta hay chính ta quyết định lấy ?

Việt Nam có 4 lựa chọn :

- Tiến lên bằng 4 tiểu hổ Châu Á
- Tiến đến phát triển kỹ nghệ hoá
- Trở thành thuộc địa
- Hi vọng các nước lớn lơ mình đi trong cuộc xâu xé sắp tới.

– Giải pháp thứ nhất, Việt Nam không thể có mô hình phát triển như 4 tiểu hổ được. Singapore chỉ có 643 km². Đài Loan đã được che dù trong thế chiến tranh Lạnh. Việt Nam không có một chuẩn bị nào để được phát triển như các nước nói trên. Thời đối đầu lưỡng cực để lợi dụng phát triển, tận dụng nhân công rẻ, trong kế hoạch sản xuất dây chuyền đã qua.

– Kế tiếp trở thành thuộc địa kinh tế.

Đây là điều không ai muốn, vả lại còn huyền thoại đánh thắng 3 đế quốc còn nóng hổi. Điều này làm một số người tự hào – và tự mãn. Nhưng, dù cho “ Mẹ đã đào hầm từ thuở tóc còn xanh ”, nhưng cày cuốc để giữ nước ở địa đạo thì được, để phát triển đất nước thì không được. Trên đấu trường kinh tế, với các quy luật kinh tế, với các định ước tinh vi về phân phối sản phẩm (GATT), thì son phấn tiện nghi tiêu dùng có sức huỷ diệt lòng người hơn là bom đạn. Vì bom đạn còn làm lửa căm thù thêm cao, nghèo đói làm quyết tâm thêm sắt đá. Nhưng, các khẩu hiệu không tác dụng gì trước sức mạnh cam dỗ của kinh tế : Hiện diện của lính ngoại quốc không đáng sợ bằng hiện diện của tiện nghi ngoại quốc.

Bài học Nhật Bản với sản phẩm của họ, làm cho người ta không thấy lính Nhật, mà cũng cảm thấy sức mạnh của Nhật. Nếu không chuẩn bị kịp, Việt Nam sẽ thành thuộc địa kinh tế. Nhưng thuộc địa kinh tế có nghĩa thoát được thảm khốc không ? – Chiến tranh súng đạn (Nóng) bắn phá cầu, đường, công xưởng. Chiến tranh Lạnh chia cắt tận trong mỗi gia đình, mỗi đầu óc nạn nhân. Chiến tranh kinh tế (chiến tranh Im Lặng - Silent War) tàn khốc hơn. Nó sẽ huỷ diệt nhà thương, cả bào thai trong bụng mẹ. Thực dân tài nguyên không tàn ác bằng thực dân chia vùng. Thực dân chia vùng không ác bằng thực dân kinh tế.

– Hi vọng được để yên.

Nhưng đây chỉ là chiến thuật của các con đà điểu. Các thế liên lập mới trên thế giới đang chuyển mình một cách đáng sợ cho Việt Nam : Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Dương, Nhật Bản... đều đã có kế sách liên kết rất bất ngờ. Hi vọng được để yên, điều này là điều không xảy ra khi trông chờ lòng nhân đạo của ngoại cường.

Khi mức quan trọng của tuyến đường Đại Tây Dương đã

ngã về Thái Bình Dương, thì một trận sóng mái giữa Mỹ - Nhật trên Tây Thái Bình Dương là điều không tránh được. Đây là sự sống còn của cả hai đế quốc kinh tế. Với vị trí của các cảng Hải Phòng, Cam Ranh, Vũng Tàu, và dãy bờ biển được gọi là bao lớn trông ra Thái Bình Dương, Việt Nam không bao giờ được để yên. (Căn cứ không quân Clark cách Quảng Ngãi 850 dặm, cảng Hải Phòng là ngã tiếp vận đường biển chính cho toàn vùng Hoa Nam...) Nhật đã đốt lửa để trồng dây gây ra nạn đói năm Ất Dậu, chưa thể quên được.

– Chỉ còn giải pháp thứ ba. Muốn vậy, phải trở thành độc lập trong cuộc đấu tranh kinh tế, kể cả đấu tranh quân sự tại Thái Bình Dương bằng súng đạn, giữa điểm giao thoa của tuyến biển Singapore - Papau New Guinea - Đồi Mã của Nhật và tuyến biển Panama - Magdalena - Honolulu - Guam - Manila của Mỹ. Như vậy Việt Nam phải sớm canh tân hoá.

Canh tân hoá đất nước phải khởi đầu bằng canh tân hoá đầu óc mỗi người dân.

Có nghĩa là phải nhìn đường dài. Tiến đến kỹ nghệ hoá, bằng cách lợi dụng mâu thuẫn chưa thành hình của các siêu cường lúc này để chuẩn bị. Bên ngoài hoà với tất cả thế giới đã đành, bên trong hoà gặp người Việt với nhau. Can đảm nhìn nhận điều này sẽ thực hiện nổi các điều sau :

a – Thanh lọc hàng ngũ nội bộ Đảng. Khi đổi quốc hiệu, can đảm chôn xác ông Hồ. Thời kỳ tuyên truyền đã qua đi, hãy nói lên sự bất công đã gây ra. Cần có ít ra một người “ dâng số ” cho Đảng “ chém 7 người nịnh thần ”. Hiến Pháp phải được công khai thảo luận.

b – Khôi phục danh dự cho những người yêu nước thực sự. Không ai tin Đảng, nếu những đau thương còn sống không được hàn gắn thông cảm. Người Việt sẽ còn nghi ngờ nhau mãi, đã không những oán nhau, mà còn đang sợ nhau.

Mâu thuẫn trong nội bộ Đảng, trong hàng ngũ trí thức, trong và ngoài nước, giữa Nam Bắc... là những điều có thật. Không giải ảo quá khứ, không minh định được hiện tại, không có hướng cùng đi đến tương lai. Cải Cách Ruộng Đất, Nhân Văn Giai Phẩm phải được minh bạch. Không dấu diếm với cán bộ và nhân dân rằng Đảng khủng hoảng chủ thuyết lãnh đạo, để trí thức cùng nhau với chỉ một mục đích là Yêu nước, vạch một chủ thuyết lãnh đạo thích nghi với tình thế cho Việt Nam. Không một đối thoại, đối diện... nào được đặt ra, nếu thiện chí của Đảng không được sáng tỏ. Bận ra thù, thù ra bận đang được diễn ra trên trường quốc tế từng ngày từng giờ ; tình thần băng hoại giữa người Việt Nam với nhau chỉ được điều chỉnh bằng nhiệt tâm với đất nước. Phải vút bỏ ý-thức hệ, Đảng-cấp tính, địa-phương tính. Quét sạch mờ ảo quá khứ sẽ dẫn tới đoàn kết, sẽ cùng ý thức chung về hiểm hoạ đất nước.

Thành thật công bố sai lầm của lãnh đạo để lập lại lòng tin. Lúc ấy, khó khăn của đất nước sẽ được toàn dân chung lưng đấu cật. Muốn như vậy, phải...

c – Nâng cao dân trí bằng giáo dục.

Không phải do tài nguyên, không phải do dân số mà thành cường quốc. Khi Paris được coi là kinh đô ánh sáng,

Pháp có 19 triệu người. Khi đế quốc Anh mạnh nũa, dân số họ có 5 triệu rưỡi người. Nhật và Đức rất nghèo về tài nguyên thiên nhiên.

Giáo dục, kiến thức là bước đầu để kiến thiết. Hãy cho đối thoại ngay trong nước, mở tung cánh cửa ngay ở trong nước.

“ Hoà giải hoà hợp ” , “ Đổi mới hay là chết ” , hãy phải thực hiện bằng không phải Hoà giải Hoà hợp với nhà cầm quyền, mà là nhân dân với nhau. “ Đổi mới ” hay là “ chết ”, không phải nói về sự sống chết của Đảng, mà là nỗi nguy nan của dân tộc trong tình thế mới.

Tất cả, phải khởi đầu bằng kiến thức của toàn dân.

Đừng dẫu tư tưởng nào cả – kể cả của Trốt Ky. Làm minh bạch, sáng tỏ cả “ thế nào là Mác ” , “ thế nào là Tư bản ” . Hãy tìm hiểu định nghĩa “ thế nào là xã hội chủ nghĩa ” của Harrington, Toffler (những người Mỹ)... Cũng vậy, Hoà giải Hoà hợp ngay bằng lý tưởng, bằng lý trí giữa người Việt với nhau, đặt trên căn bản là lòng yêu nước, ý thức về nỗi hiểm nguy của đất nước. Tư tưởng của từ Trần Đức Thảo, Tạ Thu Thâu ngày xưa, đến Hoàng Văn Chí (Duy Văn Sử Quan), Phạm Văn Viêm (dịch **Chế độ Phát Xít** của Jeliu Jevic)... bây giờ. Đảng phải biết từ bỏ độc quyền nắm diễn đàn yêu nước, độc quyền giải thích kinh thánh Mác, chủ nghĩa xã hội... (theo kiểu Trường Chinh hoặc Vatican).

Những giải thích cũ kỹ ấy, đã là Hư văn, không phải là Thực văn. Không phải một sớm một chiều Nhật, Mỹ, Anh, Pháp... đã thành cường quốc. Sự hiểu biết và bàn cãi công khai của toàn dân mới thành sức mạnh và tạo nhất trí. Muốn vậy, phải thoả mãn nhu cầu khát khao hiểu biết của người Việt.

Ngư dân cũng tạo sức mạnh, nhưng không bao giờ bền. (Năm 1920, Nhật có 3 nhật báo phát hành 1 triệu rưỡi ấn bản hàng ngày. Người Nhật đã cùng nhau học hỏi, thu nhập và phát triển văn hoá đến tốt độ rồi mới phát triển sức mạnh để vượt qua bao nhiêu thung lũng đen tối trong lịch sử của họ). Trí thức Việt Nam phải được bảo đảm quyền phát biểu. Và phát biểu của họ phải được quảng bá hơn lúc nào hết.

Không gì quan trọng hơn bộ môn văn hoá, mà dịch thuật đang là ưu tiên hàng đầu, để đem lại tư tưởng và cung cách suy nghĩ của thế giới đến cho người Việt Nam. Bung bít chỉ là tự đào hố chôn mình. Hiểu biết là bước đầu để tiến bộ. Rồi tất cả sẽ cùng nhau đi trên con đường khó khăn tưởng như không thể, là cùng nhau thắt lưng buộc bụng, hi sinh lẫn cho nhau – chứ không ích kỷ hướng đến sản phẩm tiện nghi tiêu dùng – để nỗ lực cùng nhau tiến tới kỹ nghệ hoá Việt Nam với lòng tự hào. Bởi vì độc lập Chính trị chỉ có khi có sức mạnh riêng về Chiến Lược, mà nền tảng là tiềm lực thực sự về Kinh Tế.

Đây là cách chuẩn bị tốt nhất để giữ nước – trước các cuộc xung đột trong tương lai gần – không những giữa các toé lửa của cuộc đụng độ sắp đến gây ra bởi các siêu cường kinh tế, mà còn giữ mình đối với bất cứ thế lực lớn nhỏ nào muốn ngấm nhé Việt Nam.

Vũ Huy Quang (8.93)

Nhận định, lựa chọn hướng đi

bùi mông hùng

Một quyền lực không hẳn còn là quyền lực

Cách đây gần 50 năm dân ta vùng đứng dậy đòi quyền sống. Giành độc lập, giành chủ quyền dân tộc. Sau ba mươi năm hy sinh gian khổ, đất nước về ta, thống nhất, trọn vẹn. Ta lại là ta, một quốc gia-dân tộc, đầy đủ đất đai và đầy đủ quyền hạn.

Nhìn lại, thế giới đã đổi thay. Thị trường quốc gia đang hoà tan vào một thị trường thế giới duy nhất. Thị trường toàn cầu hoá vượt khỏi khả năng điều tiết, kiểm soát của chính sách quốc gia. Kể cả những nước cường thịnh nhất. Chỉ mấy ngày sau khi tổng thống Mỹ Bill Clinton đắc cử, báo **Wall Street Journal** trong số 9.11.92 đã khẳng định ngay trên trang nhất : *" Dù rằng không được dân cử ra, lại không tên tuổi mà phần đông cũng chẳng phải là dân Hoa Kỳ, thế mà những tay đầu tư tài chính, trên khắp thế giới, ngày nay nắm quyền hạn lớn chưa từng thấy – có lẽ cả quyền phủ quyết – trên chính sách kinh tế của Hoa Kỳ. "*

Và mới đây, đầu tháng 8.93, khối Cộng đồng kinh tế châu Âu cũng phải nhượng bộ đầu cơ chống đồng franc Pháp, phải nới lỏng kỷ luật của hệ tiền tệ châu Âu SME, làm cho công cuộc thực hiện Liên hiệp kinh tế và tiền tệ (UEM, Union économique et monétaire) bị chậm lại chưa biết mất bao nhiêu năm.

Chính quyền – mà dân tộc ta giành lại được cho quốc gia sau bao năm đấu tranh gian khổ – bất lực trước các thế lực đang làm bá chủ : thị trường toàn cầu hoá. Không để cho ta con đường nào khác là lèo lái nương theo xu thế của nó. Và phải xử lý với phương tiện eo hẹp của " quốc gia ", những vấn đề xã hội nan giải đi kèm theo như bóng với hình : thất nghiệp, sự hình thành lớp người nghèo " mới " bị loại hàng loạt ra " ngoài " thị trường, sự huỷ hoại văn hoá đặc thù của mỗi dân tộc được thay vào bằng một thứ văn hoá nhạt nhẽo duy nhất tiêu chuẩn hoá theo thị trường với nạn du đảng, đĩ điểm, tàn phá môi sinh... (Xem *Khi thị trường trở thành toàn cầu hoá...*, **Diễn Đàn** số 22, 9.93)

Hy vọng tan biến với cơ sở lý thuyết cho niềm tin

Dân ta giành độc lập trong khuôn khổ một trào lưu nói lên cho khát vọng của nhân loại : Khát vọng tự do và tình người, khát vọng một xã hội đại đồng tốt lành trong đó con người có điều kiện phát triển, nảy nở. Những khát vọng đã un đúc nên cao trào xã hội chủ nghĩa, khi những kiến thức của thế kỷ XIX về vũ trụ, sự sống, con người, xã hội được Marx và Engels tổng hợp thành một hệ hoàn chỉnh : chủ nghĩa này đã trở thành niềm tin và hy vọng cho một phần nhân loại.

Ngày nay, phải nhìn nhận rằng cơ sở nhận thức của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, dựa trên kiến thức thế kỷ XIX, không

còn giải thích được một cách đầy đủ vũ trụ, con người và xã hội cho thời đại chúng ta.

Thời của Marx tin rằng khoa học khám phá ra chân lý. Ngày nay ta biết rằng chân lý khoa học chỉ là một chân lý cục bộ và tương đối. Lý thuyết, nếu là khoa học, thì có thể bị bác và không có tham vọng đạt chân lý tuyệt đối.

Thời của Marx tin rằng vạn vật đều tuân theo thuyết tất định, vì thế mà có thể nêu ra được những qui luật dứt khoát về sự phát triển của xã hội, sinh vật, con người, vũ trụ... Ngày nay ta biết rằng vật chất, sinh vật, nhân loại biến chuyển theo những đường lối riêng rẽ, bất ngờ, khó lường. Trong cái vũ trụ an bài theo qui luật của thuyết tất định, không có chỗ dành cho tự do, sáng tạo. Theo lối nhìn của khoa học ngày nay, những tác nhân nhỏ bé, con người cá nhân, xã hội loài người có khả năng hành động bất ngờ và sáng tạo. (Xem Hàn Thuỷ, *Tìm trật tự trong hỗn loạn*, **Diễn Đàn** số 15, 1.1993)

Marx xem nhẹ tư tưởng, ý thức hệ, ý thức dân tộc, ý niệm quốc gia, những thượng tầng kiến trúc. Hiện nay, vấn đề dân tộc đang bùng nổ trên thế giới buộc ta phải nhìn nhận rằng ý niệm dân tộc – một huyền thoại xã hội – là một động lực, một sức mạnh không thể chối bỏ được..

Marx tin vào tính chất thuần lý sâu xa của lịch sử, ở sự tiến bộ vững chắc của khoa học. Marx tin vào sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản có khả năng tạo ra một xã hội không giai cấp, một thế giới đại đồng. Sứ quan mácxít là cơ sở lý thuyết cho niềm tin sắt đá : *" Ta nhất định thắng, địch nhất định thua "*. Ngày nay chúng ta biết rằng lịch sử không theo đường thẳng, không tuân theo một qui định duy nhất, mà có nhiều qui định phức tạp và chập chờn đối chọi với nhau cho nên hay bất trắc, rẽ hướng bất ngờ. Chúng ta biết rằng tiến bộ là mong manh. Và lòng tin vào sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản là không khoa học mà trái lại có tính chất cứu thế : nó đem vào đời sống trần thế tín ngưỡng do thái-cơ đốc về việc lên thiên đàng sau khi chết nếu được Thượng đế cứu rỗi.

Tư tưởng Marx vẫn còn nhiều yếu tố phong phú. Nhưng một số cơ sở của tư tưởng Marx đang tan rã. Và niềm tin và hy vọng xã hội chủ nghĩa đã bị thực tế phủ định phũ phàng.

Các mô hình áp dụng thực tiễn trong điều tàn

Ở các nước Đông Âu chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa hiện thực đã phá sản toàn diện vì lý tưởng tự do dân chủ cho đời sống xã hội tập thể đã bị đem ra làm chiêu bài để tước quyền tự do căn bản của cá nhân, sức sáng tạo bị bộ máy đè bẹp, kinh tế yếu kém trì trệ, đời sống người dân nghèo nàn, chẳng những xây dựng con người mới không thành mà cho đến đào tạo người dân cho ra một công lân cũng không đạt.

Nhánh thứ hai của xã hội chủ nghĩa lịch sử – xu hướng xã hội-dân chủ – một thời tưởng đâu sẽ nêu cao được ngọn cờ. Nhưng cũng thất bại. Bị mất chính quyền như ở Pháp, hay may mà còn giữ được đa số tương đối trong quốc hội như ở Ý Pha Nho, ở đâu đâu uy tín cũng hao mòn. Vì chỉ biết quản lý ngày qua ngày. Không giải quyết nổi những vấn đề xã hội day dứt như nạn thất nghiệp. Không dự phóng cho tương lai, không chuyển đổi xã hội. Hy vọng tiêu tan.

Chủ nghĩa tư bản trong hình thái tự do kinh tế cao độ hiện nay – tự cho là kẻ chiến thắng – cũng không chút hồ hởi. Biểu đồ sức khoẻ thật đáng lo ngại. Sau một thập kỷ áp dụng thuyết

tự do kinh tế – ở Hoa Kỳ với tổng thống Reagan, ở Anh với thủ tướng Thatcher – ngày nay không ai còn tin là cứ để mặc cho thị trường thao túng thì mọi việc tự nhiên sẽ êm xuôi nữa. Chuyên gia xúm xít quanh giường bệnh. Khủng hoảng tài chính bùng nổ lên tiếp, kinh tế bấp bênh. Bất công xã hội, thất nghiệp, SIDA, ma túy, tăng, không sao chặn nổi... Chưa biết cách nào điều chỉnh thị trường toàn cầu hoá. Kiến thức khoa học kỹ thuật ngày nay sâu, sắc, nhưng mặt trái của chuyên sâu, của sắc bén khi đi vào cụ thể là cục bộ : chuyên gia mù tịt trước các thách thức, các vấn đề lớn của thời đại. Tương lai chưa biết ra sao.

Lý thuyết không còn, mô hình áp dụng thực tiễn không có. Nhưng cũng không thể nhắm mắt đưa chân, làm con kiến bò quanh miệng chén, bò mãi mà chẳng đi đến đâu. Trong khi chờ đợi một lý thuyết hoàn chỉnh cho hiện đại, ta vẫn phải bước đi, phải chọn lựa hướng đi.

Nêu lại vấn đề

Thế giới đang chuyển biến. Xã hội công nghiệp đang biến dạng : tiêu thụ và thông tin đại chúng lấn áp sản xuất, kinh tế sản xuất nhường bước cho kinh tế niên kim (économie de rentes), lãi suất vọt lên những mức “ lịch sử ” làm cho tình hình kinh tế suy thoái, các nước công nghiệp phục hồi khó khăn, hố sâu ngăn cách thế giới những người giàu có và thế giới của những kẻ bị loại ra “ ngoài ” ngày càng sâu rộng thêm, thị trường toàn cầu hoá vượt quyền lực của mọi quốc gia - dân tộc... Guồng máy kinh tế chỉ tuân theo qui luật cạnh tranh, buộc tất cả các sinh hoạt khác của con người phải cuốn theo. Không có cơ chế nào điều tiết cho kinh tế và chính trị phụ thuộc vào nhau. Vấn đề chính trị lớn của thời đại là các vấn đề do kinh tế toàn cầu hoá đặt ra.

Chỉ nhắc đi nhắc lại những khẩu hiệu xã hội chủ nghĩa sáo cũ như niệm thần chú là a tông phó mặc cho thị trường toàn cầu hoá tác động khiến cho đại đa số nhân dân sẽ bị loại ra chịu phận nghèo hèn “ ngoài ” thị trường, để cho một thiểu số được thừa hưởng ân huệ của kinh tế toàn cầu hoá phê phỡn bên “ trong ”. Là để cho văn hoá dân tộc bị tiêu diệt. Là để cho núi sông đất nước môi sinh kiệt quệ, và thế hệ sau phải trả giá đắt cho lối khai thác vô trách nhiệm chỉ nhằm vụ lợi trước mắt.

Nếu chỉ cố gắng để thích nghi với thực tại trong nghĩa làm sao cho nhu cầu của chúng ta được đáp ứng trong tình thế ngày nay thì cũng chưa đủ. Vì không phải chỉ sống ngày nay mà còn phải chuẩn bị cho tương lai và cho thế hệ sau.

Có được chăng, trở lại với khát vọng ban đầu, với viễn ảnh nhân bản (vì con người), viễn ảnh đặt vấn đề sao cho phù hợp với toàn cục thế giới, và viễn ảnh nhân đạo (xã hội đại đồng có tình người trong quan hệ người đối với người) ?

Đặt vấn đề là xét xem có khả năng đáp ứng hay chăng. Và nếu có thì phải làm như thế nào.

Hy vọng, nhưng không niềm tin “ khoa học ” là “ lịch sử ” hứa chắc một ngày mai tươi sáng

Không còn tin vào “ qui luật của lịch sử ” bảo đảm “ tiến bộ không ngừng ”, không có nghĩa là không tin ở tiến bộ, mà nhìn nhận tính cách không vững chắc của mỗi bước tiến lên.

Trong viễn tượng đó, làm sao có thể nào xây dựng cho xã hội tốt lành và đùm bọc tình người ?

Chúng ta biết rằng con người hiện nay mới sử dụng một phần nhỏ khả năng của bộ óc. Khả năng chuyển đổi xã hội lại liên hệ với khả năng khối óc con người, không một ai có thể khẳng định rằng xã hội loài người đã hết khả năng tiến hoá, rằng Lịch sử đã đạt tới điểm tận cùng. Chúng ta biết rằng khối óc con người có khả năng làm cho địa cầu phát triển mà cũng có khả năng huỷ hoại nó.

Không có tiến bộ bảo đảm. Chỉ có khả năng tiến bộ không vững chắc, tùy thuộc vào ý thức, ý chí, can đảm. Và vào may mắn...

Ý thức, đó là cấp bách và căn bản.

Khả năng của con người và xã hội cho ta hy vọng, nhưng không một niềm tin “ khoa học ” là “ lịch sử ” hứa chắc một ngày mai tươi sáng.

Địa cầu - Đất Mẹ

Sau nhiều năm khoa học thiên văn chất vấn vũ trụ, ta biết mặt trời của chúng ta chỉ là một ngôi sao bé nhỏ trong hàng tỷ ngôi sao khác giữa một vũ trụ trong giai đoạn bành trướng. Địa cầu chỉ là một hành tinh tí hon, nhưng ấp ủ sức sống giữa khoảng không gian lạnh lẽo. Và là hành tinh duy nhất – với sự hiểu biết của chúng ta cho tới ngày nay – có sự sống và nhất là có sinh vật biết tư duy.

Ngày nay, chúng ta biết địa cầu và sinh vật trên trái đất trong đó có loài người liên đới chặt chẽ với nhau thành một hệ thống quân bình. Một bộ phận bị diệt thì các bộ phận cũng lâm nguy. Sinh thái huỷ thì loài người khó sống còn.

Tham vọng con người “ làm chủ thiên nhiên, làm chủ vũ trụ ” đang sử dụng kỹ thuật hiện đại phá vỡ quân bình của thiên nhiên, huỷ diệt sinh thái. Nguy cơ huỷ diệt còn đẩy đến ngày nào con người thay tham vọng nói trên bằng ý thức là vạn vật phải “ chung sống ” an toàn trên trái đất.

Nguy cơ loài người “ tự sát ” sẽ còn đó nếu cứ tiếp tục phát triển theo phương hướng hiện nay. Nếu không thay thế bằng một đường lối “ phát triển vững bền ” (sustainable development). Đó là lời khuyến cáo kết luận báo cáo **Our Common Future** (Tương lai chung của chúng ta, Liên hiệp quốc 1987) của Ủy ban quốc tế về môi trường và phát triển do Liên hiệp quốc thành lập, mà chủ tịch là bà Gro Harlem Brundtland, hiện nay là thủ tướng Na Uy.

Ý thức đã chuyển thành hành động. Phong trào bảo vệ môi sinh khắp nơi phát triển thành lực lượng chính trị. Hội nghị thượng đỉnh về địa cầu ở Rio de Janeiro vào tháng 6.92 khẳng định ý niệm trách nhiệm chung của loài người đối với địa cầu. Khẳng định một chiến lược môi sinh toàn cầu cùng vai trò quyết định của các nước đang phát triển trong chiến lược này.

Tại hội nghị Rio đã nảy nở ý thức người với người liên đới với nhau vì cùng chia sẻ với nhau trách nhiệm chung sống trên quả đất đang có nguy cơ bị huỷ diệt và vì muốn bảo vệ sự sống còn của nhân loại. Đã nảy nở ý thức con người là con dân của thế giới Địa cầu.

Những sợi dây liên đới

Con người là con dân Địa cầu - Đất mẹ. Ý niệm đó hàm

Cmối liên đới giữa người và người, liên đới giữa người và

sinh vật, liên đới giữa sinh vật với vạn vật vô tri. Những liên hệ không trừu tượng chút nào, nó bắt đầu từ vợ chồng, cha con, chòm xóm... Vì thế mà không thể giản lược hoá thành một thứ chủ nghĩa quốc tế trừu tượng hoá con người – chẳng hạn thành người vô sản phiến diện. Mà cần xác định mọi không gian tự do cho con người đa diện.

Phương tiện viễn thông hiện đại thu hẹp thế giới ngày nay. Thông tin tức tốc đến khắp mọi điểm trên trái đất. Chân trời tầm nhìn của con người – xưa kia chẳng mấy khi vượt quá lũy tre làng hay biên giới đất nước – nay toả xa ra khắp hoàn vũ. Thế giới đã thành một không gian vừa tầm của con người như là công dân của trái đất. Mỗi cá nhân phải có quyền được thông tin về mọi diễn biến quan trọng, có quyền góp ý kiến và hành động của mình vào thế giới chung. Trong hướng đó đang thành hình những khái niệm chính trị như “ xã hội công dân thế giới ”, “ chế độ dân chủ thế giới ”, “ gia sản chung ” của nhân loại...

Không gian thế giới – mới bắt đầu rõ nét trong quan niệm của con người – không xoá bỏ và cũng không mâu thuẫn với những không gian đã có từ xưa xưa. Như quốc gia - dân tộc, kết tinh hoài bão ước vọng kinh nghiệm các thế hệ nối tiếp của một cộng đồng gắn bó với nhau, vì chung một quá khứ một dự phóng cho tương lai. Mỗi quốc gia-dân tộc là một không gian chính trị rõ nét tạo điều kiện bình đẳng tự do cho con người phát huy khả năng của mình, hướng tới mục tiêu chung. Vì thế mà quốc gia-dân tộc vẫn còn là khuôn khổ thích nghi nhất hiện nay để cho con người sử dụng quyền dân chủ, tác động vào hiện tại và tương lai. Đồng thời cũng là không gian cho tưởng tượng ước mơ huyền thoại (trong con người đa diện, kích thước huyền thoại hệ trọng chẳng kém gì kích thước lý trí và các kích thước khác).

Tinh thần thế giới nhằm tới liên kết hài hoà những vòng liên đới đồng tâm : từ gia đình, làng xóm, quốc gia - dân tộc, vùng, cho đến địa cầu chung.

Chính quốc gia-dân tộc là quan niệm trung tâm để cho quá khứ, hiện tại, tương lai liên đới với nhau. Mỗi nhóm người, mỗi dân tộc tạo ra văn hoá của mình trong quá trình thích ứng với môi trường sống. Với những điểm hay cùng những điều thiếu sót. Trở về nguồn trên đường xây dựng xã hội tương lai là đem bản sắc đặc thù của dân tộc làm nhân tố tiếp nối hôm qua với ngày mai.

Cá tính muôn màu muôn sắc của các văn hoá dân tộc, quốc gia đóng góp vào kho báu chung của nhân loại, tích lũy kinh nghiệm nhiều đời, kết tinh của tính sáng tạo, tính phổ biến của loài người.

Đặt quan hệ sinh động và thường xuyên giữa các nền văn hoá là trao đổi với nhau kinh nghiệm sáng tạo muôn mặt của con người. Là cho con người của ngày hôm nay sống trên một điểm ở địa cầu, được thừa hưởng kinh nghiệm sáng tạo từ ngàn xưa và hiện nay của loài người trên khắp mặt đất.

Liên đới và loại trừ

Tôn trọng bản sắc của mình và của người, chấp nhận giao lưu và chấp nhận cái mới để cho đời sống văn hoá thêm phong phú trái ngược với thái độ co cụm, loại trừ mọi điều khác lạ, thái độ tiềm tàng trong tinh thần bảo thủ văn hoá cổ truyền cực đoan, tinh thần toàn thủ (intégrisme).

Nhưng không quên rằng thái độ co cụm, toàn thủ đang tiềm ẩn hàng triệu con người dưới danh nghĩa tôn giáo hay chủng tộc ở châu Phi, châu Á, châu Âu, châu Mỹ là phản ứng của một bộ phận những người bị thị trường loại ra “ ngoài ”. Là một phần trong tuyệt đại đa số của nhân loại không có điều kiện hoặc không muốn chấp nhận các giá trị mà phương thức phát triển công nghiệp phương Tây trưng ra làm gương mẫu cho toàn thể giới phải theo (kinh doanh, phát triển, lợi nhuận...). Đó là một phần của đại đa số nhân dân các nước đang phát triển. Đó cũng là một phần của thế giới người nghèo “ mới ” ở các nước giàu có bậc nhất (40 triệu ở các nước thị trường chung châu Âu, gần 30 triệu ở Hoa Kỳ...)

Thị trường toàn cầu hoá là cơ chế chính đang loại một bộ phận lớn nhân loại – 7 tỷ con người vào năm 2010 theo báo cáo **Global perspectives 2010** (Viễn cảnh toàn bộ năm 2010, Thomas Whiston, chương trình FAST FOP, Commission des Communautés européennes 1992). Liên đới người với người hàm nghĩa chuyển hướng phương thức phát triển hiện nay.

Đường còn xa. Trong khi thị trường đang biến tất cả thành hàng hoá, biến những gì trước đây là quan hệ tương trợ, quan hệ tình cảm ra quan hệ tiền bạc. Và loại trừ hàng loạt người bằng những cơ chế tiềm ẩn. Loại từ tấm bé những kẻ chót sinh vào gia đình nghèo kém bằng thể chế hoá hai cách giáo dục đào tạo, giáo dục đào tạo cho thiểu số được ưu đãi và giáo dục đào tạo cho những kẻ khác. Biến người nông dân có đất cày thành kẻ không tấc đất cắm dùi, lang thang tha phương kiếm cơm nuôi miệng. Chia công dân ra hai loại, loại được săn sóc sức khoẻ chu đáo với phương tiện hiện đại và loại “ con lành con ở cùng bà, đau mình nhức mảy con ra ngoài đường ”...

Tinh thần liên đới giữa người với nhau có khả năng giới hạn tác hại các cơ chế loại trừ. Với điều kiện là được cụ thể hoá. Cụ thể hoá trong các định chế quốc gia về các vấn đề xã hội, giáo dục, y tế... Cụ thể hoá vì các tổ chức tương trợ được tự do thành lập, tự do hoạt động theo sáng kiến nảy nở từ các vòng liên đới đồng tâm, toàn cầu, lục địa, vùng, quốc gia, dân tộc, làng xóm, gia đình...

Thách thức văn minh

Chuyển hướng phương thức phát triển, chuyển hướng thị trường vì thị trường ra kinh tế vì đời sống con người, tạo điều kiện cho mỗi người có điều kiện phát triển... Chung qui là một vấn đề văn hoá : lựa chọn các giá trị căn bản cho xã hội.

Cuối thế kỷ XIX, khoa học kỹ thuật, phát triển công nghiệp là niềm hy vọng vô biên.

Kỹ thuật có phép màu nhân khả năng của con người thật. Nhưng khi kỹ thuật thâm nhập hầu hết mọi lĩnh vực như hiện nay thì văn nếp sống và tư duy con người ngày càng trở nên máy móc. Phát triển kinh tế nâng cao mức sống thật, nhưng lôgic của guồng máy kinh tế tiềm ẩn từ doanh nghiệp ra đời sống, xâm nhập giải trí, văn hoá làm cho quan hệ người với người thành vô tình. Kỹ thuật tin học tiến đột biến, đạt tới khả năng giải phóng con người. Nhưng tới nay mới chỉ thấy kinh tế xáo động và hàng triệu lao động mất công ăn việc làm...

————— (xem tiếp trang 26) —————

“ Ở Rôma ” – hoặc đúng hơn – “ Ở Sài Gòn thì cứ làm y chang như dân Sài Gòn ”

Đã 17 năm rồi từ ngày Giải phóng, hoặc ngày mất Việt Nam, tuy theo chính kiến mỗi người. Tuy nhiên, tự bản chất, một đất nước không thể nào mất. Việt Nam vẫn còn đó, và sẽ còn đó, chờ đón những công dân cũ của mình trở về. Đây là tường trình về chuyến đi Việt Nam của tôi trong hai tháng 10 và 11 năm 1992.

Máy bay hạ cánh lúc 10 giờ sáng. Bên ngoài ẩm thấp đến ngột ngạt và mặt trời đang thiêu đốt mặt đường nhựa. Khi máy bay dừng hẳn lại, tim tôi giật thót một cái, thân thể mệt nhừ của tôi vận vẹo như thân một con rối, đồng thời, tôi tự hỏi, liệu chuyến đi này có là một sai lầm ? Xin đừng hiểu lầm, đây rồi, sau 22 tiếng đồng hồ và nửa vòng trái đất, tôi đang ở ngay tại phi trường Tân Sơn Nhứt. Đây cũng là nơi tôi sẽ ở trong hai tháng tới. Tôi không rõ mình nên thấy nôn nao hay nên lo âu. Đây là những nhân viên cộng sản mà biết bao lần bố mẹ tôi đã nói đến ? Tôi sẽ phải “ biểu ” mấy nhân viên hải quan bao nhiêu tiền ? Liệu tôi có nhớ mình cất tiền ở đâu không ? Nếu tôi ngã bệnh thì sao ? Nếu tôi không thích nơi này thì sao ? Tiếng chuông báo đèn hiệu nhắc nhở đeo thắt lưng an toàn đã tắt, cùng với lời loan báo của viên phi công hãng hàng không Philippines – “ Chào mừng quý khách đến Việt Nam, chúc quý vị một chuyến du lịch vừa ý và mong lại được phục vụ quý vị trong lần khác ” – thình lình cắt đứt cơn mơ mộng của tôi. “ Good morning Việt Nam ”, tôi nhủ thầm và đồng thời, tôi nghiêm chỉnh bắt đầu việc khám phá lại quê hương mình.

Mấy chiếc xe buýt đã chờ sẵn khi chúng tôi ra khỏi máy bay. Một thiếu nữ xinh xắn trong cánh áo dài xanh đón chào chúng tôi đến Việt Nam và hướng dẫn chúng tôi đến khu đăng ký và nhận hành lý. Đa số hành khách chuyến bay là Việt kiều, và có sự khác biệt rõ ràng giữa những người đã từng về Việt Nam và những người còn lại, vẫn chưa rõ việc gì đang xảy ra. Có người lộ vẻ bất an thấy rõ, có lẽ họ cứ ngỡ như mấy nhân viên cộng sản sẽ hiện ra và đưa họ đi thẳng vào nhà tù. Còn tôi, do chẳng hề biết mồm ngang mũi dọc một nhân viên cộng sản là ra làm sao, chẳng chút bận tâm, và nhờ đó lại hoá hay. Dù gì, tôi cũng có được hai thứ quan trọng ở Việt Nam : thông hành Mỹ và tiền. Tôi qua được chặng xét hỏi và đóng dấu chính. Người nhân viên nơi ấy khá gay gắt đối với tôi. Ông ta hỏi một câu gì đó, nhưng tôi không thật sự

hiểu ông ta muốn gì. Bực bội thấy rõ, sau cùng ông ta hỏi tôi làm nghề gì bằng tiếng Anh (tiếng Anh vào loại khá), tôi bảo tôi là sinh viên. Ông ta đóng dấu vào hộ chiếu của tôi, ngó địa chỉ nơi cư trú của tôi ở Sài Gòn, và khoát tay cho tôi đi. Lúc ấy, tôi khấn thầm, “ *Lạy Chúa, nếu tôi không hiểu nổi tiếng Việt của ông kia, thì làm sao tôi sống sót được ở Việt Nam đây ?* ” Xong, tôi đi đến chỗ đợi hành lý. Độ tiếng rưỡi đồng hồ sau thì hành lý cũng đến ! Tôi đợi trong cái nóng bức và ẩm thấp, giải buồn bằng việc nhìn những người xử lý hành lý mà giống như họ sẵn sàng làm vỡ vụn mọi thứ hàng hoá mỏng manh trong các va-li. Vì không tìm

ra được một xe đẩy, tôi đành phải tự khuôn mấy kiện hành lý khổng lồ của mình, không nhờ vào một thứ phương tiện cơ giới nào. Tôi đã đồn nhét nguyên cả căn phòng của mình vào va-li hay sao ấy, và tôi ngạc nhiên thấy mình chưa bị trật khớp hay bị chứng thoát vị (hernia)... nhưng, tôi đi lạc đề rồi. Về Việt Nam lần tới tôi sẽ nhẹ phần bánh kẹo và các thứ linh kính khác, và nặng phần tiền hơn.

Kiểm soát viên hải quan là một phụ nữ dễ chịu và tôi bắt chuyện với cô trong khi cô ta chậm rãi điền các mẫu khai báo và các thứ linh tinh khác cho tôi. Các túi hành lý của tôi được cho qua mà tôi không phải hối lộ một xu, và tôi rất là hài lòng về cái kỳ công ấy. Làm ở sân bay, họ kiếm thừa tiền, nhiều đến không biết làm gì cho hết, vả lại tôi chỉ là một sinh viên nghèo, túi tiền eo hẹp. Thế là tôi bèn trao đến cô

deo vòng chỉnh răng) và dong buồm để hoà vào biển người đang chờ đón phía ngoài cửa ra của khu hành khách sân bay.

Tôi hoàn toàn không biết ai ở Sài Gòn, và dự định ở với gia đình của một người bạn. Khi đi Việt Nam, tôi không định nói cho bố mẹ tôi biết, nhưng rồi lại cho rằng bố mẹ tôi cần nên biết, ngộ nhỡ có điều gì xảy ra cho tôi. Tôi gặp người đi đón ở cổng. Một người đàn bà lớn tuổi tôi không quen biết đến gần tôi, bật khóc và với tay ôm lấy tôi. Tôi bảo thầm “ *Người đàn bà gầy yếu, nói giọng miền Nam lạ hoắc này là ai mà lại có cử chỉ như vậy* ”. Tôi không may mắn ngờ rằng chị tôi, vừa từ Vĩnh Long lên Sài Gòn, lại có thể lên tận đây để đón tôi, và giọng nói người miền Nam của chị đã làm tôi bất ngờ, vì lẽ cả gia đình tôi đều nói giọng Bắc. Chị khóc và khóc, vì trong suốt 17 năm dài đằng đẳng ấy, từ khi cả gia đình tôi và đông đảo họ hàng bỏ đi từ năm 1975, chị ở lại một mình, theo chồng về quê anh ở Long Hồ, một làng gần Vĩnh Long. Cuộc chiến tranh Việt Nam bỗng nhiên đối với tôi sao mà bi thảm và vô nghĩa biết chừng nào, và thực đáng buồn cho những lầm lỗi của thế hệ bố mẹ tôi, của chủ nghĩa Cộng sản, chủ nghĩa Đế quốc, của sự nghèo khó và lịch sử, của sự ngu tối và mọi



thứ khác mà ta có thể đổ tội, khi tôi nhìn hậu quả của các thứ ấy khắc chạm lên khuôn mặt nhăn nheo, bờ phờ và đôi bàn tay chai sạn của chị tôi. Tôi chỉ còn biết ôm lấy chị, trong khi nước mắt chị tiếp tục tuôn trào, ướt cả vai áo tôi.

Phải thú thật rằng trước khi trở về Việt Nam, tôi không hề có chút ý niệm nào về đất nước, con người và đời sống nơi này. Tôi chỉ biết Việt Nam nghèo. Vì thế thủ tướng tượng tôi kinh ngạc đến chừng nào khi gia đình nơi tôi sẽ tạm trú đến đón tôi bằng xe Mercedes. Đây chỉ là một trong nhiều cú “sốc” của tôi trong hai tháng sắp tới. Chuyển xe từ sân bay về đến chỗ ở trên đường Hồ Xuân Hương khá thú vị. Mọi thứ đều khác lạ, bản thủ, ở đâu cũng đông đúc và bụi bặm; những ngôi nhà vuông vức kỳ cục, đầy ắp những hàng hoá để bán, tràn ngập với các thứ dịch vụ để cung ứng. Nói gọn, đường phố Sài Gòn thật nguy hiểm. Băng qua đường không phải việc của người yếu tim. Còn nhớ, tôi đã tự hỏi: “*Trời đất, phải nói đây là thành phố kỳ quái số một mà mình được biết! Xe cộ chạy thật quái đản, đường xá dằn xóc, và xe gắn máy, xe đạp, người ta thì cùng khắp mọi nơi*”. Thành ngữ “*cultural shock*” (cú sốc văn hoá) diễn tả được trạng thái tâm thần tôi lúc đó. Hoặc ít ra là tôi đã nghĩ thế, trong ghế hành khách của chiếc Mercedes, khi mà khung cảnh và mùi vị của Sài Gòn đang từ từ len lỏi vào bộ óc mù mịt của tôi.

Chúng tôi về đến nhà, hoá ra đó là một ngôi biệt thự đồ sộ đối diện toà lãnh sự Liên xô ở quận ba, Sài Gòn. Tôi gặp bố mẹ bạn tôi, những nhân vật khá đặc biệt. Ông bố đã đi tù sau khi Cộng sản chiếm miền Nam, và sau khi được thả ra, năm 1981, ông đã lập một công ty trà, bắt đầu từ số không. Cảm thấy mệt mỏi vì đi đường xa, tôi về phòng mình để tắm tãp. Đó là một phòng tắm hiện đại, một tiện nghi mà thoát tiên tôi coi là một nhu cầu hiển nhiên. Té ra phòng tắm hiện đại và điện thoại là thứ hiếm có ở Sài Gòn và lại càng hiếm hơn nếu ra ngoài thành phố. Nhưng liệu ta có thể mong đợi gì ở một đất nước mà thu nhập hàng năm bình quân trên mỗi đầu người là 200 Mỹ kim? Đi Việt Nam tôi kỳ vọng rất ít, và tôi cho rằng nhờ đó mình lại thấy hạnh phúc hơn.

Tôi dành mấy ngày đầu ở Việt Nam lắp bắp tập nói tiếng Việt. Bộ quai hàm của tôi không quen nói tiếng Việt 24 giờ một ngày, và mặc dù rằng phát âm của tôi khá, tôi không biết nhiều từ. Tuy nhiên, việc học của tôi tăng theo luật số mũ (exponentially) (hoặc ít ra là tôi muốn tin như vậy để tự hào về mình), cho nên đến cuối chuyến đi, tôi có thể nói tiếng Việt mà không phải chêm vào mấy tiếng Mỹ đặc như “*yeah*” hoặc “*okay*”. Và tôi lại còn có thể chửi bậy bằng tiếng Việt chẳng kém gì ai.

Buổi sáng, tôi dậy sớm (khoảng độ 6 giờ), ra ngồi trước nhà, nhâm nhi trà và nhìn ngắm đời sống diễn ra trước mắt. Những ngày của tôi ở đây diễn ra y hệt như thế, và tôi nhận ra được tác dụng trị liệu tuyệt vời của việc vừa nhấm nháp trà vừa ngắm nghĩ về những gì mình học được ngày hôm trước. Tôi nghĩ về bạn bè của mình ở Mỹ, ước gì đám ấy có mặt ở đây để cùng tôi kinh qua những buồn vui, nhàm chán và những thử thách có tên là Việt Nam. Tôi ngồi nghĩ về đời mình, về cái tâm trạng bất an đã dẫn tôi từ Kansas sang California và rồi về tận Việt Nam. Đó là một nỗi bất an không tên, mãi cho đến khi tôi về đến Sài Gòn, đi trên đường phố,

thả thẩn qua các cửa hàng, khắp mọi nơi và nghe cái tiếng nói thân yêu của chúng ta vang vọng trong không khí đầy bụi bặm. Nỗi bất an ấy liên hệ đến bản sắc (identity) của tôi và sự kiện tôi không biết chốn quê nhà là gì và ở đâu. Bởi thế, những gì xảy đến với tôi ở Việt Nam đều gần như không thực. Tôi cảm được mấy ngàn năm của lịch sử tổ tiên và hồn thiêng của các anh hùng liệt nữ xuyên suốt qua bản thân tôi, và chính tôi cũng và sẽ là một bộ phận của lịch sử này. Tôi trở về để tìm lại Việt Nam, nhưng rồi ngược lại, chính Việt Nam đã tìm lại được tôi. Khó mà giải thích, và ngay bản thân tôi cũng không thật hiểu tại sao sau mười bảy năm và không một tí ký ức về Việt Nam, tâm thần tôi lại cảm thấy thoải mái hơn ở đây. Tôi cảm thấy dường như người Việt cần có người Việt ở quanh mình, và bị phân cách với người Việt qua thời gian, không gian, hoặc tâm hồn, có nghĩa là mất đi một cái gì thật cần thiết cho cuộc sống, cái gì thật thiết thân với tâm thức tập thể của chúng ta. Okay, vâng, có thể là tôi điên. Nhưng xúc cảm thì cần gì đến những nguyên do hợp lý.

Nhưng trước khi tôi làm bạn ngấy đến tận cổ với các vấn đề tâm lý của tôi, xin được trở lại với chuyến đi. Khi tôi ở Việt Nam, một Mỹ kim ăn 10 750 đồng. Nên khi tôi đến một tiệm kim hoàn để đổi 100 Mỹ kim, tôi phải mang theo một cái túi xách hay một cái gì đó có sức chứa tương đương để mang tiền về. Lúc đầu tôi thấy bất tiện, nhưng dần dà tôi quen việc ghé qua một hiệu kim hoàn mỗi khi cần có tiền Việt Nam. Tôi gọi nó là ATM kiểu Việt Nam⁽¹⁾, và thói quen đã khắc sâu trong tôi đến độ giờ đây, mỗi bận đi ngang qua hiệu kim hoàn ở San José, tôi bỗng thấy cần ghé vào để đổi tiền. Lại nói chuyện những ám ảnh từ Việt Nam!⁽²⁾

Ăn uống ở hàng quán dọc đường mới thấy đồng đô la là lớn tới đâu – những bữa ăn thịnh soạn, giá lại thật rẻ, nếu như ta không nề hà về điều kiện vệ sinh vừa phải của các nơi ấy. Không thể tìm đâu cho được (ở Mỹ) một tô bún bò Huế ngon lành dưới giá năm mươi xu, hoặc bát phở giá bốn mươi xu, cộng thêm trái cây đủ loại trên các quầy và sò cùng các loại tôm cua khác. Tôi nghĩ là mình đã chết và được lên nước thiên đàng của đồ biển. Ban đầu tôi còn ngán các thứ sò, hến, tôm cua vì sợ bị chúng viêm gan, xong tôi lại nhớ ra là mình đã chích ngừa rồi, vậy thì sợ quái gì nữa? Với lại, gì thì gì, tôi không tài nào từ chối được những khay trai ngon lành, bốc khói, hoặc trứng vịt lộn 15 ngày và bia Sài Gòn ướp lạnh giá rẻ không đâu địch lại. Vì thức ăn ngon và rẻ thế đó nên mỗi tuần tôi lên nửa kí lô. May mà tôi chỉ ở lại có hai tháng!

Sau bài YÊU SÀI GÒN của Trần An Linh (số 19), *Diễn Đàn* vui mừng giới thiệu với bạn đọc bài ĐI TÌM VIỆT NAM của Hoàng Kim Nguyên. Cũng như Trần An Linh, Hoàng Kim Nguyên sang Mỹ từ hồi nhỏ. Anh vừa tốt nghiệp khoa Bang giao quốc tế (niên khoá 1992-1993) Trường đại học Stanford, California.

Nguyên tác bài này *IN SEARCH OF VIETNAM* đã được đăng trên tạp chí *Horizons of Vietnamese Thought & Experience*, Vol. 2, Number 1, Winter 1993 (45 S. Park Victoria # 350, MILPITAS, CA 95035).

Diễn Đàn cảm ơn tác giả đã cho phép chúng tôi chuyển ngữ và đã duyệt lại bản dịch.

Sau một tuần ở Sài Gòn, tôi đi Nam Bình, ở cạnh thành phố cảng duyên hải Vũng Tàu (100 cây số về phía bắc Sài Gòn), để thăm mấy người bà con. Đây là nhiệm vụ của một người trở về Việt Nam : bạn phải đi thăm tất cả bà con, bất kể xa gần. Với tôi, đây là chuyện không dễ, vì tôi chẳng hề biết họ là ai và chưa từng gặp mặt. Họ luôn hỏi thăm về bố mẹ, anh chị em tôi, và những họ hàng sống bên Mỹ, và tôi phải nói để họ biết rằng trường tôi học cách xa nơi bố mẹ tôi ở đến hàng ngàn cây số, và tôi không biết nhiều về hàng họ bên ấy. Họ cũng hỏi tôi đã lập gia đình chưa (tôi đâu tôi cũng bị hỏi về vụ này !), nhưng tôi đã khéo né trước bằng cách nói rằng tôi còn quá trẻ để chui vào cái nhà tù hôn nhân. Tôi ước gì bố mẹ tôi có mặt để nhìn thấy chị tôi gầy ốm như thế nào, và để hiểu được các chú bác cô dì của tôi thương nhớ hai người đến đâu. Chính vào lúc ngồi bệt trên sàn nhà để ăn uống với mấy người bà con, tất cả bỗng trở nên rõ ràng với tôi, rằng điều kiện quan trọng hơn hết để trở về Việt Nam chính là lòng mong muốn trở về, chứ không phải là việc ta đem về được bao nhiêu tiền (dù đem được đồng nào thì tốt đồng ấy), hoặc là đã có sự bình thường hoá giữa Mỹ và Việt Nam hay không. Mỗi bận bố mẹ tôi điện thoại cho tôi từ Mỹ, ông bà đều nói rằng nhất định hai người sẽ trở về sau khi có bình thường hoá, và tôi buồn vì bố mẹ tôi vẫn còn quá cứng nhắc.

Sau khi làm tròn bốn phận họ hàng ở Nam Bình, tôi ghé chơi các bãi biển Vũng Tàu một lúc. Biển thì ấm, nhưng cứ lần nào tôi ra đấy thì trời lại mưa, hoá cho nên tôi không râm nắng thêm được mấy tí. Nhân một đêm mưa ở Vũng Tàu tôi đã học được một bài học thực tiễn cho chuyến đi của mình : luôn nhớ mang giấy vệ sinh bên mình. Chuyện như vậy : trên đường từ bãi biển về nhà, trời bắt đầu mưa, chúng tôi phải chạy vào trú trong một tiệm hát *karaoke*⁽³⁾ rất điệu, có máy lạnh. Giữa chừng một bài hát hay, tôi bất ngờ phải đáp lại tiếng gọi cấp bách của tự nhiên. Duy có chút vấn đề là sau khi giải quyết xong việc cần kíp, trong loại nhà cầu ta ngồi xổm lên trên, tôi mới phát hiện ra là người ta không cung cấp giấy vệ sinh. Tôi bối rối, không biết phải làm sao. Vận dụng đến chút sáng tạo *yankee*, tôi đã làm như bất kỳ một người khéo xoay xở nào cũng phải làm trong tình huống ấy : tôi dùng những tờ giấy bạc có giá trị nhỏ nhất trong túi. Thà vậy còn hơn chịu nhộp nhúa cả ngày.

Khi mọi việc đã đâu vào đấy, tôi phát giác được hai điều trong ngày hôm ấy : giá trị của giấy vệ sinh và *karaoke* là “chiến thắng” vô cùng. Từ đấy đến bất kỳ nơi nào, từ Sài Gòn đến Vũng Tàu, Vĩnh Long hay Đà Lạt, tôi đều cố đi tới những chỗ có *karaoke*. Tôi nghiệm ra trò giải trí này là một cách rất hay để học tiếng Việt, vì tôi có thể tập đọc khi đang hát và các bài hát là cách hay để giữ mối quan hệ với ngôn ngữ và văn hoá. Những chỗ cầu kỳ nhất, với trang bị tốt nhất là ở trong Chợ Lớn, khu người Hoa của Sài Gòn. Có điều là các nơi ấy hơi thiếu nhạc Việt Nam, còn nhạc Trung Hoa thì lại khá đầy đủ. Khách hàng các nơi ấy hầu hết là các tay doanh thương ngoại quốc, từ các nước nói tiếng Trung Hoa sang, và thế các nơi này chém tiền phòng *karaoke* và các màn phục vụ “làm quà” khá nặng.

Một trong những phục vụ “làm quà” này là các nữ tiếp viên, nếu tôi đoán không lầm, đồng thời cũng là gái điếm.

Cạnh sự khốn cùng và nghèo khổ nhan nhản khắp nơi, mức độ mại dâm ở Sài Gòn và Vũng Tàu (và, tôi nghe nói, ở hầu khắp mọi thành phố lớn) là điều làm cho ta xốn xang hơn hết. Gái mại dâm hành nghề công khai tại Công viên Văn hoá, vườn Tao Đàn cũ, và dọc đường Xô viết Nghệ Tĩnh cũng như nhiều công viên khác ở Sài Gòn. Trong một số quán cà phê và bia, vũ trường hoặc khách sạn (dành cho khách) phương Tây, cũng đáng buồn như vậy. Tôi không phải là nhà luân lý, cũng không phải là một người theo Thanh Giáo (Puritan), song tôi vẫn rất buồn lòng khi nhìn thấy đông đảo những phụ nữ trẻ của Việt Nam lâm vào nghề mại dâm. Họ cũng có thể là chị, là em, cháu của tôi, và điều ấy càng làm tôi buồn lòng hơn nữa. Nhưng tôi có thể làm được gì ? Trước thực trạng trần trụi của nền kinh tế Việt Nam, mại dâm là một trong những phương cách để người phụ nữ Việt Nam kiếm ra tiền. Tôi đã có dịp nói chuyện với vài cô qua ly trà đá. Mỗi người có một câu chuyện khác nhau, nhưng tựu trung vẫn là hoàn cảnh hầu như không có một nghề nào khác kiếm được tiền như vậy. Tôi hỏi họ về mối nguy hiểm, như bệnh AIDS (hay SIDA trong tiếng Việt) chẳng hạn, nhưng họ không mấy quan tâm vì nó chưa lên đến mức một bệnh dịch ở Việt Nam. Không biết phải nói gì hơn, tôi trả tiền, và trước khi đi, tôi nói tôi hi vọng rằng các cô sẽ luôn luôn dùng bao cao su.

Một cách ngắn gọn, câu chuyện của tôi về Việt Nam và những gì tôi học được nơi ấy là như thế. Trở về Việt Nam là đi vào một thế giới lạ lùng, gần như là hoàn toàn xa lạ nhưng lại cũng thân quen đến không ngờ. Chuyến xe *roller coaster* (*montagnes russes*)⁽⁴⁾ của xúc cảm đã mang tôi từ cùng thẳm của nỗi u buồn và tuyệt vọng lên đến đỉnh cao rạng rỡ của tình yêu và nỗi vui. Tôi đã nhìn thấy sự nghèo khổ của đất nước và sự khốn cùng nơi thôn quê. Tôi tự nhủ “*Mình sinh ra nơi này, đây là đất nước mình, và đất nước này nghèo nàn khủng khiếp quá*”. Sau từng ấy năm với chiến tranh, với chủ nghĩa Cộng sản, giờ còn lại đây một đất nước tẻ tơi đang chờ xây dựng lại.

Tôi phải làm gì ? Tôi làm được gì ? Tôi sẽ làm gì ? Tôi nghĩ về quá khứ, về những người Việt Nam đồng cảm, họ là học sinh, thầy giáo, là các vị tướng hoặc nông dân, họ mang ngọn lửa của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc vì một tương lai bất định cho Việt Nam. Giờ họ đã chết (hay đang chết), nhưng tinh thần họ vẫn còn. Ngay chính lúc này, tôi biết, thông qua từng thớ thịt xương trong cơ thể mình, rằng một cách nào đó, xuyên thời gian và không gian, định mệnh của tôi và của Việt Nam cũng chỉ là một.

bản dịch của NGUYỄN LỘC

(1) ATM : *Automatic Teller Machine*, máy rút tiền.

(2) Nguyên văn : “ *Talk about flashbacks from ' Nam !* ”, ám chỉ một vấn đề tâm thần của lính Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam, thỉnh thoảng vẫn bị những hình ảnh của chiến tranh bất ngờ hiện về quấy nhiễu họ.

(3) *karaoke* : hát theo nhạc đệm với lời chạy trên màn ảnh.

(4) *Roller coaster* là một trò chơi “cảm giác mạnh”, dùng xe chạy trên đường ray ngoằn ngoèo, lên đèo xuống dốc thật ngất ngèo, nguy hiểm. Có thể dịch tiếng Việt : “trò chơi ngồi xe lộn tưng phèo” ?



Tôi sinh ở Thăng Long một năm Hợi. Chẳng hiểu rồng và lợn ra giống gì mà cuộc đời tôi phiêu bạt. Rồi Hà Nội năm 54 vào Nam, rồi *tây du*, để rồi trở thành *tây con* (chứ không phải con của tây). Gần 40 năm sau, một nửa đời người, tôi trở về thăm Hà Nội, làm sao không nao nức hồi hộp. Cả tháng trước tôi thao thức khó ngủ, có đêm nằm mơ đến bố tôi đã mất hơn 30 năm nay. Đã có dịp đi đó đây nhưng lần đầu tiên tôi nghĩ đến làm di chúc trước khi đi, để lại ít tài sản và xin được hoá táng !

Khi chiếc máy bay lượn cánh trên vùng trời Hà Nội, nhìn cảnh đồng quê xanh tươi, ngấn nấp, với những làng mạc xinh xắn, những bụi tre mát rượi, tôi vô cùng xúc động. Quê hương mình đẹp lắm, nhìn sông Hồng từ trên cao, tôi nghĩ ai khéo ghép hai chữ Đất và Nước. Nhiều bè bạn tôi kể lại rằng không cầm được nước mắt khi nhìn lại quê hương lần đầu tiên từ trên không. Nhưng tôi không khóc, hay tìm mình đã thành đá ?

Nhiều người chê bai phi trường Nội Bài là nhỏ bé nghèo nàn. Tôi thấy nó giản dị, và tôi đã đến những phi trường còn bé hơn nữa. Lẽ dĩ nhiên, trong tương lai, chắc chắn phi trường của thủ đô sẽ phát triển thêm. Nhưng điểm chính ở sân bay là thủ tục hải quan. Tôi thấy năm nay ở Hà Nội, hải quan làm việc nhanh nhẹn và nhã nhặn. Tôi cũng bị xét, nhưng các anh hải quan bình tĩnh và lịch sự. Đặc chí tôi tự ý biểu họ vài bao thuốc lá Mỹ. May là không bị buộc tội hối lộ cán bộ. Tôi thấy thủ tục hải quan ở Nội Bài kỳ này có phần nhanh nhẹn hơn cả New York, Francfort hay cả Paris...

Cái cảm tưởng đầu tiên ở đường phố Hà Nội là một thành phố sống động, tấp nập, nhiều xe đạp, xe máy, bấm còi inh ỏi. Xe ô-tô còn tương đối ít, phần lớn xe Nhà nước (bảng xanh hay bảng đỏ), nhưng cũng bắt đầu thấy vài xe tư nhân (bảng trắng). Phần rất lớn xe ô-tô là xe Nhật. Cũng may là Hà Nội còn ít xe ô-tô, chứ không làm sao giải quyết vấn đề di chuyển giữa biển xe đạp và xe gắn máy, hay vấn đề đậu xe ! Nói đến biển xe máy, không thể không nói đến các *surfers* Hà Nội ! Kinh khủng, chẳng có luật lệ tay phải tay trái, trước ngay mắt của các công an (thỉnh thoảng huyết còi *phạt chơi* vài ngàn đồng ...bỏ túi). Tôi không dám mượn xe đạp đi chuyển ở Hà Nội. Vậy mà thỉnh thoảng lắm mới gặp tai nạn, nhưng không chết người vì là xe đạp xe máy. Cảnh đua xe ở đường phố chứng tỏ đời sống có phát triển, phần lớn các gia đình ở Hà Nội đều có phương tiện di chuyển. Tôi được biết tàu điện Hà Nội đã vào bảo tàng (trong lúc ở bên Âu châu, ở các tỉnh lớn, tàu điện đang được phục hồi vì ít ô nhiễm môi trường). Ngoài ra tôi không thấy xe buýt công cộng, phải chăng vì đông xe xích-lô khá tiện nghi và rẻ (4000 đồng = 2 F 50). Tôi bắt đầu thấy vài xe taxi màu vàng khè.

Hà Nội 93, trăm hoa đua nở trên vỉa hè. Đâu đâu cũng cửa hàng, quán ăn, quán nước, tiệm bán quần áo, sách, mũ, máy ảnh, truyền hình, quạt điện...La liệt vỉa hè, ngay trong những ngõ hẻm. Nghe nói nhiều người Nga đi mua bán ở Hà Nội tỏ vẻ rất thèm thuồng các mặt hàng, nhiều chuyên viên Nga, chẳng hạn trong ngành dầu lửa, cũng chạy *đút lót* để hợp đồng làm việc ở Việt Nam được gia hạn. Cộng vào đấy nhiều hàng bán rong, món ăn, hoa quả, lắm khi chỉ thấy bán một vài chai nước ngọt, vài bao thuốc lá. Tôi không biết trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh này những người bán rong kiếm được bao nhiêu một ngày, nhưng họ vẫn tươi cười đón khách suốt ngày. Sự cạnh tranh cũng thúc đẩy các cửa hàng quốc doanh *đổi mới* = nhiều mặt hàng hơn, trình bày đẹp hơn, người bán niềm nở hơn. Nghe nói nhiều cửa hàng quốc doanh cũng có chính sách *khoán*.

Đời sống người dân Hà Nội có tiến bộ nhờ chính sách *đổi mới kinh tế*, đặc biệt từ hai ba năm nay. Nhiều gia đình có máy truyền hình màu, máy audio-cassette, máy video-cassette (phim Hồng Kông, hay phim nhạc việt kiều ở Pháp hay Mỹ rất được hâm mộ...không lấy gì là *cao siêu* lắm). Ở nhà thường có tủ lạnh, có quạt điện. Nhiều nhà tư nhân bây giờ đặt máy lạnh. Giữa tháng tám, nằm ngủ ở Hà Nội phải đắp chăn, có phải đúng là *Cách mạng tháng tám* không ? Từ khi nhà máy điện Hoà Bình chạy, điện ở Hà Nội bây giờ không thiếu, dân Hà Nội thắc mắc rằng khi đường dây điện vào Nam được khánh thành (năm 1994 ?) liệu Hà nội còn thừa điện nữa không ?

Bữa cơm gia đình có cơm trắng, thịt thà, rau, quả, khá đầy đủ. Phần đông các gia đình có một hai chiếc xe đạp hay xe máy, là những đồ quý giá, phải giữ gìn cẩn thận trong nhà. Nhờ đó, có bao nhiêu người sống nhờ việc trông xe ở ngoài đường, sửa xe, bơm lốp xe, hay bán lẻ xăng (từng chai 1 lít)...Tôi vui mừng vì ít gặp, ở trung tâm Hà Nội, những người rách rưới, những người ăn mày, hay những người tàn tật. Tôi không gặp cảnh đau đớn của các em bé chen nhau dành bữa ăn thừa trong các quán ăn.

Đổi mới trên vỉa hè cũng là *đổi mới* trong suy nghĩ của người Hà Nội. Bây giờ ai cũng mong muốn *làm ăn, làm giàu, đòi lại nhà cửa để kinh doanh*. Làm việc cho chính phủ lương tháng không đủ ăn, ai nấy đều phải làm thêm. Cô giáo viên mở lớp dạy học tư (các em học sinh thi đua học tư hay học ngoại ngữ, các lớp học tư bắt đầu từ 6 giờ tối, kể cả chủ nhật). Anh cán bộ nghiên cứu làm thêm *giám đốc* cho một công ty có hợp đồng với ngoại quốc, đi xoay xoay khắp các tỉnh, chủ thời gian nghiên cứu rất có hạn. Anh cán bộ làm việc ở làng Bác Hồ, sau giờ làm việc chính thức, làm thợ điện. Anh lái xe cho Bộ có thể mượn xe (bảng xanh) mang du khách đi chơi, lắm khi mấy ngày liền. Tất cả cái kinh tế *ngầm* này là sức sống của người Hà Nội, làm việc từ 5-6 giờ sáng đến khuya. Ngày chủ nhật ở đây đường phố nhộn nhịp, các cửa hàng buôn bán như ngày thường. Tôi rất cảm phục, họ làm việc nhiều hơn bên Pháp. Mặt trái của nền kinh tế *ngầm* này là chính phủ khó kiểm soát và khó thu thuế. Nhưng đây chưa thấm gì với nạn buôn bán đồ lậu, đặc biệt là từ Trung Quốc hay Thái Lan. Các mặt hàng ngoại quốc tràn ngập thị trường Việt Nam đang có nhu cầu tiêu thụ, nào là đồ ăn, nước uống, đồ may mặc, giày dép, máy điện, máy điện tử...với giá rẻ mạt so với mặt hàng sản xuất trong nước, làm cho nền kinh tế sản xuất Việt Nam điêu đứng !

Hà Nội *đổi mới* trong nhà cửa. Phần lớn các nhà cửa được sơn lại khá đẹp đẽ, hình ảnh một Hà Nội u ám một màu đen không còn nữa. Nhiều nhà được sửa sang lộng lẫy, chắc để cho ngoại quốc thuê. Nhiều nhà tư nhân được xây cất thêm tầng, tôi không hiểu vấn đề nền móng nhà có được nghiên cứu kỹ lưỡng không. Tôi đọc báo biết chuyện một khách sạn cao tầng sụp đổ ở Thái Lan, và nghe nói tỉnh Bangkok đang *lún* dần dần như Venice ! Nhiều khách sạn đang được xây cất, nhiều khu siêu-thị lớn đang được vẽ trên dự án, nhiều tin đồn về địa ốc làm dân Hà Nội bàn tán rất nhiều. Điều chắc chắn là dân Hà Nội sửa sang nhà cửa, xây cất nhà mới, đặc biệt ở các vùng ngoại thành (như Hồ Tây), 10 giờ đêm các thợ sơn, thợ mộc, thợ điện còn làm việc. Tiền đất Hà Nội còn đắt hơn ở Lyon. Có nhiều nhà mới xây rất lộng lẫy, có nơi hơi lộ bịch nữa, với nhiều chòi như các lâu đài ở Âu châu (chắc của một tư nhân làm giàu ở Đông Âu).

Nói đến Hà Nội, không thể không nói đến món ăn Hà Nội. Quán ăn bây giờ mọc ra như nấm, tiệm phở, tiệm bún... Việt kiều về đây ăn vừa ngon lại vừa rẻ, một bát phở Hà Nội giá 3000 đồng ($\approx 1 \text{ F } 80$). Cách đây hai năm, có anh bạn về ăn phở ở Hà Nội chê là nước không ngon (vì nhiều bột ngọt) và lèo tèo vài miếng thịt. Nghĩ lại, cách đây chẳng bao lâu, dân Hà Nội còn phải ăn *giấu*, chẳng hạn mua con gà về làm giò cũng phải giấu giếm người hàng xóm ! Phở bò, phở gà, bún ốc, bún thang, cháo lòng, cháo cá... lần sau có thể trở lại Hà Nội làm chuyến *du lịch thực* (tourisme gastronomique). Tôi cũng phải đi ăn bữa thịt chó cổ điển, ở làng Nhật Tân ngoại thành Hà Nội. Rất đặc biệt và ngon. Nghe nói bây giờ có thể được *mớm* ăn thịt chó nữa, đó là món *thịt chó ôm*. Kể cũng thú vị hơn là cảnh về già ôm chó, như ở bên Pháp này !

Nói chuyện chó, tôi không quên kể đến kinh doanh nuôi chó giống, chó Nhật, chó Bắc Kinh... để xuất cảng sang Trung Quốc. Nghe kể một con chó giống như vậy có thể trị giá bạc triệu (mấy trăm dollars !). Chó phải nuôi rất kỹ lưỡng, tuy bé nhỏ xinh xinh nhưng giống chó này rất hăm mộ trứng vịt lộn. Tôi nghĩ đến một truyện ngắn nổi tiếng Việt Nam. Nhưng thôi, cũng là một *thị trường* cho các nông dân Việt Nam nuôi vịt, cho các người bán rong trứng vịt lộn trên đường phố Hà Nội, và cho các bác sĩ thú y. Nhà cửa ở Hà Nội rất chật hẹp, nhưng chó phải nuôi trong nhà, vì nghe nói có nhiều vụ *bắt cóc* chó giống ở đường phố. Một mặt lạ của kinh tế thị trường nhưng nếu Việt Nam xuất cảng sang Trung Quốc được mặt hàng, thì cũng quý.

Hình ảnh đẹp nhất của Hà Nội là các cô gái. Trong mắt tôi họ rất đẹp, nụ cười kín đáo, mắt hơi buồn buồn, giữa mùa hè làn da vẫn trắng và mát. Họ đi xe đạp, xe máy, cũng dữ như bà Triệu cưỡi voi, nhưng tôi thấy họ nhẹ nhàng thướt tha như đàn bướm. Quả đáng tội, tìm mãi mới bắt gặp một người mặc áo dài cổ truyền Việt Nam (nghe nói trong năm học, một hai lần mỗi tuần các cô học sinh mặc áo dài trắng để làm nghi lễ chào cờ). Nhưng không sao, mặc áo đầm (kín đáo theo kiểu mẫu những năm 1950), hay áo ngắn tay, nhiều màu hay trắng, họ vẫn đẹp. Tóc búi cao, hay tóc dài trên lưng, tôi ngắm họ không chán. Và khi được nghe họ kể chuyện những năm đau khổ, những năm chiến tranh, chạy bom, đi sơ tán, đạp xe cả giờ đi làm. Và ngày hôm nay, vừa làm việc *chính thức*, vừa

Nhận định, lựa chọn... (tiếp theo trang 21)

Ý thức môi sinh bị huỷ diệt hội tụ với ý thức phẩm chất đời sống con người đang suy thoái.

Hai khuynh hướng tàn bạo như nhau, khuynh hướng dã man tự ngàn xưa và khuynh hướng lạnh lùng sắt đá của máy móc hiện đại, thách thức con người, thách thức địa cầu, thách thức văn minh :

Phương tiện khoa học kỹ thuật hiện nay có khả năng bảo đảm cho toàn thể loài người ăn no, mặc ấm. Kỹ thuật tin học ngày nay có khả năng giải phóng con người ra khỏi ràng buộc của công việc hàng ngày, có thể dành thì giờ, tâm sức vào những hoạt động theo sở thích, cho bản thân và xã hội phong phú thêm. Phương tiện thông tin và viễn thông có đó, đủ để bảo đảm cho các nền văn hóa khắp nơi trên địa cầu tìm hiểu nhau, trao đổi những cái hay cái đẹp với nhau.

Nhưng không có chính sách dân chủ về thông tin, mở cửa cho giao lưu văn hoá, không có một nền giáo dục khai phóng cho kiến thức và tư duy, không có không gian chính trị dân chủ cho công dân của quốc gia-dân tộc, công dân của thế giới được tự do, bình đẳng với nhau góp sức giải quyết các vấn đề chung. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho đời sống vật chất và tinh thần con người không được nâng cao lên ngang tầm với những khả năng kỹ thuật gần như vạn năng hiện nay.

Phát triển tình người, đem nhân đạo hướng dẫn kỹ thuật, làm cho bộ máy quan liêu có bộ mặt người, làm cho trái đất thấm nhuần nhân đạo hơn, cho con người kinh tế phiến diện thành con người đa diện muôn màu muôn sắc, cho loài người thành người hơn, là mục tiêu căn bản của chính sách nhắm tới tiến bộ, tới sự sống còn của nhân loại.

Những ước vọng không tưởng ?

Cứu địa cầu thoát khỏi hiểm họa do phát triển kinh tế hiện nay của con người gây ra, điều tiết và nhân đạo hoá kỹ thuật, bảo đảm cho con người phát triển toàn diện... Toàn là những điều không tưởng ! Không chút may mắn khả năng thành hiện thực !

Những xu thế làm huỷ hoại địa cầu, làm suy thoái đời sống đang bùng lên như vũ bão, như thể không sức gì ngăn cản nổi. Như thế mạnh đế quốc Ba Tư vào những năm 490 - 480 tiền công nguyên, trước một Athènes nhỏ nhoi.

Nhưng Athènes đã thắng và tinh thần dân chủ do nó tạo ra sống mãi cho đến ngày nay !

Và vào năm 1941, ai biết trước được đế quốc của Hitler rồi sẽ ra sao ?

“ Một con bướm vỗ cánh hôm nay ở Bắc Kinh có thể làm thành bão tố tháng sau ở Nữ Ước ” . chỉ là hình tượng của môn “ hỗn loạn học ” (xem Hàn Thuỷ đã dẫn ở trên).

Nhưng phần nào tương hợp với các chuyển biến bất ngờ của lịch sử : những thực hiện cao đẹp hôm nay, mỗi ngày nào đó còn là những điều không tưởng !

Bùi Mộng Hùng

(tháng 8.1993)

(xem tiếp trang 43)

thư ngỏ của công dân HOÀNG MINH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 27.8.1993

Kính gửi :

Ông Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Ông Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Cùng kính gửi : Quốc hội khoá IX, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội luật gia Việt Nam, các cơ quan truyền thông, các bạn hữu... (để đề nghị giúp vào việc thực hiện đúng Hiến pháp và pháp luật nhà nước)

Thưa quý vị,

Công dân Hoàng Minh Chính, nguyên Tổng thư kí Đảng dân chủ Việt Nam, nguyên Tổng thư kí Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện triết học, sĩ quan thương binh, nơi ở 26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội,

yêu cầu các cơ quan pháp luật nhà nước Việt Nam xem xét vụ án phi pháp, mệnh danh là “ vụ xét lại – chống Đảng ” [vụ án XLCD, sau đổi tên gọi phổ biến là “ vụ Hoàng Minh Chính ” (vụ HMC) nhằm làm lu mờ tính chất chính trị vụ án].

Vụ án XLCD do ông Lê Đức Thọ, uỷ viên Bộ chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đạo diễn và quyết án, lệnh bắt đúng ngày 27.7.1967 (kỉ niệm 20 năm Ngày thương binh liệt sĩ 27.7.1947). Sau đó có nhiều đợt bắt bớ tiếp theo.

Vụ án XLCD khởi nguyên từ đầu thập kỉ 1960, tồn tại suốt 30 năm cho tới nay chưa kết thúc. Mặc dù vụ án bị vùi sâu trong thăm lặng tuyệt đối suốt 30 năm qua, nó vẫn mang tính thời sự, làm nhức nhối lương tri nhiều người và được dư luận rộng rãi trong nước và quốc tế¹ quan tâm.

Để làm sáng tỏ vụ án XLCD, tôi xin phép trình bày vắn tắt theo 5 mục.

I. Những người vô tội bị vu cáo, đàn áp chỉ vì có những quan điểm tư tưởng mới, cấp tiến

Họ gồm nhiều chục, nếu không nói là cả trăm người trong và ngoài Đảng, ở các cấp chính quyền, quân đội, các ngành chuyên môn, các giới, các cấp bộ đảng như các bộ, thứ trưởng, các tướng lĩnh sĩ quan, các uỷ viên Trung ương Đảng, đại biểu Quốc hội, các cán bộ cách mạng lão thành, các nhà trí thức, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, nam nữ, già trẻ, miền Bắc và miền Nam².

Những người trong vụ XLCD và vô số người khác nữa bị ông Lê Đức Thọ, uỷ viên Bộ chính trị, trưởng “ ban xét tội và kết án ” (ban này thuộc nội bộ Đảng, trực thuộc Bộ chính trị Trung ương Đảng, gồm 7 uỷ viên của Bộ chính trị, Ban bí thư và Trung ương Đảng) toàn quyền qui kết tội hoàn toàn vô căn cứ là “ xét lại – chống Đảng, âm mưu lật đổ, phản cách mạng,

tay sai đế quốc ”. Không hề có toà án xét xử, không được quyền biện minh theo luật pháp, họ bị kết án tuỳ tiện, phi pháp, hoàn toàn bí mật, thăm lặng. Bất chấp Hiến pháp, bất chấp toà án, bất chấp quốc hội và bộ máy nhà nước, bất chấp các quyền con người và quyền công dân, bất chấp dư luận chân chính của nhân dân, ông Lê Đức Thọ, trưởng ban kết án của Ban chấp hành Trung ương Đảng, toàn quyền tuyên bố các án tù giam và các án phạt các loại (như cách chức các chức vụ chính quyền và quân đội, đưa ra khỏi biên chế, khai trừ đảng, biệt giam, quản chế, tước quyền công dân, vô hiệu hoá, huỷ bỏ các quyền con người mà Tuyên ngôn nhân quyền (Liên hiệp quốc) đã qui định, gạt ra ngoài lề xã hội, bao vây tứ phía cho hết đường sinh sống, tuyệt đường giao tiếp, cuộc sống bị hoàn toàn cô lập như sống giữa sa mạc không người. Ngay cả vợ con, bố mẹ, anh chị

20 năm biệt giam và quản chế

Đó là tổng cộng thời gian ông Hoàng Minh Chính, đảng viên cộng sản, đã bị tù và quản thúc dưới chế độ “ xã hội chủ nghĩa ” Việt Nam : hai lần tù 11 năm (1967-72, 1981-87), hai lần quản chế (1972-78, 1987-90), nhưng chưa bao giờ có quyết định nào của toà án. Đó là chưa kể mấy năm tù dưới chế độ thực dân.

Bản khiếu tố mà *Diễn Đàn* công bố bên đây còn là một chứng từ quan trọng về mấy mảng tối trong lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (vị trí của đảng này trong cuộc xung đột Liên Xô – Trung Quốc, vai trò của ông Lê Đức Thọ, người đứng đầu bộ máy đàn áp, tác hại của chủ nghĩa Stalin và Mao ở Việt Nam...).

Chúng nhân Hoàng Minh Chính là ai ? Sinh khoảng năm 1925, Hoàng Minh Chính hoạt động cách mạng từ trước 1945. Những năm kháng chiến, ông tham gia Quân đội Nhân dân. Từng được tướng Giáp gắn huân chương vì đã chỉ huy cuộc tấn công táo bạo vào sân bay Gia Lâm, đúng ngày mở đầu chiến dịch Điện Biên Phủ (8.3.1954).

Sau khi theo học Trường Đảng cao cấp ở Liên Xô (1957-60), ông được cử làm Viện trưởng Viện triết học. Cho đến năm 1967, khi nổ ra vụ án “ xét lại – chống Đảng ”, cũng là năm ông viết tác phẩm 200 trang “ Về chủ nghĩa giáo điều ở Việt Nam ”. Ngoài những chi tiết về cá nhân trong phần IV, bạn đọc có thể tham khảo bài “ Góp ý kiến về Dự thảo Cương lĩnh ” của Hoàng Minh Chính đăng trên *Đoàn Kết* bộ cũ số 433 (tháng 4.1991).

Năm 1981, đơn khiếu tố của ông được ông Lê Đức Thọ đáp lại bằng 9 năm giam cầm, quản chế. Năm 1991, chính quyền trả lời kiến nghị của ông bằng sự im lặng và theo dõi của công an mật.

Thái độ của chính quyền đối với thư ngỏ năm 1993 này sẽ là thước đo thực tâm xây dựng một nhà nước pháp quyền.

¹ Xem các chú thích của tác giả ở cuối bài (trang 32)

em, họ hàng cũng bị vạ lây, trấn áp.

Việc làm của ông Lê Đức Thọ như vậy là chà đạp lên Hiến pháp và pháp luật nhà nước Việt Nam.

Hiến pháp năm 1980 khẳng định, điều 82 viết : “ Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước ” ; điều 104 : “ Hội đồng Bộ trưởng bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành pháp luật ; phát huy quyền làm chủ của nhân dân ” ; điều 127 : “ Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.... bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân ”.

Tất cả các điều luật đó chỉ nằm trên giấy. Bất chấp việc nhận được hàng trăm, hàng nghìn đơn khiếu tố về vụ XLCD, các cơ quan tối cao của nhà nước, từ Quốc hội đến Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Đảng.... hết thấy đều lơ đi, để mặc cho sự phi pháp, bất công hoành hành.

Điều mỉa mai hơn nữa là Pháp lệnh và luật pháp có chữ kí của Chủ tịch nước vừa mới được ban hành thì liền có chính các cơ quan hành pháp cấp cao nhất nhà nước lại công khai hành động ngược hẳn lại. Đơn cử : pháp lệnh khiếu tố được ban hành tháng 11.1981, điều 11 ghi : “ Cấm tiết lộ hoặc chuyển đơn tố cáo cho người hoặc tổ chức bị tố cáo ”. Điều 7 pháp lệnh khiếu tố năm 1981 và pháp lệnh khiếu tố năm 1992 đều ghi rõ : “ Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở, trả thù người khiếu tố, hoặc bao che cho người bị khiếu tố ”. Cũng đúng vào nửa cuối năm 1981, công dân Hoàng Minh Chính tố cáo ông Lê Đức Thọ về các hành vi lạm quyền, phi pháp, tùy tiện bắt bớ, giam cầm các công dân vô tội trong vụ án XLCD kể trên. Tôi gửi đơn tố cáo cho Đoàn chủ tịch Quốc hội khoá VII, kì họp thứ nhất ngày 26.6.1981, yêu cầu khởi tố, đưa ra toà án xét xử ông Lê Đức Thọ. Hậu quả là 3 tháng sau đó, công dân Hoàng Minh Chính là người tố cáo, đã chẳng được các cơ quan chấp pháp hỏi han gì, lại bị bắt (ngày 6.10.1981) và bị tù giam suốt 6 năm trời (từ 1981 đến 1987). Còn kẻ bị tố cáo là công dân Lê Đức Thọ lại được Bộ chính trị Trung ương Đảng giao trách nhiệm xét tội, kết tội, quyết án và tiếp tục tra khảo công dân Hoàng Minh Chính suốt 6 năm tù giam về trọng tội đã “ dấn tố cáo ” ông ấy.

Tất cả các đơn khiếu tố của tôi và của gia đình tôi (cũng như của mọi người và gia đình họ trong vụ án XLCD) gửi tới các cơ quan lập pháp, hành pháp, toà án, viện kiểm sát và tới các cơ quan truyền thông, đều không được trả lời, thậm chí tất cả các đơn từ đều được các cơ quan kia gửi thẳng tới ông Lê Đức Thọ là kẻ bị tố cáo để chính ông ta toàn quyền kết tội, hành tội các nạn nhân.

Tại sao có chuyện cực kì phi pháp và phi đạo lí đến như thế ?

Mà chuyện đó lại được coi là lẽ đương nhiên ! Điều đó chỉ có thể giải thích được bởi một lẽ duy nhất : *Tất cả các cơ quan nhà nước từ cấp trung ương xuống đến cơ sở đều phải đặt dưới quyền lãnh đạo của cấp uỷ Đảng là cấp toàn quyền, tiên quyết và tối hậu quyết định tất cả. Điều đó lại được pháp chế hoá bằng Điều 4 của Hiến pháp năm 1980 (Hiến pháp năm 1992 vẫn giữ nguyên Điều 4 đó !)*

Ngoài ra còn cần nói tới việc nước Việt Nam là một thành viên của Liên hợp quốc, có nghĩa vụ tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc và bản *Tuyên ngôn nhân quyền* mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí kết tuân thủ.

Ngay từ *Lời nói đầu* và trong suốt toàn bộ cả 30 điều, bản

Tuyên ngôn nhân quyền quán triệt nhấn mạnh : *nghĩa vụ của các nước thành viên Liên hợp quốc là đảm bảo thừa nhận và duy trì các quyền cơ bản cùng các quyền tự do cơ bản của con người. Như các quyền : “ Mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng ” (điều 1) ; “ Mỗi người đều có quyền sống, tự do và an toàn cá nhân ” (điều 3) ; “ Không ai phải chịu các hành động tra tấn hay xử sự tàn bạo, vô nhân đạo, hạ thấp nhân phẩm ” (điều 5) ; “ Mọi người đều có quyền ngang nhau được phát biểu chính thức và công khai trước toà án độc lập và không đảng phái để đòi xác nhận quyền lợi và trách nhiệm của mình hoặc về việc buộc tội mình trước toà ” (điều 10) ; “ Mỗi người đều có quyền tự do có quan điểm và phát biểu quyền này, không cho phép bất cứ ai phải chịu thiệt hại do có quan điểm của mình, bao gồm cả quyền thu thập và truyền bá các thông tin và các ý tưởng bằng bất cứ phương tiện nào và bất chấp biên giới ” (điều 19) ; “ Mọi người đều được đảm bảo tự do hội họp và liên kết hoà bình ” (điều 20) v.v...*

Các tư tưởng tự do, nhân đạo và quyền con người cực kì quan trọng đó của *Tuyên ngôn nhân quyền* đã bị chà đạp không thương xót mà vụ án XLCD là một minh chứng.

Vì bị hành hạ dã man, có người đã chết trong ngục (thí dụ ông **Phạm Viết**), hoặc cho rời nhà tù để về chết ở nhà (thí dụ ông **Phạm Kì Vân**) hoặc chết vì quá suy nhược trong tù đầy liên tiếp vì đói khổ, thiếu thuốc men, bị o ép tinh thần, chết ngoài lề xã hội, mang hận trong lòng sang thế giới bên kia (như các ông **Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Bùi Công Trường, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Vịnh, Trần Minh Việt...**)

Một loạt người còn sống vẫn đang phải mang cái tội cổ lỗ “ *xét lại – chống Đảng* ”, bị tước mất mọi quyền lợi vật chất, tinh thần và danh dự chính đáng.

Việc phải xét lại vụ án cực kì vô lí, phi pháp, vô nhân đạo này là đòi hỏi bức thiết suốt hàng chục năm nay của những người vô tội, nếu không muốn nói là có nhiều công lao với Tổ quốc và Nhân dân, là đòi hỏi của lương tri dân tộc và nhân loại, của dư luận trong nước và quốc tế, là đòi hỏi của Hiến pháp và pháp luật thành văn hiện hành của Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và còn là đòi hỏi của chính bản *Tuyên ngôn nhân quyền*.

II. Nguồn gốc, bản chất và cơ chế bí mật của Vụ án Xét lại – chống Đảng

1) Hội nghị lần thứ IX của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá III họp tháng 11-12 năm 1963 (được gọi phổ biến là Nghị quyết IX) là tiêu điểm bật đèn xanh cho các cao trào khủng bố, đàn áp trắng trợn trên qui mô toàn quốc chống chủ nghĩa xét lại hiện đại ở Việt Nam. Tuy nhiên, nếu chỉ đọc bản Nghị quyết IX, được giữ tuyệt đối bí mật, thì vẫn không thấy được rõ nguồn gốc, bản chất và nội dung của chiến dịch lên án chủ nghĩa xét lại và cơ chế bí mật của vụ án XLCD.

Điều quan trọng nhất là phải được nghe lời giải thích về điều ẩn giấu của Nghị quyết IX không được ghi trên văn bản mà chỉ được phổ biến bằng miệng từ cấp Trung ương rồi truyền miệng xuống tới tận cơ sở. Chính những lời truyền miệng đó mới là thực chất, nội dung, linh hồn sâu kín nhất của Nghị quyết IX.

Tám màn bí mật ấy đã được vén lên bởi ông Trường Chinh, uỷ viên Bộ chính trị, Trưởng ban phổ biến Nghị quyết IX của Trung ương. Tại Hội nghị các cán bộ cao cấp và trung cấp gồm chừng 400 người họp lần đầu tiên tại Hội trường Ba Đình trong

tháng 1.1964 để học tập Nghị quyết IX, ông Trường Chinh tuyên bố : “ Các đồng chí cần đặc biệt lưu ý một điều là Nghị quyết IX, do tình hình phức tạp trong phong trào cộng sản quốc tế, không thể viết hết ra những điều cần nói. Cần đặc biệt lưu ý rằng *thực chất của Nghị quyết IX chỉ có thể phổ biến bằng miệng, điều đó là : Đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng và Nhà nước ta là thống nhất về cơ bản với đường lối đối ngoại và đối nội của Đảng cộng sản và Nhà nước Trung Quốc* ”.

Sau đó ít lâu, ông Lê Đức Thọ, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng, tuyên bố với các cán bộ rằng : “ *Chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, về mặt lí luận ta để cho Đảng cộng sản Trung Quốc làm, còn về mặt tổ chức thì ta tự làm lấy* ”.

Như vậy, cuộc đấu tranh một mặt một còn giữa chủ nghĩa giáo điều với chủ nghĩa xét lại hiện đại, giữa Trung ương Đảng Trung Quốc với Trung ương Đảng Liên Xô khởi sự từ đầu năm 1960 (thật ra còn sớm hơn nữa, ngay sau Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô tháng 2.1956) đã dội mạnh vào các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế. Cuộc đấu tranh phê phán và kết tội chủ nghĩa xét lại hiện đại ở Việt Nam là tấm gương phản ánh tình hình đấu tranh quốc tế đó. Như mọi người đã biết, trên thế giới vào thập niên 1960, ở 86 nước có đảng cộng sản, thì 81 đảng đã có mặt tại Hội nghị Maxcova tháng 11.1960. Trong sự phân liệt, có trên 70 đảng đứng trên lập trường Liên Xô, số còn lại (phần lớn là các đảng cộng sản ở châu Á) đứng về phía Trung Quốc (giáo điều).

2) Để hiểu được bản chất và nội dung vụ án XLCD cần phải xem xét và so sánh các luận điểm tư tưởng – chính trị chủ yếu nhất của hai phía đối địch.

Các luận điểm được gọi là “ xét lại hiện đại ” là :

- Chiến tranh không phải là định mệnh. Ngày nay có thể ngăn ngừa được chiến tranh thế giới.
- Chung sống hoà bình, thi đua hoà bình, hợp tác toàn diện

giữa các nước không phân biệt chế độ xã hội và nâng cao mức sống nhân dân là đường lối quốc tế duy nhất hợp lí.

– Hoà bình, phát triển, dân chủ là nguyên tắc đúng đắn tối ưu đối nội và đối ngoại.

– Chống tệ sùng bái cá nhân lãnh tụ, phát huy mạnh mẽ tự do dân chủ, thiết lập pháp chế kỉ cương, công bằng xã hội là điều thiết yếu cho trật tự xã hội, hạnh phúc của nhân dân ³.

Các luận điểm của chủ nghĩa giáo điều mao-ít Mác-Lênin là :

– Diện mạo thế giới ngày nay là hai phe đối địch một mặt một còn, với 4 mâu thuẫn cơ bản qui định đời sống xã hội của toàn thế giới.

– Chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc chiến tranh. Chiến tranh thế giới là không tránh khỏi. Chiến tranh hạt nhân không đáng sợ. Nếu nó xảy ra, chủ nghĩa tư bản – đế quốc sẽ bị tiêu diệt trên mặt đất và chủ nghĩa cộng sản sẽ được xây dựng trăm lần tốt đẹp hơn.

– Mục tiêu số 1 của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức là tiến hành chiến tranh cách mạng, cướp chính quyền, thiết lập nền chuyên chính vô sản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, tiến lên thế giới đại đồng.

– Trước mắt phải chống tới cùng chủ nghĩa xét lại hiện đại Liên Xô là con ngựa thành Troa, tay sai nguy hiểm nhất của chủ nghĩa tư bản đế quốc quốc tế ⁴.

III. Xem xét hai quan điểm đó dưới ánh sáng thực tại

1) Một loạt nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu (và ở cả châu Á) đã từng là hình mẫu của chủ nghĩa xã hội hiện thực, là cái nôi và hội tụ của học thuyết Mác – Lênin, chỉ trong một vài năm đã nhất loạt từ bỏ chủ nghĩa xã hội và cả học thuyết Mác –

Thu Bồn



Tiếng ềnh ường trên đồi Châu Thới

Uênh uênh oang... uênh uênh oang
sau cơn mưa đất kêu vang từng hồi
tiếng kêu khan vọng núi đồi
tiếng kêu như cả một thời hồng hoang

uênh uênh oang... uênh uênh oang
uênh oang trời đất hỗn mang
sau cơn mưa thác lại tràn đường quê
bao nhiêu tâm sự đổ về
tôi người lính đến nằm kề nghĩa trang
em con đồ mộng sang ngang
chiếc xuồng võ giữa mênh mang thác người

ngoài kia xa lộ trận cười
đèn xanh đỏ chóng mặt thời li tao
biết không về kịp trăng sao
cũng xin gởi trước lời chào bình minh

tôi con của lấm trường chinh
đào hang ổ để giấu mình suốt khe
em yêu thương, mẹ chở che
cho tôi được sống để nghe trận rền
uênh oang uênh ... uênh oang uênh...
sau cơn mưa phát tung mền chiều mây
cái gì sáng ở đất này
một tia chớp xé luống cày tả tơi

Mưa rơi tiếp trận mưa rơi
tôi không về bến tôi bơi giữa đời

uênh uênh oang ... uênh uênh oang ...

ai du ca bản nhạc vàng
khúc giao hưởng của trần gian tặng trời

Suối Lò, 3.1993

Lênin. Họ đang quyết tâm tự lột xác nhằm gạt bỏ mọi tàn dư kinh tế – xã hội và ý thức hệ cộng sản – chủ nghĩa Mác – Lênin. Họ quyết tâm đổi mới – cải tổ và hoà nhập vào cộng đồng thế giới tư bản chủ nghĩa và mong được chủ nghĩa tư bản hỗ trợ.

Vài nước xã hội chủ nghĩa còn sót lại ở châu Á — theo đánh giá chung của các nhà quan sát quốc tế — cũng đang cố gắng thoát ra khỏi vòng kim cô là hệ tư tưởng giáo điều Mác – Lênin và tìm mọi con đường hoà nhập vào nền kinh tế tư bản chủ nghĩa quốc tế. Họ bỏ qua hàng loạt các điều cấm kị của học thuyết Mác – Lênin chính thống. Họ mạnh dạn theo chủ nghĩa thực dụng phát triển kinh tế xã hội theo đường hướng tư bản chủ nghĩa, mặc dù bề ngoài vẫn trưng nhãn hiệu Nhà nước xã hội chủ nghĩa theo chủ nghĩa Mác – Lênin, với nền kinh tế thị trường “ xã hội chủ nghĩa ” và độc đảng cộng sản.

2) Loài người đã bước vào một thời đại mới : thời đại thế giới không còn hai phe đối kháng giao tranh đổ máu vì ý thức hệ, không còn nguy cơ chiến tranh thế giới (hạt nhân) huỷ diệt loài người, không còn chiến tranh lạnh ; hai siêu cường hạt nhân hợp tác giải trừ quân bị, thủ tiêu từng phần các loại vũ khí hạt nhân và vũ khí giết người hàng loạt, ngăn ngừa truyền bá vũ khí hạt nhân... Là thời đại mà các nước trên thế giới lấy mục tiêu cao nhất là đua tranh phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, tôn trọng việc thực hiện các quyền con người (do tự nguyện hoặc bị ép buộc từ bên trong và bên ngoài), là hợp tác cùng nhau giải quyết các thách thức của thời đại có quan hệ sống còn đối với tất cả các dân tộc và toàn thể loài người.

3) Việt Nam, cũng giống như Trung Quốc, là nước từng đứng hàng đầu của chủ nghĩa giáo điều chính thống Mác – Lênin chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, cũng đang bị cuốn vào dòng đại lưu văn minh đó của loài người. Các luận điệu xét lại hiện đại của Liên Xô cũ cách đây 30 năm đang được thực hiện hầu hết (ngoại trừ điểm thứ năm), thậm chí còn bị vượt xa. Có thể nêu ra rất nhiều dẫn chứng.

Như vậy, thực tế của Việt Nam hiện nay đã vượt xa các quan điểm xét lại thuộc thập kỷ 1960 của những người xét lại ở Việt Nam.

IV. Đôi điều về cá nhân Hoàng Minh Chính

1) Trung thực mà nói, trước năm 1957, lập trường tư tưởng – chính trị của tôi là giáo điều mao-ít Mác – Lênin. Được cử đi học ở Liên Xô (tại Trường cao cấp trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô từ 1957 đến 1960), tôi đã tự nguyện chuyển đổi sang lập trường xét lại hiện đại trên các bình diện quan hệ quốc tế của Nghị quyết Đại hội XX của Đảng cộng sản Liên Xô. Tuy nhiên còn một loạt quan điểm đối nội của Liên Xô không được chúng tôi hưởng ứng. Theo chúng tôi, cả 5 quan điểm quan hệ quốc tế xét lại hiện đại của Nghị quyết Đại hội XX là chiều hướng khách quan, văn minh, tất yếu của thời đại mới ngày nay, không có con đường nào khác. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô và Đại hội XX đã có trí tuệ sáng lạng và dũng khí sáng tạo.

Xét cho cùng, về bản chất và nội dung, cả 5 quan điểm đó đã phủ nhận sạch trơn các nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác – Lênin. Như vậy, gọi đường lối quốc tế đó của Liên Xô là “ xét lại chủ nghĩa Mác – Lênin ” và là “ xét lại hiện đại ”, theo tôi nghĩ là đúng sự thật.

2) Một ngày giữa tháng 9.1960, Chủ tịch Trường Chinh

điện tôi lên, giao chuẩn bị gấp 5 vấn đề quốc tế có bất đồng trong phong trào cộng sản quốc tế (như trên đã nói), và phải trình bày lý luận với các sự kiện chứng minh, cố gắng tìm ra những “ tiền lệ ” để chỉ ra chân lý thuộc bên nào. “ *Bộ chính trị đang họp dở, bàn hai ngày chưa ngã ngũ. Anh về chuẩn bị gấp, hôm sau lên báo cáo* ”, lời Chủ tịch Trường Chinh.

Vì gấp quá, không kịp viết thành văn bản, tôi báo cáo miệng. Chủ tịch Trường Chinh thông qua toàn bộ rồi điện mời Bộ chính trị họp lại ngay. Bộ chính trị nghe Chủ tịch Trường Chinh báo cáo đầy đủ, hỏi đôi điều rồi thông qua trọn vẹn. Ngày hôm sau, Chủ tịch Trường Chinh điện tôi lên và thông báo kết quả tốt đó. Chủ tịch cho biết là Chủ tịch có báo cáo với Bộ chính trị rằng các ý kiến trình bày đó là do Hoàng Minh Chính chuẩn bị. Tính trung thực của Chủ tịch Trường Chinh là như thế.

Vậy là cả 5 quan điểm xét lại hiện đại đó đã được Bộ chính trị chấp nhận từ tháng 9.1960. Liên đó, Chủ tịch Trường Chinh lên đường đi dự Hội nghị trù bị cho Hội nghị 81 Đảng cộng sản sẽ họp vào cuối năm 1960.

3) Đoàn đại biểu cấp cao Đảng cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu, thành viên có Tổng bí thư Lê Duẩn và uỷ viên Bộ chính trị Nguyễn Chí Thanh dự Hội nghị 81 đảng cộng sản. Tất cả 81 đảng, kể cả Đảng cộng sản Việt Nam, đã nhất trí ký vào bản Tuyên bố chung Maxcova tháng 11.1960, có ghi đầy đủ 5 điểm xét lại hiện đại đó.

4) Tuy nhiên, cuối năm 1963, Bộ chính trị lại triệu tập Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX, khoá III, ra Nghị quyết IX, là bước ngoặt từ lập trường Tuyên bố chung 81 đảng nhất trí với Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô, nhảy sang chủ nghĩa giáo điều mao-ít. Nghị quyết IX là dòng nước ngược mở đường cho phong trào lên án dữ dội chủ nghĩa xét lại Liên Xô và bản Tuyên bố chung Maxcova 1960. Xin lưu ý một điều là không tham gia biểu quyết Nghị quyết IX có một số uỷ viên Trung ương và cả Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Hệ quả của Nghị quyết IX là vụ án XLCD được tạo dựng. Tôi có gửi cho Hội nghị Trung ương IX hai bản kiến nghị, một bản phê phán Bộ chính trị đã tự ý bỏ nguyên tắc đồng thuận (*consensus*) của bản Tuyên bố Maxcova 1960, còn một bản phê phán đường lối quốc tế sai trái của Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc trong việc dả kích đường lối quốc tế gọi là xét lại hiện đại của Tuyên bố 81 đảng và của Nghị quyết Đại hội XX Đảng cộng sản Liên Xô. Ông Lê Đức Thọ, bất chấp Hiến pháp và luật pháp, đã ra lệnh bắt bỏ tù tôi rồi đích thân tuyên án “ *cách chức viện trưởng Viện triết học, khai trừ đảng tịch, tước quyền công dân, biệt giam cho tới khi nào chịu hối cải về tội xét lại – chống Đảng, phản cách mạng, âm mưu lật đổ, làm tay sai cho đế quốc* ”. Lũn tù giam này kéo dài 5 năm, tiếp liền đó là quản chế.

Tiếp sau đó là lần thứ hai tôi bị tổng giam dưới chế độ cộng sản, từ năm 1981 đến 1987, và tiếp liền bị quản chế tại nhà cho đến năm 1990. Sau đó, tuy gọi là “ *giải quản* ” nhưng vẫn bị công an theo dõi chặt chẽ, bao vây và cô lập với xã hội. Cả lần này nữa, vẫn là ông Lê Đức Thọ làm *tổng tư lệnh đánh xét lại* (như lời một uỷ viên Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô gọi ông Lê Đức Thọ). Đòn đánh lần này tàn bạo gấp bội lần trước. Nhà tù giam mỗi một mình tôi (biệt giam ở Hải Hưng) có trên 20 sĩ quan công an từ cấp uỷ đến cấp tá canh gác ngày đêm, không rời mắt một giây phút. Họ tuyên bố thẳng với tôi rằng : “ *Chúng tôi được phép hành hạ anh !* ” Có tên nói : “ *Tôi sẽ giết*

anh ! Tay tôi đã từng vấy máu. Anh là tên phản cách mạng ! ” Rồi họ dùng biện pháp gây tiếng ồn phá giấc ngủ ban đêm, gây bệnh ỉa chảy liên tục bằng cách bỏ ruồi nhặng vào canh, cho thức ăn ôi : khi lâm bệnh thì hãm không cho thuốc uống, cứ liên tục như vậy... Rồi họ đầu độc tôi hai đợt bằng cách cho thức ăn có hoá chất độc, gây ốm mê man, miệng nôn trôn tháo, bụng quặn đau, toàn thân run rẩy suốt tuần (có bác sĩ khám chứng nhận đúng là bị ngộ độc thức ăn). Một lần, tôi bị nắm tên công an lực lưỡng xông tới bẻ quặt tay, nắm tóc, buộc giẻ bịt miệng rồi bóp cổ cho tôi chết ngất... Không sao kể xiết tất cả các đòn thù dã man, tàn bạo giáng xuống đầu tôi trong nhà tù biệt giam theo lệnh ông Lê Đức Thọ. Mục tiêu duy nhất của họ là huỷ hoại sức khoẻ, tiêu diệt ý chí phản kháng, buộc “ *phải cúi đầu, quỳ gối nhận tội* ” như lời hai sĩ quan tay sai của ông Lê Đức Thọ đã thét vào mặt tôi (tên chúng là Nguyễn Ngọc Nghị và Hoa Văn Lan).

Hai lần tù giam cộng 11 năm và 9 năm quản chế tiếp liền sau đó, tổng cộng 20 năm tù đầy và quản chế với tất cả mọi nhục hình và những hành vi nhục mạ xúc phạm nhân phẩm.

Cuối cùng, họ đành chịu thất bại hoàn toàn.

V. Kết luận và yêu cầu

1) Ông Lê Đức Thọ và các Ban của ông đã lấy chủ nghĩa Mao làm kim chỉ nam cho công tác quản lý tổ chức và tư tưởng của Đảng. Từ đó ông rút ra công thức : *chủ nghĩa xét lại hiện đại là chống chủ nghĩa Mác – Lênin tức là chống Đảng (xét lại = chống Đảng)*.

Và từ đó xuất hiện vụ án XLCD.

2) Ông Lê Đức Thọ và các Ban đã vờ quên sự thật là Bộ chính trị và Ban chấp hành Trung ương Đảng đã 3 lần chấp nhận chủ nghĩa xét lại hiện đại :

- Lần thứ nhất vào tháng 9.1960 (như trên đã trình bày)
- Lần thứ hai vào tháng 11.1960 (như trên đã trình bày)
- Lần thứ ba là hiện nay Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng trong thực tiễn đã vượt xa các quan điểm xét lại hiện đại Liên Xô thuộc thập kỷ 1950–1960 (ngoại trừ điểm 5 *). Cũng bằng công thức *xét lại = chống Đảng*, logic dẫn tới kết luận : Bộ chính trị và Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ba lần xét lại – chống Đảng.

3) Bỏ qua cái logic hình thức lăm cẩm của họ mà xét thực chất vấn đề thì rõ ràng là : 5 luận điểm cơ bản về quan hệ quốc tế của Đại hội XX Đảng cộng sản Liên xô năm 1956 là chân lý phản ánh các quan hệ quốc tế hiện thực khách quan thế giới, không có con đường hợp lý nào khác !

Nếu Bộ chính trị và Ban chấp hành Trung ương kết tội những người trong vụ án XLCD thì, công bằng mà nói, phải tự kết tội mình trước đã.

Việc Bộ chính trị và Ban chấp hành Trung ương Đảng từ bỏ giữa chừng quan hệ quốc tế đúng đắn được nêu trong Tuyên bố 81 đảng (đã được đồng thuận kí kết) mà nhảy ngang sang dòng nước ngược giáo điều bảo thủ, duy ý chí, mao-ít cực đoan là một sự thụt lùi ghê gớm. Nó đã đẩy đất nước vào cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng, triền miên suốt nhiều thập kỷ liền mà hiện nay nhân dân ta đang phải trả giá đau đớn khốc liệt bằng chính xương máu của mình.

4) Pháp lệnh về khiếu tố năm 1981 do Chủ tịch Trường Chinh kí, điều 11 ghi : “ *Cấm tiết lộ hoặc chuyển đơn tố cáo... cho cơ quan, tổ chức hoặc người bị tố cáo* ”. Điều 7 viết :

“ *Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở, trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc bao che cho người bị khiếu nại, tố cáo* ”. Sự thật, việc làm của tất cả các cơ quan cấp cao nhất nhà nước lại trái ngược hẳn lại.

Tất cả các đơn của công dân Hoàng Minh Chính tố cáo ông Lê Đức Thọ lại được các cơ quan cấp cao nhất nhà nước chuyển tới tận tay ông Lê Đức Thọ là kẻ bị Hoàng Minh Chính tố cáo, yêu cầu đưa ra toà xét tội. Hệ quả là người vô tội (Hoàng Minh Chính) vì có đơn tố cáo, đã chẳng được nhà nước hỏi han, bảo vệ, lại bị ngay kẻ có trọng tội bị tố cáo (Lê Đức Thọ) ra lệnh bắt, cầm tù, hành hạ, truy bức suốt những năm trong tù ngục. Sau nhiều năm quản chế tại nhà, hai năm nay, họ nói là “ *giải quản* ” nhưng trên thực tế vẫn tiếp tục bị săn đuổi dưới mọi dạng phi pháp (nhà ở bị công an mật bao vây, công an chìm dõ theo từng bước, bạn hữu tới thăm liền bị tổ chức Đảng hù dọa, có người bị chụp hình...). Không có lương hưu vì chế độ bất công : tiền trợ cấp tháng mà bạn hữu gọi là “ *trợ cấp vô nhân đạo* ” từ 4 500 đ, sau một năm đưa lên 45 000 đ, rồi cuối cùng dừng lại ở 75 000 đ/tháng, ngoài ra không có gì khác nữa. Mục tiêu của họ là đánh thẳng vào cái dạ dày nhằm khuất phục...

Đó là pháp chế kị cương nhà nước, là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa “ *một triệu lần dân chủ hơn hẳn nền dân chủ tư bản chủ nghĩa* ” (!)

Yêu cầu

Căn cứ luật pháp thành văn :

– Căn cứ Hiến pháp năm 1992, điều 52 : “ *Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật* ”, điều 53 : “ *Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội* ” ; điều 69 : “ *Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí...* ”

– Căn cứ vào Hiến pháp điều 71 : “ *Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể... Không ai bị bắt nếu không có quyết định của toà án. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân* ”

– Căn cứ vào Hiến pháp điều 74 : “ *Công dân có quyền khiếu tố... về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, cá nhân... Việc khiếu tố phải được cơ quan nhà nước xem xét và giải quyết* ”

– Căn cứ vào Hiến pháp điều 72 : “ *Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị bắt, bị giam giữ... có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật trong việc bắt, giam giữ... phải bị xử lý nghiêm minh* ”

Bên nguyên đơn – công dân Hoàng Minh Chính yêu cầu :

1) Các cơ quan pháp luật nhà nước xem xét lại vụ án XLCD theo đúng Hiến pháp và luật pháp nhà nước.

2) Yêu cầu huỷ bỏ công khai các bản án bí mật, hoàn toàn trái với Hiến pháp và các luật pháp đương thời và hiện hành, do ông Lê Đức Thọ và các Ban của ông tạo dựng và quyết án phi pháp đối với vụ XLCD.

3) Yêu cầu bên bị đơn (vì ông Lê Đức Thọ đã chết, còn ông Nguyễn Đức Tâm, Phó trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng thời ông Lê Đức Thọ, rồi sau kế nhiệm làm Trưởng ban, và các Ban bị đơn) phải bồi thường cho các nạn nhân trong vụ án XLCD về các thiệt hại về vật chất, về các tổn thương thân thể, về các chức vụ (khoa học, văn hoá, chính quyền) bị tước bỏ và về danh dự bị bôi nhọ suốt 30 năm qua.

* Chúng tôi nghĩ đó là điểm 4 vì trong bài chỉ có 4 điểm (ĐĐ)

4) Công khai khôi phục danh dự cho các nạn nhân trong vụ án XLCD.

5) Công khai hoá tất cả các hồ sơ và sự thật về vụ án XLCD cho các nhà báo, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước được tự do tiếp cận tìm sự thật.

6) Lập một tiểu ban để bảo đảm việc bồi thường các thiệt hại vật chất và danh dự cho những người trong vụ XLCD, Thành phần tiểu ban phải được bên nguyên đơn chấp thuận và chỉ bao gồm những người không đảng phái thuộc các ngành chuyên môn như luật học, khoa học, văn nghệ, y tế, chính quyền, quân đội, nữ giới (theo đúng Bộ luật tố tụng hình sự, điều 40).

7) *Cuối cùng, tôi xin kiến nghị với Quốc hội khoá IX, kì họp thứ 4 sắp tới :*

Xét nguyên nhân cội nguồn của vụ án XLCD bi thảm — trên thế giới chưa từng có một vụ án nào phi pháp và vô nhân đạo đến thế — chính là do có sự áp đặt trong Hiến pháp, điều 4, quyền độc tôn của một đảng. Sự độc quyền đó đã đặt các cấp uỷ đảng đứng trên pháp luật nhà nước, vô hiệu hoá tất cả các bộ máy nhà nước trước sự lộng quyền của một vài cá nhân và nhóm người nhân danh Đảng lãnh đạo. Các quyền tự do dân chủ được trình trọng ghi trong Hiến pháp và các văn bản luật pháp do đó chỉ còn là các mi từ trống rỗng.

Đầu năm nay, ngày 9.2.1993, Chủ tịch Lê Đức Anh tổ chức trọng thể lễ đón tiếp Tổng thống Pháp F. Mitterrand. Trong đáp từ súc tích, ngắn gọn, Tổng thống đã ba lần nhấn mạnh tư tưởng Tự do Dân chủ Pháp quyền. Tổng thống nói : « *Sự tôn trọng các quyền con người là sự đòi hỏi phổ quát (exigence universelle). Biết bao lần tôi đã nhấn đi nhấn lại trên các lục địa rằng : dân chủ và phát triển là không thể tách rời (inséparables)... Tôi mong chờ sẽ được đưa các chuyên gia của chúng tôi đóng góp vào việc thiết lập tăng tiến một nhà nước pháp quyền ở Việt Nam* ». Cuối bài diễn văn, Tổng thống nói : « *Chúng tôi hi vọng*

sâu sắc rằng tất cả các yếu tố của một xã hội dân chủ như quyền tự do rất thiết tha của con người được ghi trong bản Tuyên ngôn các quyền của con người và của công dân phải được thể hiện dưới dạng sống động và hiện diện, và được đem lại cho mọi người Việt Nam ».

Những ý kiến tương tự cũng được các chính khách nhà nước Pháp, Đức, Anh, Bỉ và Uỷ ban cộng đồng châu Âu đề xuất với Thủ tướng Võ Văn Kiệt, cũng như Thứ trưởng ngoại giao Mĩ W. Lord nói với Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm trong tuần cuối tháng 7 vừa rồi.

Tất cả các điều đó nói lên sự đòi hỏi khẩn thiết các quyền của con người và của công dân — mà Hiến pháp Việt Nam đã viết và có ghi đầy đủ trong Tuyên ngôn nhân quyền — phải được thể hiện trong cuộc sống thường ngày và người dân lành Việt Nam phải được hưởng thật sự chứ không phải nằm trên giấy và được báo chí dưới sự chỉ đạo trực tiếp sát sao của các cấp uỷ đảng tuyên truyền giải thích bằng các lời hoa mĩ bóng bẩy, còn dân thì chẳng được một chút gì là tự do, dân chủ, bình đẳng, bình quyền.

Từ các sự kiện kể trên, tôi trân trọng đề nghị Quốc hội khoá IX, kì họp thứ tư, sẽ nghiên cứu toàn diện, sâu sắc mà loại bỏ điều 4 trong Hiến pháp năm 1992 cho phù hợp với nền dân chủ đích thực, phù hợp với một nhà nước pháp quyền sẽ được xây dựng, đáp ứng được sự đòi hỏi lâu nay của quốc dân đồng bào cùng Việt kiều và các gởi ý chân tình của quốc tế. Như vậy mới có thể loại trừ được các vụ án phi pháp như vụ XLCD và nhiều vụ nghiêm trọng khác.

8) Nguyên đơn Hoàng Minh Chính sẵn sàng điều trần về vụ XLCD trước bất kì cơ quan nào của Nhà nước, trước bất kì cơ quan truyền thông và các tổ chức xã hội, cũng như bất kì ai muốn hiểu rõ sự thật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 1993⁵.

Nguyên đơn : Công dân **Hoàng Minh Chính**

Chú thích (của tác giả)

¹ Đọc *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam* (Trăm hoa nở trong đêm tối Việt Nam) của G. Boudarel, Ed. Jacques Bertoin, 1991. Xem từ trang 256 : “ L'affaire Hoang Minh Chinh ”. Tư liệu phong phú, sâu sắc. Đài RFI phát tối 8 và 9.1.1991 về tiểu sử Hoàng Minh Chính và phỏng vấn ông Bùi Tín về vụ Hoàng Minh Chính : nội dung đúng đắn, khách quan, tôn trọng sự thật.

² Xin dẫn vài thí dụ điển hình những người trong vụ án XLCD bị đàn áp, như : bộ trưởng ngoại giao, uỷ viên Trung ương Đảng **Ung Văn Khiêm** ; phó chủ nhiệm Uỷ ban khoa học kĩ thuật nhà nước, uv TƯĐ **Bùi Công Trừng** ; thứ trưởng văn hoá, uv TƯĐ **Lê Liêm** ; phó chủ tịch Quốc hội **Dương Bạch Mai** ; thứ trưởng quốc phòng, uv TƯĐ **Nguyễn Văn Vịnh** ; thiếu tướng tổng cục trưởng **Đặng Kim Giang** ; đại tá cục trưởng Cục 5 **Lê Trọng Nghĩa** ; trợ lí của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà cách mạng lão thành **Vũ Đình Huỳnh** và con trai là nhà văn **Vũ Thư Hiên**, ngoài Đảng ; phó tổng biên tập Tạp chí lí luận trung ương **Phạm Kỳ Vân** ; phó tiến sĩ **Trần Minh Việt**, phó bí thư Thành uỷ Hà Nội ; phó tổng biên tập báo Hà Nội Mới **Phạm Việt** và vợ, bà **Nguyễn Thị Ngọc Lan**, giảng viên Anh ngữ đại học, không Đảng ; nhà nghiên cứu khoa học xã hội kiêm dịch giả **Nguyễn Kiến Giang** ; bác sĩ **Phan Thế Văn**, giảng viên Trường đại học y, không Đảng ; nhà báo lão thành **Lưu Động** (báo Nhân Dân) ; nhà báo **Trần Châu** ; nhà báo kiêm nhà văn **Trần Đình** (báo Nhân Dân) ; nhà báo kiêm dịch giả thiếu tá **Trần Thư** (báo Quân đội Nhân dân) ; thượng tá **Hoàng Thế Dũng**, quyền tổng biên tập báo Quân đội Nhân dân ; các nhà báo Quân đội Nhân dân : thiếu tá **Đặng Đình Cần**, **Mai Hiến**, **Mai Luân**... ; các nhà nghiên cứu Viện

triết học **Nguyễn Gia Lộc**, **Phùng Văn Mỹ** ; nhà điện ảnh **Vũ Huy Cương**... Danh sách này có thể kéo dài vô tận. Bất kì ai có quan điểm, tư tưởng mới, cấp tiến, không phù hợp với chủ nghĩa Mác Lênin hoặc khác với đường lối của nhà nước đều bị qui kết là xét lại (hoặc chịu ảnh hưởng xét lại) và bị trừng trị khắc nghiệt.

³ Cần lưu ý một điều là những vấn đề mới mẻ nhất này (ở đây chỉ ghi dưới dạng vắn tắt) — được phía giáo điều gọi là *chủ nghĩa xét lại hiện đại* — đã được tất cả các đảng cộng sản và công nhân thảo luận kĩ càng và nhất trí đưa vào hai bản Tuyên bố chung Maxcơva 1957 và 1960, và được coi là “ *Cương lĩnh chung của tất cả những người cộng sản trên thế giới* ” (xã luận báo Nhân Dân, 7.12.1960).

Tuy nhiên, sự thật lại không suôn sẻ như vậy. Phía giáo điều mà Trung Quốc là kẻ khởi xướng đã công khai lên tiếng ngày 22.4.1960 trong tác phẩm *Chủ nghĩa Lênin muôn năm !* phê phán quyết liệt Nghị quyết Đại hội XX và Ban chấp hành Trung ương ĐCS Liên xô là “ *chủ nghĩa xét lại hiện đại* ”.

⁴ Trung Quốc và những đảng đứng về phía Trung Quốc đã in và phát hành rất nhiều sách báo chửi rủa và lên án chủ nghĩa xét lại hiện đại — Liên Xô liên hàng chục năm bắt đầu từ thập kỉ 1960. Trên kia chỉ là vài nét khái quát các quan điểm chủ yếu quan trọng nhất của Trung Quốc trong giới hạn chống chủ nghĩa xét lại hiện đại — Liên Xô.

⁵ Ngày 27.8.1993, kỉ niệm lần thứ 360 ngày Pháp đình Giáo hội Thiên chúa giáo xú Galileo Galilei “ tội ” truyền bá học thuyết nhật tâm. Gần đây Toà thánh La Mã đã huỷ bỏ án tích đó và khôi phục danh dự cho nhà bác học vĩ đại. Một sự kiện đáng suy ngẫm !

LÊ BI
(California)

sang trang

1

Cứ để anh là anh là một câu thơ tự do
lúc phẩy lúc chấm
lúc phải trái quanh co
lúc ngẩng đầu một đường bay lên thẳng
mỗi ngày anh lúc dài lúc ngắn
mỗi khúc quanh là một không ngờ.

Để anh ở chốn trăng sao hay chìm trong mặt đất
những lần ranh dài như khúc ruột

mười ngàn dặm trong người

anh lấy cái hư pha vào cái thật
lấy biển dâu phủ lấy mộng đời
cái hiện tại viết ra là cái anh đang mất
mỗi câu thơ tưởng thẳng hoa cũng là lúc
anh ôm lấy cuộc đời.

2

Cứ để anh là một trang giấy trắng
lúc trống trơn lúc cần hàng kẻ thẳng
anh vẽ sự thật thành những cuộc phù du
vẽ những giấc mơ thành sức nặng
vẽ nửa vòng quay thành một nỗi tình cờ
nó đưa anh qua từng điều may hay bất hạnh
có lúc nó dặt cuộc đời thành cuộc ngao du.

Nên anh thất thường như bản tin thời tiết
tự thân thôi khó đoán quá vài ngày
lúc nắng lúc mưa
lúc nhớ tuyết rơi lúc thềm ngọn gió trưa hè
mỗi bước chân mở ra bao điều không thể biết
tiếp tục đời anh bằng chút tò mò.

3

Cứ để anh là một bức tranh trừu tượng
sắc sắc không không
nhiều màu mè và nhiều tưởng tượng
tự anh không vẽ nổi một giòng sông
và gian nan với trời cao biển rộng
vẽ cho đời trăm vạn cầu vồng.

Nên anh mất dần hình tượng
căn cước ngày xưa chứa đầy hoang tưởng
căn cước ngày nay lại thiếu mất đời thường
yêu tố quốc hăng đêm mà vẫn không định hướng
mười ngàn dặm tây hay mười ngàn dặm đông.

4

Cứ để anh từng ngày đang đổi khác
mỗi câu thơ là mất cả hôm nay
anh đau ở mỗi ngón tay
muốn ngắt hoa trong sa mạc
anh lại quá tình ở mỗi cơn say
mỗi chớp mắt lại chai mòn sự thật.

Nên những câu thơ anh chỉ đủ sức viết ra một nửa
một nửa kia là cánh cửa mở toang
vì đời người đều có lúc sang trang.

Hans Magnus ENZENSBERGER



KARL HEINRICH MARX

Tôi đã thấy

Các học trò của ông phản bội
Chỉ có những kẻ thù của ông
Là không hề thay đổi đến giờ

bản dịch của ĐỖ Kh. (California)

THANH THẢO
(Quảng Ngãi)

buổi sáng

I.

con vịt kêu cạp cạp
bơi lội trong vũng bùn vương quốc mình
nhà bên mua gạo cần đông
nhiều người được quyền ăn
nhiều người được quyền không ăn
ai cũng quyền thở
bụi xăng

II.

giờ là thời những tiếng to
những bụng to
những hợp đồng to
chìm lìm lìm những gì bé nhỏ
trong bóng tối trong hẻm trong xóm
nuốt xuống
yoga chiêm lặng

III.

mở cửa mặt tiền
đóng cửa lương tâm
những đồng bạc sáng trưng
bay vèo qua mặt người mù chữ

IV.

những con cáo
cặm cụi sáng tạo chùm nho giả
đăng ký chất lượng
kiểu dáng độc quyền

V.

Êdốp
cố xin một chân chạy bàn
và thỉnh thoảng
tấu hài tạp kỹ

12.3.1993

hoàng cầm

tôi đã viết VỀ KINH BẮC trong tâm trạng nào ?



Đó là vào năm 1959. Vụ Nhân văn - Giai phẩm đã qua đi như một trận gió mạnh. Sau, dĩ nhiên có một vài cây đổ, lá rụng đầy đường, có những túp nhà tốc mái, có những bức tường siêu vẹo. Xong, trời lại xanh và đường phố lại rộn rịp nếp sống thường ngày. Tôi, lẽ đương nhiên phải chịu kỷ luật, một thời gian ba năm sẽ không được phép xuất bản, ấn hành bất cứ một sản phẩm nào của ngòi bút. Và cũng chỉ có thế, còn đời sống vật chất không có gì thay đổi lắm. Vẫn có lương hàng tháng, còn tùy ý mình, thích thì tìm một nơi nào đấy, lao động chân tay có thêm tiền bồi dưỡng, cũng vui, và chính cái việc tôi sinh hoạt, sống *ba cùng* với nông dân, công nhân đã giúp tôi hiểu thêm về những số phận người.

Phải nói thật một điều, thường người ta khó tin, là hồi đó tôi không mang trong lòng — đầu chỉ một lý — nỗi oán hận, nỗi buồn phiền, hoặc trách móc hờn giận gì ai. Đôi lúc, chỉ nghĩ về chính số phận mình, có chút cay đắng, có sầu tư. Nhưng vì *đã mang lấy nghiệp vào thân* như Nguyễn Du nói, cái nghiệp thơ đầy đau khổ, oan trái, nhưng cũng nhiều hào quang tỏa ra từ tâm linh đã đem đến cho mình không ít giờ phút say sưa, ngay trong cuộc sống bình nhật cũng không ít hạnh ngộ đẹp, tôi được gặp nhiều người nam, người nữ rất trong sáng, yêu thương mình hết lòng. Dân tộc là thế đấy, thừa các bạn.

Vậy thì vào mùa thu rồi sang mùa rét 1959 ấy, ít khi tôi ra khỏi nhà. Ngày hai bữa cơm nghèo, mấy tấm áo quần đã sờn rách, một lũ con nhỏ đại lau nhau đi học, chơi đùa, đau ốm, tất cả tôi trao cái gánh nặng cuộc đời ấy cho người vợ rất giỏi chịu đựng kham khổ, người vợ thật hiền, thảo, thật thương yêu chồng con (mà rồi đây, trong tập hồi ký một đời, tôi sẽ viết một chương riêng để đền đáp cái nghĩa lớn lao ấy cho người vợ đã giúp tôi đẩy chiếc xe thơ *Về Kinh Bắc* đi trọn đoạn đường thiên mệnh của nó).

Vâng, đúng là năm Kỷ Hợi 1959, từ khi chiếc lá bàng trước cửa nhà rụng xuống báo tin thu (lá bàng chú không phải lá ngô đồng), hồn tôi cứ chìm dần, chìm sâu, chìm và lắng thật sâu vào vùng quê tôi ngày xưa, thời tôi còn nhỏ dại, với biết bao bóng dáng, đường nét, màu sắc, hương vị đã quá xa, đã không còn nữa. Ngày tháng qua, bao người đã qua, đã xa, đã “*đi đâu, về đâu ?*” tôi không thể biết, nhưng cả một thời từ khi vào tuổi nhận biết được cõi đời này (lên năm) đến khi

rời quê ra Hà Nội học tiếp rồi vào hẳn thế giới văn thơ (1938) nghĩa là cái khoảng thời gian 12 năm thơ trẻ ấy của tôi thì sống lại, và ngày đêm thầm thì nói chuyện với tôi về quê hương, về tình yêu, với những nỗi buồn, niềm cô đơn, nỗi xa cách, nỗi ly biệt cứ tăng tăng, lớp lớp úp xuống hồn tôi như một đại dương trập trùng sóng gió, miên man xanh một màu huyền-diệu-dĩ-vãng rồi xẻ ngang, vạch chéo, vút cao, xoáy sâu không biết bao nhiêu những nét rung động, có khi vô vàng, gầy mảnh, có khi tươi tắn, ngỗ ngang, lúc như ai oán, lúc như mơ mộng, nhưng vui ít, buồn nhiều, cái đau của những thuyền tình không đến bến, những nguyện ước không thành, những mộng đẹp tan vỡ, những men say nửa chừng, những con mắt mỹ nhân đã khép, những tiếng hát người yêu đã tắt, những làn da mịn màng người gái quê Kinh Bắc đã nhăn nheo, những sợi tóc xưa óng ả nay đã úa bạc. Tất cả... tất cả... tôi bơi, chìm trong tất cả da thịt quê hương, hồn phách quê hương. Quê hương Kinh Bắc !

Và lời mở đầu cho tập thơ là một lời cầu khẩn từ đáy tâm linh thơ đại : *Cúi lạy Mẹ, con trở về Kinh Bắc.*

Nói đến quê hương, phải bắt đầu bằng *Người Mẹ*. Mẹ là *incarnation*, là hiện thân trọn vẹn nhất, sinh động nhất của quê hương. Hưởng chi mẹ tôi xưa vốn là một cô gái quê Kinh Bắc có nhan sắc, óng ả, kiều diễm, có đôi mắt “*lúng liếng*” thật tình tứ, đôi mắt rất *quan họ*, có dáng đi thanh tao, đài các, uyển chuyển và khi mẹ tôi mặc chiếc váy lụa kiểu Đình Bảng, mép váy *buông chùng cửa vông* xuống đến mu bàn chân, ai trông thấy phía trước mặt đều tưởng như người con gái này đang đi trên sóng rập rờn, nhất là khi người nữ biết cách mặc cho đúng *mốt Đình Bảng*, nghĩa là biết chếp nếp thế nào đó để ở phía dưới càng có nhiều *pli* càng đẹp. Cô nào giỏi chếp nếp thì từ mép váy lên, có đến 4 *plis*. Nói rằng cô gái đang đi trên sóng, là một cách nói chuẩn xác.

Hơn nữa, mẹ tôi lúc chưa đi lấy chồng, nghĩa là chưa làm vợ người đàn ông sau này là cha tôi, đã nổi tiếng khắp vùng Tiên Du, Thuận Thành (hai huyện ở tả ngạn và hữu ngạn Sông Đuống, thuộc tỉnh Bắc Ninh, bây giờ là Hà Bắc) nổi tiếng là cô thiếu nữ hát *quan họ* rất hay, năm nào cũng được các lão làng Bự Xim (tên làng quê gốc của mẹ tôi) khen, thưởng cho cả phường hát ấy một tấm lụa điều và một bánh pháo đại quang toàn hồng. Lấy chồng rồi, mẹ tôi vẫn theo các chị em đi hát. Tháng tám âm lịch thì tập luyện, sáng tạo ra những làn điệu mới, lời hát mới để đến ngày 13 tháng giêng sang năm, thì dự giải hát thi ở cửa đình làng Bự [Làng này, thế kỷ 18, là nơi sinh ra người con gái tài sắc tuyệt vời Trần Thị Tần (1740-1778) để đến tuổi 18 thì đi làm vợ thứ ba, người vợ yêu bậc nhất của quan Đại tư đồ Bình nam Tả tướng quân (ngang với Tể tướng) tên là Nguyễn Nghiễm, Xuân Quận công, và để sau sinh ra một đại thi hào cho đất nước : Nguyễn Du]. Mẹ tôi (1891-1961) là con gái làng Bự, đương nhiên được hưởng, được kế thừa tinh hoa của nghệ thuật hát *quan họ*. Đó là nghệ thuật hát thơ. Các bạn xem kỹ những lời của *quan họ* xưa, sẽ thấy đó là những bài thơ, những câu thơ (cốt lõi là thể thơ lục bát) trữ tình, mang đầy sức quyến luyến, yêu thương, nhớ nhung, đắm thắm và da diết đến mức có thể làm say cả gỗ đá.

Lại cũng vì mẹ tôi cứ say mê với nghệ thuật hát mà thuở tôi chưa ra đời, giữa đôi vợ chồng trẻ (là bố mẹ tôi sau này) đã

nảy sinh ra một bi kịch kéo dài đằng đẳng 12 năm. Năm 17 tuổi, mẹ tôi về Thuận Thành, làng Hồ, làm vợ bố tôi, mà tại sao tôi là con đầu lòng, mãi đến năm mẹ đã 31 tuổi, mới được xỏ ra cõi đời này ? Thuở bé, tôi thường nghe các chú, các bác bên ngoại, bên nội kể chuyện một cách khái quát (không có chi tiết) rằng “ bố mẹ mày chê nhau lâu lắm, đến hơn mười năm đấy ”.

Tôi nghe thế thôi, biết hỏi ai ? Ai kể chi tiết gì đâu về cái chuyện đôi vợ chồng ấy chê nhau đến hơn mười năm ? Bố tôi nguyên là một nhà nho (1886-1959), ba lần thi trường Nam Định không đậu nổi ở cái cấp hạng bét là tam trường, sau rồi bất đắc chí, bỏ làng đi dạy học lang thang, rồi làm thầy lang cũng lại lang thang chữa bệnh khắp các huyện trong hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, rồi đâu như cũng là người yêu nước có khí tiết, đã tham gia các phong trào Đông kinh nghĩa thực, Đông du, rồi Việt Nam Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học. Tôi còn nhớ hồi mới lên 6 tuổi, tôi thường phải đun nước để đóm hầu trà để bố tôi tiếp bạn thân là ông Xứ Nhu (Nguyễn Khắc Nhu). Năm tôi lên bảy (1929), bố tôi đã bị viên tri huyện Việt Yên đem lính đến khám nhà rồi tổng giam bố tôi ở thị xã Phủ Lạng Thương đến gần một năm mới được tha về (có lẽ là ông bị tình nghi, đế quốc Pháp đã dẹp tan Việt Nam Quốc dân đảng, bố tôi không có chứng cứ gì cụ thể để chúng buộc tội). Từ đó thì bố mẹ tôi sống yên phận, bố bốc thuốc nam thuốc bắc chữa bệnh, mẹ triu nặng hai bồ hàng xén đi các chợ làng chợ huyện, một cô hàng xén răng đen, cười như mùa thu toả nắng, chăm chút nuôi con ăn học bằng cách thắt lưng buộc bụng. Nhờ vậy tôi mới có điều kiện học được đến hết bậc trung học ở Hà Nội.

Vậy là trong người tôi hoà trộn hai dòng máu. Dòng máu của nghệ thuật quan họ, dân ca với dòng máu yêu nước, hào hùng và khí tiết, và cả hai dòng đều rất mực sắt son, thủy chung như nhất.

Thế nhưng, không hiểu sao, tôi sớm có cái buồn cô đơn ngay từ những năm lên sáu, lên bảy tuổi. Bẩm sinh chăng ? Hay chính là nỗi buồn của người con gái tài sắc lấy chồng từ năm mười bảy tuổi mà phải sống cô đơn đến hơn mười năm ? Tôi lớn lên, chính mình được nghe mẹ kể : lúc mẹ trở dạ sinh ra tôi, thì gian nhà tre, mái rơm vách đất tiêu tụy ấy rất trống vắng. Bố mẹ đẻ thì ở xa. Mẹ chồng goá bụa, già nua cũng ở xa. Chồng, tuy mới làm lành với vợ được hơn một năm, rồi người vợ ba mươi tuổi kia lúc có thai cũng vẫn sống nhiều tháng ngày cô đơn, lạnh lẽo vì chồng cứ đi... đi đâu ? dạy học, hay làm thầy thuốc rong, hay hội kín hội hở gì mà đi luôn thế, đến lúc vợ đẻ cũng không có mặt ở nhà ? Đến lúc đau quá, người thiếu phụ ấy kêu thét lên thì bên lảng giềng mới có một bà chạy sang đỡ thẳng bé ra đời, cắt rốn cho nó bằng con dao bồ cau rồi tắm rửa, tã lót cho nó, cũng may mà nó lại sống, chỉ phải cái tội là sau mấy tiếng oa oa đầu tiên thì nó im bặt, không khóc nữa. Chào đời mà không khóc cho thật to, thật dài hơi vào à ? Thằng cu này gan nhĩ, hay là ai bắt mất vía để nó nghẹn không khóc lên được nhiều ? Bà hàng xóm vừa bế tôi, vừa thấp hương lên cái bàn thờ phía đầu giường, khấn vái bốn phương. Lúc đó đã gần nửa đêm 12 tháng giêng Nhâm Tuất (1922), chỉ còn một lát nữa là sang ngày hội Lim, hội quan họ, ngày mà nhiều năm về trước mẹ tôi sùng sấn áo the đen tú thân, khăn vuông mỏ quạ, vành khăn nhiễu tam giang, váy

Quả vườn ổi

Nằm trên bãi cát thư tâm
Sông nước sinh thuyền Em đẩy tôi
Có gió có buồn có dòng có lái
Trách gì ai xô giạt đến bờ hoang

Em mười hai tuổi tìm theo Chị
Qua cầu bà Sấm bến cô Mưa
Đi...

ngày tháng lại
tìm không thấy

Dải yếm lòng trai mãi phất cờ

Cách nhau ba bước vào vườn ổi
Chị xoạc cành ngang

Em gốc cây

– Xin Chị một quả chín !

– Quả chín quá tầm tay !

– Xin Chị một quả ương !

– Quả ương chim khoét thủng

Léo đéo Em đi vườn mai sau

Cúi nhặt chiều mưa dầm quả rụng.

lụa Đình Bảng, đi dép da trâu mũi cong, thắt lưng hoa đào hoa lý, cùng với bốn năm chị em phường hát, đi ra đình từ sớm để rồi hát chúc, hát thi... Còn ngay lúc sắp nửa đêm ấy, vào cái giờ tôi bật từ bụng mẹ ra cõi nhân gian rất đẹp mà cũng rất rắc rối lắm chuyện này, thì ở đình làng, cách nhà chừng non cây số, như vắng vắng vẫn còn tiếng trống châu của đêm hát chèo. Mẹ tôi kể vậy nên tôi nhớ cả cái vùng Kinh Bắc cách đây sáu bảy mươi năm, các thôn làng thường mở hội suốt tháng giêng, tháng hai. Hội to thì kéo dài dăm ngày, hội nhỏ nhất cũng phải một ngày một đêm mới rã đám. Những lời mẹ kể tôi nghe từ năm lên sáu về cảnh nhà cảnh xóm, cảnh thôn xã, cảnh phố huyện phố phủ, cảnh chợ núi chợ sông, rồi đến chuyện người, ông bà, họ hàng nội ngoại, người xóm thượng, xóm hạ, người quê gốc, người ngụ cư, người cấy cày, người chợ búa, người làm quan, người đi lính, người “ làm thầy, làm thợ với làm thuê ”, người dân giàu nghèo, sang hèn, quen thân hay sơ, nhiều lắm, mẹ tôi kể nhiều lắm mà hồn tôi từ thuở bốn năm tuổi cho đến khi biết đến cái cầu Long Biên, và phường phố đô thành, hồn tôi đúng là một trang giấy mỏng mảnh, trắng nõn, tinh khiết mẹ kể chuyện nào là cũng in đậm ngay vào hồn tôi chuyện ấy để rồi giá tôi được sống đến mười mươi chẳng nữa sẽ chẳng có một cái gì có thể xóa đi được dấu chỉ là một nét mong manh, một màu thoáng nhạt, một hương vị thoảng qua... Vậy nên, cả tập thơ *Về Kinh Bắc* tôi viết từ mùa thu 1959 đến cuối xuân 1960, là quê hương tôi, cảnh ngộ gia đình tôi, số phận mỗi người thân yêu, nhất là số phận những người gái quê Kinh Bắc đã hiện lên thành 47 bài thơ gắn bó hữu cơ với nhau trong một thể, một khối n-phương thống nhất, chia làm 8 nhịp mở đầu là *cúi lay mẹ, con trở về Kinh Bắc* và sau bằng mục lục là hai dòng tạm kết thúc một chuyến về thăm quê xưa, *VỀ KINH BẮC*

*Bốn bảy bài thơ đi tám nhịp
Tuần du chưa vội khỏi ân tình*

Vâng, một cuộc *tuần du*, đi từ người mẹ ngược về những sự tích huyền sử, dã sử, về những chuyện tình huyền thoại đến cả những chuyện thực đã diễn ra hôm qua và hôm nay. Gọi là chuyện, nhưng thơ lại là kết tinh. Trong viên ngọc kết tinh của muôn vàn nỗi niềm, cảnh sắc, hương vị, âm thanh, tiết tấu, của cuộc sống vừa là xa xưa, vừa là đương đại, lúc huyền ảo, lúc hiện thực, như mê mà tỉnh, như ngủ mà thức, hư hư thực thực ấy, thì hình ảnh mẹ tôi bằng bạc bao phủ cả tập thơ, rồi đến một cậu bé con cầm chiếc lá Diêu bông trong tay đi xuyên thời gian xuyên suốt vùng quê đa tình, diễm ảo, và bên cạnh cậu bé con ấy là một người gái quê cũng đa tình diễm ảo, như cánh mây trắng mỏng cứ vờn vờ, như chạy như bay, lại như đậu tà tà trên lá cỏ, trên cánh hoa, lúc cao thì cao vút không ai níu được vạt áo, lúc thấp thì lại rành rành trước mặt như một cành cây, một chiếc lá bình thường. Hai nhân vật EM và CHỊ này choán hết cả một nhịp — nhịp năm — của bản đại hợp xướng *Về Kinh Bắc* trong khi cái giờ tôi ra đời thì tác giả đẩy xuống cuối nhịp nhịp bảy, sửa soạn cho nhịp cuối cùng của tập thơ. Đó là một khúc thơ có tên là *Luân hồi* (mà tôi trân trọng đề nghị tạp chí *Diễn Đàn* đăng theo bài viết này cùng với một số bài khác trích từ tập *Về Kinh Bắc*, để độc giả có thể tạm thời hình dung được một tác phẩm mà tôi coi là xương sống của tổng thể thơ ca của mình).

Nói chung, hầu hết những bài thơ được đọc giả ưa thích trong nhiều năm của tôi, bao giờ cũng bắt đầu một cách vi diệu là từ ngoài tôi, vẳng lên đôi ba câu nghe rất rành rẽ, giọng phụ nữ lạnh lốt mà rất xa, như hát mà như đọc. Như một tia nước trong vất phun lên từ ruột đất khi chúng ta thăm dò mạch nước ngầm để đào giếng, khi đã có đôi ba câu vẳng lên bên tai, tôi ghi ngay, bắt lấy ngay và từ đó là tình cảm, suy tư cuộn cuộn trong người, tôi thường tiếp được mạch ban đầu ấy và nối liền các đợt sóng tuôn trào cho đến khi thấy trong người yên ắng, nhẹ nhõm là bài thơ cũng hoàn tất. Ví dụ như bài thơ dài *Bên kia sông Đuống* (tôi đã viết rất tỉ mỉ, thuật lại những trạng thái của tâm tư mình trước lúc bật ra thơ, bài viết ấy đã đăng trên tuần báo *Văn Nghệ*, số kỷ niệm 35 năm thành lập Hội nhà văn Việt Nam, tháng 5.1992) tôi đang ở trong trại thái bồn chồn, thao thức, tâm tư rối bời sau khi nghe báo cáo về quê hương mình bị giặc xâm lược kéo lên tàn phá, giết chóc, tôi chưa định viết gì, lúc quá nửa đêm vắng lặng, bỗng vẳng vẳng bên tai ba câu :

*Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về Sông Đuống
Ngày xưa... cát trắng phẳng lỳ*

tôi bèn chộp lấy, ghi ngay và cứ thế cảm xúc trào ra một mạch dài, viết rất nhanh, sợ không theo kịp những thanh âm, làn điệu đang cuộn cuộn dâng lên trong lòng mình. Cho đến gần sáng thì xong bài thơ, một trong những bài được các bạn già, trẻ, nam, nữ yêu mến đã gần nửa thế kỷ. Những bài thơ như vậy, thường là không theo một ý nghĩ nào định trước, tác giả giống như một cậu học trò viết chính tả, lúc đầu là có tiếng đọc rành rọt bên tai, sau là viết theo tiếng đọc âm thầm từ trong tâm can mình, ở những trường hợp ấy, tôi không hề cầu tú, nghĩ ngợi gì về câu, chữ, không theo một luật lệ nào gọi là thi pháp hoặc tu từ, hoặc chịu sự ràng buộc nào của

phép tắc về thanh điệu, ngũ điệu gì gì hết. Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả hồn và thể chất, khí chất.

Đặc biệt, riêng, riêng có bài *Lá diêu bông*, duy nhất một bài này là những lời vẳng bên tai, từ đầu chí cuối, quá nửa đêm mùa rét 1959, trên giường ngủ, trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn ngủ 6 W, bên cạnh người vợ đang ngủ ngon và các con các giường bên cũng đang ngủ say. Tôi không gây một tiếng động khả dĩ làm mất giấc ngủ của những người thân. Đêm nào, khi lên giường nằm, tôi cũng đã để sẵn một tập giấy trắng và cái bút chì. Nếu ngủ được thì càng tốt, nhưng thường về đêm, tôi cứ hay bị thao thức, trằn trọc vô cớ. Chẳng có chuyện gì phải lo nghĩ, chẳng có ý định gì trong đầu mà sao về quá nửa đêm một mùa rét ấy, tôi vẫn không ngủ được. Bốn bề yên tĩnh. Nhà tôi ở vào một phố nhỏ, lại lùi tít vào phía trong, nên tiếng xe cộ thưa thớt cũng không bận tai. Im lặng. Chợt bên tai vẳng lên một giọng nữ rất nhỏ nhẹ mà rành rọt, đọc chậm rãi, có tiết điệu, nghe như từ thời nào xa xưa vẳng đến, có lẽ từ tiền kiếp vọng về

Váy Đình Bảng buông chùng cửa vông...

Tôi xoay người trong chăn về phía bên trái và ghi ngay. Giọng nữ vẫn đọc, không vội vàng mà cũng không quá chậm, và tôi ghi lia lịa trong bóng tối mờ. Đến lúc giọng nữ im hẳn, lòng tôi nhẹ bỗng hẳn, một lát sau tôi ngủ thiếp đi. Sớm hôm sau nhìn lại thì có chỗ rõ, đọc được, nhiều chỗ dòng nọ đè lên

Luân hồi

Con đấy ư

Con đã về Kinh Bắc

Những cỏ Bồng Thi

với đế đầu si

Những lá Diêu Bông

với đôi xe hồng

luân lưu thụ thai qua chín đời

đăng đẳng

đến khi con lọt lòng

Cây đu đủ sau nhà vừa bấm ngọn

đội mũ niêu đen

đi trong đêm mưa dầm

Mẹ đau trở dạ

Sinh con ra

Tiếng tù và xé canh ba

báo hiệu một cơn giông nín lặng

Trống liên hồi ra đi

ngăn trận bão mênh mông

trong giọt lệ cuối hàng mi

Con đấy ư

mười ngày không khóc

mười thày lang dờ dẫm

ven giường ẩm ướt

Mười đêm

Tiếng trống chèo vượt ngực Châu Long

Bước sắp qua cầu ghen tiếng.

dòng kia, chữ nọ như xoá mất chữ khác. Phải mất gần tiếng đồng hồ, tôi mới tách được ra theo thứ tự đúng như những lời người nữ kỳ diệu nào đó đã đọc cho tôi viết nửa đêm hôm qua. Bài *Lá diêu bông* ra đời như vậy, nói có người không tin, nhưng tôi nghĩ bây giờ khoa tâm thần học, vô thức luận, tâm linh học có thể lý giải được hiện tượng đó một cách rất khoa học.

Vậy nên, cái *lá diêu bông* là cái lá gì, ở đâu, nào tôi có biết. Thần linh đọc *diêu bông*, tôi chép *diêu bông*, thế thôi. Nhưng nó có nguồn gốc của nó chứ. Năm 12 tuổi, tôi say mê một người gái láng giềng hơn tôi những tám tuổi. Và cũng từ năm lên tám, tôi đi trọ học trên thị xã Phú Lạng Thương, chiều thứ bảy, mười phút xe lửa lại đưa tôi về nhà, ở cái phố ga xép Như Thiết, tên chữ nhà ga đề là Núi Tiết, thực tên là Thiết Sơn, một tổng thuộc huyện Việt Yên. Phố ga ấy cách Hà Nội 44 km. Còn 6 km nữa thì qua cầu Sông Thương (con sông Thương nước chảy đôi dòng), tới ga Phú Lạng Thương. Đường số 1 chạy qua trước cửa nhà, sau lưng là đường hoả xa Hà Nội – Lạng Sơn. Nhà tôi có tủ thuốc bắc của ông bố, có đôi bồ hàng xén của bà mẹ. Một chiều thứ bảy, khoảng hơn 4 giờ, tôi về nhà thấy một cô gái đang mua gì của mẹ tôi. Khi cô ấy ngừng đầu lên, nhìn ra đường, thì cậu bé lên 8 choáng người, như sau này người ta thường gọi là bị *coup de foudre*. Người gái đẹp đến mê hồn. Rồi thứ bảy sau, về nhà, tôi trao bức thư tỏ tình đầu tiên viết bằng thơ lục bát, dài hơn một trang giấy kẻ học sinh trên có vẽ hoa vẽ bướm, một vài ngọn núi, một dòng sông với chữ viết đậm, mực tím, nắn nót : *Em gửi Chị Vinh của Em Ấy* sở dĩ mới bé tí đã làm được một trang thơ lục bát vì ở trên nhà trọ, chỗ thân tình với bố tôi, chủ nhà chính là ông xếp ga cái ga xép Núi Tiết ấy, gia đình ông trên tỉnh đông con, làm nghề xay hàng sáo, đêm nào cũng xay lúa giã gạo rồi dần sàng quạt xảy đến khuya. Tôi học bài, làm bài xong, tuy buồn ngủ, các anh các chị cứ bắt xuống nhà ngang, từ 9 giờ tối, đêm nào cũng phải đọc đủ các thứ chuyện dân gian, in khổ nhỏ, bán rẻ từ 2 xu đến 1 hào, đủ các loại truyện, thể thơ lục bát, từ *Trê Cóc* đến *Truyện Kiều*, từ *Nhị Độ Mai* đến *Hoa Tiên*, rồi *Hoàng Trù*, *Thạch Sanh*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Tổng Trân Cúc Hoa*... Vì thực ra, ngay từ bé, tôi sớm có giọng hát hay, ngâm thơ cũng hấp dẫn người nghe lắm. Đọc hết lượt, phải đọc lại. Thể thơ lục bát thấm vào người từ nhỏ, mình lại bẩm sinh yêu thích thơ ca, nên tôi có viết bức thư tình gửi người gái Kinh Bắc, người Chị làm em say mê ngơ ngẩn suốt năm năm ấy, mà thư tình lại viết bằng thơ lục bát thì hẳn không phải là điều gì đáng ngạc nhiên phải không, thua các bạn. Tôi mê say Chị, Chị đi đâu Em theo đấy, chỉ biết gọi Chị ơi, chứ còn biết nói gì hơn. Người gái tuyệt sắc ấy, con một nhà nho chẳng may chết sớm, ba mẹ con, mẹ goá con cô, đèo bè nhau lên cái phố xép này mở ngôi hàng bán kẹo bánh, nước chè tươi nước vối, cả bánh đa bánh dúc, bánh mật bánh khoai. Chị Vinh vẽ chữ nho, đọc thông quốc ngữ, người quê gốc cũng Tiên Du, nên hát quan họ thì làm mê người ta ngang với nhan sắc của Chị. Chị cũng thừa biết thằng bé con này (tên khai sinh là Bùi Tăng Việt, chỉ giản đơn là vì tôi ra đời ở thôn *Phúc Tăng*, huyện *Việt Yên*, Bắc Giang, nơi bố tôi ở nhờ để gò đầu trẻ), biết thằng bé con này nó mê đắm mình, nên Chị cứ hay trêu đùa, lắm lúc tôi phát khóc, nhưng cũng nhiều giờ phút tôi có một hạnh phúc không gì so sánh kịp là được Chị Vinh cho ngồi sát bên

Chị, châu rìa những cuộc chơi tam cúc ngày Tết, ngày xuân hay ngày hội. Chị thường hay nhờ những đêm trăng sáng vào mùa hè, mùa thu, tổ chức những đám thanh niên tụ tập ở cái bãi sau ga, hát ví, hát trống quân, hát ống, hát giao duyên văn đáp, đặc biệt là về môn quan họ thì Chị là bà Chúa của dân ca ! Giọng ngọt, say như mật ong, đôi mắt đen thăm thăm với hàng mi cong và dài, má luôn luôn ửng đỏ, môi luôn luôn đã hồng hay thường hay cắn chỉ quét trầu, răng đen dưng dục hạt na. Chị Vinh ơi, viết đến đây, em vẫn bồi hồi nhớ từng sợi tóc Chị dán trên vùng trán, từng con mắt Chị lúng liếng tình tứ, từng giọng hát, từng lời nói, từng miệng cười, em còn ngửi thấy hương tóc ẩm của Chị thoảng mùi hương nhu mới gội buổi chiều, mà nếu chị buông tóc dài quá đầu gối để hong khô thì cả suối tóc ấy làm thành thế giới mê say của riêng em từ độ ấy đến ngày nay, dầu tóc em đã trắng hết, em vẫn có thể vẽ đúng chân dung chị tuyệt vời nếu có người chỉ dẫn cho em đôi điều cơ bản về nghệ thuật hội họa. Ảnh Chị in màu trong hồn em, không một nhà khoa học nào có thể làm ra cho em những tấm ảnh như em đang có, vẫn còn đầy đủ và tươi tắn, nguyên vẹn từ sáu chục năm xưa đấy, Chị ơi !

Tình của Em với người Chị ấy, sơ lược là thế. Tôi sẽ viết tỉ mỉ hơn nhiều trong tập hồi ký sau này, để những bạn như anh Phạm Duy hiểu kỹ về tôi hơn, tránh được những điều bình luận sai lạc. Trong tập *Về Kinh Bắc*, thì hai nhân vật Chị và Em ấy đã xuyên qua năm tháng và không gian, qua gió mưa và nắng đẹp, qua biết bao hình thức của tâm tư, của số phận, mà trôi lên vẫn là cái sầu đơn phương, cú vương vấn mãi cho tôi nhớ mãi đến hết một kiếp này, biết đâu còn xót xa yêu thương vào tận kiếp sau... kiếp sau nữa...

Vậy thì chỉ mới sau vụ Nhân văn – Giai phẩm có một thời gian ngắn, thơ của tôi đã lùi về quá khứ, chẳng biết có phải ẩn dụ ẩn diếc gì chẳng, chỉ có điều là qua 47 bài, tôi không một phút nào nghĩ đến thời cuộc, chính trị và xã hội trước mắt. Tôi chìm vào một quê hương xa, có thực mà như ảo ảnh, là ảo ảnh mà tưởng như gần gũi đâu đây, cứ chấp chờn năm tháng và bằng lăng không gian, xanh mơ mong mảnh màu kỷ niệm pha chút tím của tiếc hận, chút hồng của tuổi thơ, chút biêng biếc thắm của say mê, náo nùng, của thương cảm không có bến buông neo, và nhìn chung chỉ thấy con mắt của thời gian không hề suy chuyển đến một sợi mi cong... Như gần đây tôi đã phải thốt ra : “ *Mất thời gian càng miên man xanh* ”.

Rồi CHỊ EM ĐI VỀ KINH BẮC, lúc thì đổ *Lá diêu bông*, lúc vào *Vườn ổi*, lúc *Đánh tam cúc*, lúc lên *Ngọn sông Thương*, lên tới *Ngọn Kỳ Cùng*, lúc *Đếm sao*, *Đếm nắng*, *Đếm giờ*, Em cứ *THEO ĐUỔI* Chị qua hội hè rồi qua cả những tàn tạ của cảnh vật và lòng người, cho đến mùa rét năm 1934. Cái *Lá diêu bông* bắt nguồn từ buổi chiều năm ấy. Hình như vào dịp nghỉ lễ Thiên chúa Giáng sinh, những bốn năm ngày liền, tôi về nhà, nghĩa là cú nghỉ học là tôi về ngay nhà với niềm say mê đơn phương, một chuyện tình có Chị có Em mà tôi vẫn chỉ là một khối cô đơn lẻo đẻo bụi hồng. Tôi đã 12 tuổi và Chị Vinh đã 20. Và chiều mùa đông ấy, nắng hanh vàng rộm. Trời xanh trong màn sương cực mỏng, không một gợn mây. Héo may se se lạnh. Chị mặc váy kiểu Đình Bảng, áo cánh lụa mỡ gà đã cũ, có mảnh vá trên vai, ngoài bó chèn lưng ong bằng cái gi-lê tím, sần rách, chiếc yếm màu cánh sen đã nhạt, dây thắt lưng hoa đào, chị thoăn thoắt đi ra ngoài

cánh đồng, mùa ấy lúa đã gặt hết, cả cánh đồng rộng đầu cái phố ga xép ấy chỉ còn trơ những cuống rạ tí tấp đến chân dãy núi Neo. Cậu bé em 12 tuổi, vốn dĩ lúc nào cũng trông ngóng, ngó nhìn, chờ đợi Chị, thấy Chị đã bỏ cửa hàng chiều vắng khách, mặc cho đứa em trai lên sáu ngồi xua ruồi hoặc ăn vụng cái kẹo vừng, rồi thấy chị nhanh bước ra cánh đồng, đương nhiên là cậu em theo ngay, và bất kỳ đi theo chị ở đâu, đến đâu, cũng chỉ cách sau lưng Chị có ba bước. Chị đi trên bờ ruộng, cứ vạch từng bụi cây bụi cỏ đầu bờ hoặc từng đám cây hoang dại trên mấy cái gò nhỏ giữa đồng và cứ cúi tìm... tìm... em chả biết Chị tìm gì vậy. Em cứ theo sau, không hỏi, không nói, trống ngực cứ thì thùng từng phút giây theo đuổi, miệt mài lâng lâng say. Lâu lắm, bỗng chị đứng thẳng người, quay mặt nhìn em, rồi nói, như một lời trách, như lời quả mắng, lại như một lời mình nói với chính mình (gần 60 năm rồi, hôm nay tôi còn nhớ như in từng lời trong bộ não đã hơi say say, trong tấm lòng may thay vẫn là tấm lòng 12 tuổi) : « *Ồ hay ! sao mày cứ theo tao lảng nhảng mãi thế nhỉ ?* ». Máu em dồn lên nóng ran khắp người, hẳn là cậu em đang đỏ mặt, môi em run run, không nói lại với Chị được lời. Hình như em thoáng thấy chị mỉm cười, rồi Chị lại bước sang bờ ruộng khác, vẫn tìm... tìm mãi. Nắng đã sẫm dần. Mãi sau, em mới bạo dạn hỏi :

– Chị Vinh ơi ! Chị đi tìm cái gì thế ?

Chị Vinh quay phắt lại, hình như má Chị hồng hơn lúc nãy. Chị nhìn thẳng, nhìn xoáy vào mắt em và gần 60 năm rồi, tôi vẫn nhớ như vẽ cái miệng tươi của Chị đậm nét một nụ cười trên cợt rất kiêu xa. Chị nói, cũng một giọng bẽn lẽn, như thách đố, như đùa vui trên ghẹo :

– Ủ, Chị (các bạn chú ý giùm tôi cách thay đổi chủ từ trong câu nói này của Chị) Chị đi tìm cái lá... ấy đấy, đứa nào tìm được cái lá... ấy (Chị càng cười càng rõ vẻ trên cợt) ta gọi là chông !

Các bạn ơi, nghe vậy, tim tôi như lặn đi, ngừng lại vài giây, rồi đập rất mạnh, người tôi nóng ran lên trong buổi xế chiều càng lạnh. Lúc đó, Chị nói tên một cái lá có lẽ có thật, chỉ mấy năm sau thì tôi quên bẵng, thôi thì tôi cứ gọi cho nó có tên như Chị đã gọi tên, lá *thanh thảo* hay *đài bi* chẳng hạn, hoặc gọi là lá *tai voi*, lá *mất nai* gì đó, xin thú thật với các bạn là ít lâu sau buổi chiều mùa rét ấy, tôi không nhớ nữa. Nhưng ngay lúc bấy giờ, sau cơn nóng bừng, toàn thân ấm áp vào tận đáy thẳm tâm hồn ấy, tuy mới 12 tuổi, tôi cũng đã nghĩ ngay ra rằng cái lá ấy rất hiếm, ở những vùng nào nhiều đồi núi, khe suối cơ, may ra mới tìm được, mà tìm lá ấy chắc là để chữa khỏi một cái bệnh gì hiểm nghèo nguy kịch hoặc có khi lại lấy lá vò nát ra, hay giã kỹ lấy nước xoa lên khắp mặt sẽ làm cho da dẻ tươi hồng, mịn màng lên. Nhưng hẳn là khó tìm lắm lắm, chả thế mà chị đi hết bờ này bãi nọ, gần cả một buổi chiều, có thấy được đâu ! Cái lá oái ăm thế, Chị mới trêu đùa thẳng bẻ mà Chị biết là nó đang say mê mình, nó “ phải lòng ” mình từ năm năm nãy rồi, còn gì ! “ *Đứa nào tìm được, ta gọi là chông !* ” Chị Vinh ơi, bây giờ Chị ở cõi nào, nếu còn sống, Chị cũng đã gần tám mươi đấy chứ, sao hôm nay, em đã ngoài 70, lúc em viết những trang nhớ lại này, em hoàn toàn vẫn là em 12 tuổi đang theo Chị và Chị vẫn đang tuổi hai mươi, ngoài cánh đồng chiều làng Như Thiết ấy, Chị vẫn trẻ đẹp diệu kỳ. Chị ơi !

Chiều ấy, trời sẩm tối rồi, Chị lại cho em được cầm tay Chị, *Chị em thơ thần đan tay ra về...* mà nào đâu chiếc lá ? Hết phép nghĩ, tôi lại lên thị xã ở trọ, ngày hai buổi đến trường, cặp sách trong tay, hình ảnh Chị trước mắt, lời nói trêu đùa của Chị không lúc nào không réo gọi trong tấm lòng cô đơn trống trải của cậu con trai sớm đã si tình.

Chiều thứ bảy sau, khi tôi xuống tàu, vào phố xép đi về nhà, nhìn sang nhà chị Vinh thấy cánh liếp đóng im ỉm. Tôi như lạc mất trí, chạy vội vào nhà, cũng không kịp chào mẹ tôi đang ngồi khâu vá trên cái chõng tre, mà hỏi ngay :

– Mẹ ơi, sao bên nhà chị Vinh lại đóng kín cửa thế hở mẹ ?

Mẹ tôi kéo tay tôi ngồi sát bên, nói rất nhỏ, mà hình như trong giọng nói của mẹ tôi, có cái gì như nước mắt nghẹn lại :

– Nó đi lấy chồng rồi, con ạ.

Tôi bỗng khóc oà lên, khóc như có một thế giới nào vừa nổ vỡ tung ra trong vũ trụ. Tôi gục đầu vào lòng mẹ, khóc mãi, lòng mẹ tôi dấy mà sao tôi lại khóc như đứa trẻ lên ba, mẹ đang bế đi chơi, đến một cánh đồng chiều vắng, bỗng dừng mẹ biến đi đâu mất, để đứa bé bơ vơ giữa mênh mông trời đất cô quạnh và xa lạ, lạnh lẽo thế ! Mà nó khóc !

Tôi chỉ kể với các bạn đến đây thôi, còn cuộc đời người Chị ấy về sau, tôi chỉ xin tóm gọn bằng bốn chữ đã quá cũ kỹ, nghe như sáo mòn, nhưng tôi không thể dùng được những từ nào khác ngoài bốn chữ ấy : *Hồng nhan bạc mệnh...*

T rở lại mùa rét năm 1959, nghĩa là đúng một phần tư thế kỷ đã qua sau cái buổi chiều mùa đông có Chị có Em trên cánh đồng quê, Chị đi tìm lá rồi... Chị đổ lá... “ *Đứa nào tìm được... ta gọi là chông...* ”. Và bài thơ *Lá diêu bông* đã ra đời trong đêm khuya, như tôi đã kể ở trên, bài thơ duy nhất trong đời làm thơ của tôi do thần linh giọng nữ cao đọc từ đầu đến cuối cho tôi chép như viết chính tả. Còn một số bài khác như *Cây tam cúc*, *Quả vườn ổi*, *Cỏ bông thi*, *Bên kia sông Đuống*, *Chùa Hương*, *Về với ta....*, những bài cũng được nhiều bạn đọc ưa thích trong nhiều năm thì bao giờ cũng ra đời trong đêm và vài ba câu đầu bao giờ cũng không phải của tôi nghĩ ra, mà đúng thật là những lời văng vẳng bên tai như có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc có nhịp điệu, có tiết tấu, mà tôi cứ xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được. Nếu chợt nghe mà lười biếng, hoặc chủ quan nghĩ rằng để đến sáng mai sẽ ghi lại ra giấy thì chỉ một phút sau, muốn nhớ lại, không tài nào nhớ nổi một chữ, đừng nói là cả ba bốn dòng... Trong đời làm thơ của tôi, thời còn trai trẻ, tôi đã mất khá nhiều những câu thơ “ xuất thần ” bất chợt trong đêm khuya, lúc chưa ngủ được, nên từ hồi đầu kháng chiến chống Pháp, tôi đã rút kinh nghiệm, cứ đến giờ (thường là gần nửa đêm) lên giường ngủ, bao giờ tôi cũng để bên phía tay trái mình một tập giấy trắng và tay phải cầm cái bút chì học sinh (Bây giờ đã có bút bi thay cái bút chì). Hễ không ngủ được, tâm tư lan man đâu đâu, gì gì đó, mà bỗng nghe văng một câu dẫu chỉ là một câu băng quơ, tôi phải ghi ngay lập tức. Lười một tí thôi là mất đứt. Mà thường lại là những câu thơ rất có sức gợi cảm. Dẫu tiếng văng vẳng đã tắt, mà còn gợi cảm, thì cảm xúc bật trào ra ngay, tôi viết tiếp bằng cảm xúc của mình. Y như đã có tia nước phun lên thì phải

tiếp tục đào đất, chắc chắn là sẽ có được cái giếng đầy nước. Lúc đó thì cả ba loại thơ (như các nhà phê bình văn học Trung Quốc đã đúc kết thành lý luận về thơ) là *ngôn thi*, *tâm thi* và *thân thi* đều có thể xuất hiện trên trang viết. Và cũng lúc đó thì có ba cái *thức* đều phải vận động, phải làm việc cho thơ. Đó là *ý thức*, *tiềm thức* và *vô thức*. Cũng đủ cả một cặp : *trí thức* và *tâm thức* nữa. Ở tôi thì luôn luôn cái *tâm thức* làm việc nhiều hơn *trí thức*, nhất là với toàn tập *Về Kinh Bắc*, tôi đã huy động tất cả các *lực* của mình : cả *thể lực*, *trí lực*, *tâm lực* và đương nhiên, ở tôi, *thần lực* thường tự động làm bật ra rất nhiều những lời thơ, lắm khi tưởng như vô nghĩa, mà ngay chính bản thân tôi cũng không hiểu những từ ngữ mình viết ra mang ý nghĩa gì cụ thể. Ai hỏi tôi *Lá diêu bông*, *cỏ bông thi* là lá gì, cỏ gì, ở đâu ? tôi chịu không giải thích được. Ngay cả nhiều sinh viên Khoa văn ở Hà Nội cũng đã hỏi tôi : “ miếu Hai Cô ” là ở đâu ? Hai Cô nào ? Tại sao lại thờ ? hoặc *Cầu bà Sấm* là trên con sông nào, *bến cô Mưa* là ở khúc nào của con sông nào, tôi cũng chịu không có lời giải đáp. Vì thế sau, khi tôi đọc *Hợp Lưu*, thấy anh bạn Phạm Duy bình luận và giải thích mấy bài thơ của tôi mà bạn đem phổ nhạc, nếu tôi có vừa buồn cười, vừa buồn bực, mong anh Phạm Duy và các bạn đọc cũng thể tình cho. Và việc tôi phải viết bài (đăng *Hợp Lưu* số 7) cũng là chỉ vì cái *pureté de l'art*, mong được các bạn dung thứ. Còn hiểu về tôi thế nào, xin tùy quyền các bạn.

Tôi nghĩ rằng, trong lĩnh vực thơ ca, những khúc hát hay, những bài thơ, những câu thơ hay thường rất khó giảng được hết cái hay của nó. Vì ngoài ý nghĩa cụ thể của từng câu, từng chữ, thơ lại còn nhạc điệu, mà theo tôi hiểu, nhạc điệu trong một bài thơ lại chính là chiếc xe chở cái hồn của bài thơ đi để nhập, để hoà với hồn người đọc. Và người xưa cũng đã nói từ lâu đến “ *thi tại ngôn ngoại* ”. Thơ đã có ý, là dễ hiểu. Nhưng thơ lại còn cái *tú*. Cái *tú* ở đâu ra ? Từ chữ, từ âm vận, rồi âm điệu. Cái *tú* của thơ, phải đọc được ngoài lời. Có nhiều bài thơ mang một *tú* rất lạ, rất khó giảng, khó bình, mà nhiều khi chỉ *cảm thấy* được thôi.

Tôi mong sẽ đến một ngày, tập thơ *Về Kinh Bắc* của tôi có duyên may đến được với các bạn ở xa tổ quốc. Còn hiện nay, dẫu sao, cũng đã có dăm ba bài khá tiêu biểu tạm thời đến làm quen với các bạn ở xa. Tôi thật tình không mong muốn được nhiều người xung tụng, hoan hô để làm “ vinh danh ” một thi nhân, lại càng không bao giờ muốn tranh cãi, lý luận ồn ào trên văn đàn. Tôi chỉ hy vọng, rất chân thành, được gặp những tâm hồn bầu bạn, có độ lượng để bao dung, có tấm lòng thân ái để thông cảm, có trí thức đủ để hiểu thấu đáo tác phẩm và tác giả, hiểu cả điểm mạnh và điểm yếu của một người suốt đời lấy THƠ làm cứu cánh, làm mục đích, làm lẽ sống, chứ thơ không phải là phương tiện để cho mình đạt tới những gì gì đó mà hồn mình không chấp nhận, ví dụ như danh và lợi, sự bon chen, sự cầu cạnh, sự thù hận v.v... là những cái rất xa lạ với tôi, có lẽ xa lạ với cả THƠ đích thực nữa. Phần nhiều những bài thơ tôi viết từ 1940 đến nay, không có cái mà bạn Phạm Duy gọi là ẩn dụ. Còn như, lúc cần, tôi đã viết những bài thơ với những ý nghĩ thẳng thắn, đấu tranh trực diện như hầu hết các kịch thơ viết trong thời kỳ Pháp Nhật thống trị nước ta, và như một ít bài viết trong thời kỳ Nhân văn – Giai phẩm, chẳng hạn như bài thơ *Em bé lên*

Lá Diêu Bông

Váy Đình Bàng buông chùng cửa vông

Chị thơ thần đi tìm

Đồng chiều

cuống rạ

Chị bảo

– Đứa nào tìm được lá Diêu Bông

Từ nay ta gọi là chồng

Hai ngày Em tìm thấy lá

Chị chau mày

– Đâu phải lá Diêu Bông !

Mùa đông sau Em tìm thấy lá

Chị lắc đầu

trông nắng vãn bên sông

Ngày cuối Chị

Em tìm thấy lá

Chị cười xe chỉ ẩm tròn kim

Chị ba con

Em tìm thấy lá

Xoè tay phủ mặt Chị không nhìn

Từ thuở ấy

Em cầm chiếc lá

đi đầu non cuối bể

Gió quê vì vút gọi

Diêu Bông hời !

... ới Diêu Bông ! ...

Rét 1959

sáu tuổi mà chính bạn Phạm Duy cũng đã biết và đã đọc, đã tỏ ý khen ngợi, hoặc như bài ký *Con người Trần Dần* viết về một giai đoạn đấu tranh rất phức tạp cho một nền Văn nghệ mới. Tôi đã viết thẳng thắn và trung thực. Vây thôi. Sau đó, tôi rút lui, trở về với tâm tư riêng, thế giới riêng của mình như đã nói ở trên, về với quê hương xưa, vùng Kinh Bắc xa xưa mà vẫn gần gũi, về với những người đã khuất bóng ở nhân gian nhưng mãi mãi hiện diện trong tâm hồn tôi. Và tập thơ *Về Kinh Bắc* đã ra đời như thế, để làm cột xương sống cho toàn bộ thi phẩm của tôi, kể từ những năm 40 của thế kỷ này. Tôi viết sơ lược những nét chính yếu của đời thơ Hoàng Cầm, chắc hẳn chưa thoả mãn được yêu cầu của các bạn ở xa, mong các bạn lượng thứ và thể tình. Chỉ dám xin hẹn một mai toàn tập *Về Kinh Bắc* và cuốn hồi ký *Nhớ lại một đời Thơ* có cơ duyên tốt lành đến được với các bạn, thì chắc chắn tôi sẽ được trò chuyện với các bạn đầy đủ hơn, và tình sâu nghĩa nặng của tôi với quê hương Việt Nam, tổ quốc chúng ta, sẽ hiện lên rõ ràng hơn, sâu sắc hơn và đậm thắm hơn nhiều mấy trang rất sơ sài này. Xin cảm ơn tất cả bạn đọc.

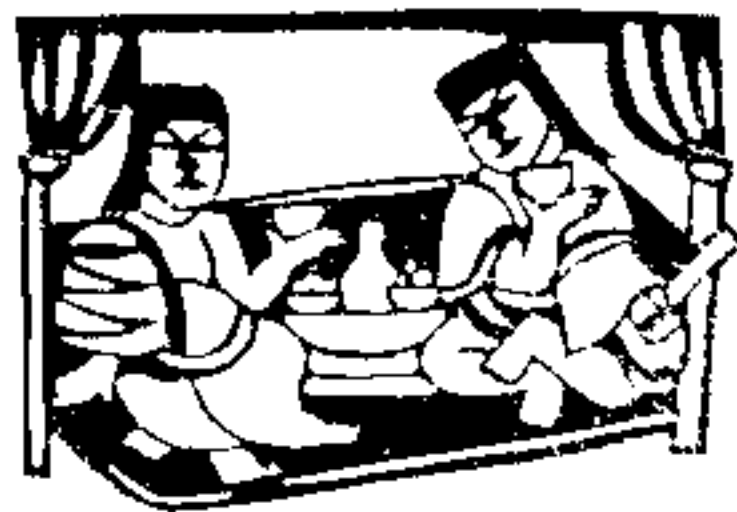
Hà Nội những ngày cuối năm Nhâm Thân 1992

HOÀNG CẦM

số sau :

ĐẶNG TIẾN đọc thơ HOÀNG CẦM

HÀN THUỶ



Bồ đào tửu đạo

Kỷ niệm năm Diễn Đàn lên ba,
mùa hái nho 1993

1. Say rượu đắm ma

Ai chẳng thuộc lòng câu "Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi...", nhưng cũng có khi tự hỏi rượu bồ đào ngày xưa ở Trung quốc là rượu gì. Xin thưa đó chính là rượu nho, quả bồ đào là quả nho. Từ bốn nghìn năm trước công lịch người Su-me đã biết làm rượu nho, truyền tới người cổ Ai Cập, người cổ Hy Lạp rồi người La Mã tiếp tục mang cái bí quyết ấy theo gót chân chinh phục đi khắp vùng Trung Á, ven bờ Địa Trung Hải và châu Âu. Đến thế kỷ thứ sáu, thứ bảy thì đã mở ra con đường tơ lụa, mà nói như ngày nay đó là cái tuyến xuất nhập cảng giữa Trung Quốc và vùng Trung Á. Cho nên khi Vương Hàn viết bốn câu cảm khái ấy vào thế kỷ thứ tám có nói tới rượu nho cũng không có gì lạ, chỉ lạ rằng hình như về sau trong văn thơ Trung quốc lại ít thấy xuất hiện bồ đào mỹ tửu. Rượu nho Trung Quốc ngày nay, uống thử thấy cũng tầm tầm, nhưng chưa thể gọi là mỹ tửu.

Vòng vo như vậy để hoá giải cái tàn dư của mặc cảm rằng chuyện rượu là chuyện không nghiêm chỉnh, người viết bài này đã có một thời nếu không phải hồng vệ binh thì cũng hồng vệ ... tinh, chẳng mao ít cũng mao nhiều.

Cái quần em để nơi đâu ?

Cổ trên mình mấy em sầu ra sao ?

Xin lỗi nhà thơ Bùi Giáng, hai câu thơ tình tuyệt đẹp lại bị cái đầu bất kham của tôi chuyển thành cái *private joke* (chuyện nhảm riêng tư) này, tự nhiên liên tưởng mỗi khi nghe chữ mao ít, nay mượn hơi rượu viết ra cho vui. Rượu làm cho người ta vui, câu vui khó nói, lại có những câu khó nói chỉ nói được những lúc thật vui, mức ức chế (inhibition) hạ thấp, phải chăng là lấy cái vui để ức chế trở lại cái buồn, cái sợ. Vui quá đáng cũng là buồn quá đáng.

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi

Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi

Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu

*Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi **

Nỗi buồn chiến tranh chưa thật qua đi nhiều nỗi buồn khác đã dậy lên, xin các bà các cô hiểu cho cánh đàn ông, khi bạn bè gặp nhau thường có vài ly làm đầu câu chuyện, cái phái nam thực ra vốn là phái yếu. Đó là nói về cái phần *giữ gìn bản sắc*, không kể cái phần *hội nhập*, khi giao tiếp, trong những bữa cơm ngoại giao hay kinh doanh, người ta lại hay mượn rượu để bày nhau. Con trai con gái khi mới thành niên nên thử uống chút rượu trong những bữa tiệc gia đình, để biết cái giới hạn của mình, tránh khi ra đời thất thố.

Rõ ràng rượu là một vấn đề văn hoá rất nghiêm chỉnh (tuy rằng nên dùng có chừng mực, à *consommer avec modération*, theo như câu bắt buộc ghi trong quảng cáo), cũng như ẩm thực nói chung. Nếu chỉ ăn để mà sống thì nên hạ sắc lệnh mở *Mac Donald* khắp nơi cho rồi. Nói như vậy người viết bài này không có ý chê gì *MacDo*, ngược lại vẫn bái phục sát đất những người đã sáng tạo nên thứ *quán ăn không đầu bếp* này, đúng là tiền đề cho kỹ nghệ hoá, sạch sẽ, hợp vệ sinh, giá cả phải chăng. Chỉ xin được không phải ngày nào cũng ăn *BigMac*, cũng như xin không phải ngày nào cũng ăn phở. Đa diện đa dạng là cần, giao lưu văn hoá là cần. Nói chuyện rượu nho để phục vụ sự giao lưu văn hoá, vì vậy nếu bị những vị nào táo bón đập bể bình thì cũng đành, bậc tiền bối tài danh như Nguyễn Tuân bàn chuyện phở, bảo vệ văn hoá dân tộc đến mức như thế còn bị đập, huống chi ! Nhưng phải chăng tôi đang đắm đá với bóng ma ? Thời ấu trĩ qua rồi và có những vị từ ấu trĩ bỗng già cỗi, mục ruỗng mà chưa một lần thanh xuân, càng dễ hơn khi có trong tay quyền lực, chẳng phải lỗi tại ai, lịch sử. Đáng buồn, và cũng còn đáng sợ khi họ vẫn nắm quyền lực.

Cho nên cái thanh xuân là quý giá vô cùng, để cho hai câu thơ Bùi Giáng tươi mát như thế bị ô nhiễm trong đầu như kẻ hèn này thật là có tội với văn chương, và đáng tiếc cho mình. Thôi trở về với rượu, giữ cho rượu không bị ô nhiễm trong thời gian trưởng thành dễ hơn. Chỗ giữ rượu không nên giữ bất cứ cái gì khác có mùi, như hành, tỏi, gạo, v.v... Cứ nghĩ là nút chai chặt, hề gì, nhưng không, sau năm mười năm hay hơn thế, những phản ứng vô cùng tế vi cũng xuyên qua nút chai, tích tụ lại cái sức tàn phá, uống công chờ đợi. Nếu bạn lại để rượu trong chỗ để xe thì nên dọn ngay đi, nếu không trong đời bạn nên uống bia là hơn cả. Ngoài ra cần một chỗ tối, mát, thoáng khí vừa phải, ẩm vừa phải, có cửa đóng kín. Tốt nhất là để trong hầm nửa chìm nửa nổi, hướng bắc, dưới nền đất, trên có chỗ thông hơi.

Đời sống chai rượu kín đáo là như thế, nhưng có cái thú gì trên đời tượng trưng cho sự giao lưu văn hoá đa diện đa dạng bằng rượu nho chẳng ? Ngày nay người ta đã sản xuất rượu nho ở khắp nơi, trừ những xứ đạo Hồi, những vùng tuyết phủ hay những vùng quá nóng ẩm. California, Chile, Argentina, Úc châu đều bắt đầu có rượu nho ngon, chứ không phải chỉ khắp châu Âu, dù cho *bá chủ tửu lâm* vẫn là rượu Pháp. Cả thế giới có đến hơn 5000 giống nho khác nhau, trong đó để làm rượu được dễ cũng đến vài trăm, lại còn thổ ngơi, khí hậu, lại còn cách lên men, cách cất giữ. Cho nên nếu nói về những sự phức tạp trong cõi đời thường thì chỉ một mục rượu nho cũng đã quá ư phức tạp. May mắn thay sau mấy trăm năm kinh nghiệm người ta đã sàng lọc, thích nghi, kết hợp giống, đất, khí hậu và cách làm để sản xuất một số tương đối nhỏ những loại rượu. Ở đây nói về rượu Pháp, nhưng bạn có thể đọc trên nhãn chai của rượu các nước khác, nhất là Mỹ, thường có ghi tên giống nho, để sử dụng tương tự như những rượu Pháp cùng giống, theo những kinh nghiệm lâu đời. Để ý là hình dạng chai rượu thay đổi tùy theo vùng, nhưng cũng không đáng kể lắm, vì trong mỗi vùng nhiều thứ rất khác nhau.

2. Từ chai rượu đến ly rượu

Cái ly rượu cũng nhiều hình dạng thay đổi theo từng loại từng vùng, nhưng đó là kiểu cách truyền thống, chủ yếu cần ly thuỷ tinh trong, tuyệt đối không màu, thật sạch và khô. Đừng bao giờ rót rượu nho đầy ly, phải để lại vài phân giữ cái hương thơm. Trước hãy giữ ly rượu soi lên ánh sáng ngắm cái màu hồng ngọc, màu *bourgogne* trong veo hay màu *bordeaux* trong sẫm. Trên bề mặt nước rượu phải sáng, rượu còn non thì ven bờ tròn trịa, khi ven bờ hơi ngả sang màu hổ phách thì đã đủ già, nếu nước rượu chuyển hẳn sang màu gạch thì quá già rồi. Màu rượu trắng ít quan trọng hơn, hơi có ánh xanh là thứ rượu thật trẻ và thật khan (*sec*), vàng nhạt mờ gà thì rượu dịu hơn, càng để lâu càng thẩm màu. Muốn thử tuổi rượu nữa thì nghiêng ly tới sắp trào rồi để nhanh lại thẳng, cái vết ảm từ bờ ly tới bờ rượu này tiếng nhà nghề gọi là chân (*jambe*), nếu nó lưu luyến lâu mới đi thì gọi là có chân dài, độ cồn cao, còn giữ trong hầm được nhiều năm nữa, nói nhảm cho dễ nhớ là *trường túc bất tri lao*, chân dài không mỏi. Để ly rượu gần miệng, chưa uống, xoay ly nhẹ nhàng cho rượu toả hương thơm, hả cái niêm ảm ức bị giam hãm bấy lâu nay. Nhấp một ngụm để trên đầu lưỡi nếm những vị mặn ngọt, khi trôi vào hai bên má nổi lên vị chua, chảy vào cuống họng hiện ra vị đắng. Bây giờ thì rượu đã ảm, hơi thơm bay ngược phía trong mũi. Nuốt vào, cái chất chát còn nín lại. Đặt ly xuống, lặng yên. Vị giác và khứu giác tràn đầy. Rồi phẳng phất hương hoa đồng cỏ nội, hương bánh trái tuổi thơ, hương đất, hương trời, hương người. Rồi lặng đi những khoảng không thời gian riêng tư, một khuôn mặt sáng dịu dàng, một hơi thở nồng ảm. Rồi có thể trở về những bóng ma riêng tư, có thể hé mở những vết thương riêng tư, có thể bật cười những chuyện nhảm riêng tư. Rượu nho tuyệt hảo là nước uống của thiên thần, người phàm tục nên dùng có chừng mực.

Độc ảm, đối ảm, cùng dăm ba bạn bè hay khi xã giao thù tạc đều nên tôn trọng nguyên tắc này, mùi và vị là không gian của riêng tư, thường thức rượu đúng quy củ như trên chỉ để nhẹ chân bước vào cái không gian ấy. Cho nên nói, không nói, trao đổi những ý tưởng chợt tới hay lặng yên ngắm nghĩ một mình đều lịch sự giữa những người lịch sự. Đó là tóm tắt bài võ lòng đi vào bồ đào tửu đạo. Trong hương vị rượu nho có thật có tất cả những thứ ấy không ? Rằng có. Rằng không. Tuỳ nơi, tuỳ lúc, tuỳ người, và tuỳ chai. Đó là vấn đề cộng hưởng (*résonance*), cũng không hoàn toàn riêng tư. Vì vậy khi chủ nhà thịnh tình mời một chai rượu quý, và tới cái lúc lạc quan và bi quan lẫn lộn, lạc quan là vẫn còn một nửa, bi quan là đã hết mất nửa rồi, lúc ấy mới hỏi : thế nào ? thì cũng nên nắm thêm vài bài bản nữa, để tán cái ngon cho đúng với tình đồng tửu đạo.

Trước hết nếu được mời ăn thì chớ đem rượu nho tới, trừ những chỗ anh em bạn bè thân tình đã biết tính nhau. Rượu nho ngon có thể tặng bất cứ dịp nào trừ ra dịp ấy, có nhiều bất tiện : có thể trái với trù tính của chủ nhà đã chọn và chuẩn bị rượu sẵn, đi đường nếu xóc thì rượu lại không thể uống ngay. Người mình hay tặng hoa, nhưng thật ra cũng không nên đem hoa khi được mời ăn, bà chủ nhà bận bịu trong bếp, thì giờ đâu mà cắm hoa cho đẹp, lỡ lại không còn bình vì đã cắm hoa sẵn rồi thì thật phiền ! Vậy đừng ngại đi tới tay không, hai ba hôm sau gửi tới bà chủ nhà một bó hoa

với lời cảm ơn, nếu muốn xã giao kiểu cách. Những kiểu cách xã giao khi ăn uống thù tạc ở đâu cũng nhiều, và đại khái đều có lý do cả, nhưng trong cái cuộc đại xáo trộn văn hoá trên thế giới hiện nay người có bản lĩnh văn hoá riêng của dân tộc mình đi đâu cũng có thể bình thản ; cái chính là tự trọng, chân thành, tôn trọng và thực sự muốn tìm hiểu người khác ; kiểu cách chỉ là cái ngọn, không quan trọng lắm.

Nhắc lại nhiều quá sợ nhàm, về rượu có thể lấy ra vài thí dụ : bạn có để ý trên cổ chai rượu chỗ gần nút bao giờ thuỷ tinh cũng đầy ra, như ngón tay đeo nhẫn không ? cái nhẫn ấy làm cho rượu không bám vào cổ chai chảy ra ngoài khi rót. Vậy lúc bóc lớp chì bảo vệ nút chai bạn hãy bóc khỏi cái nhẫn ấy rồi lau sạch, cho nó làm được việc, khi rót bảo đảm rượu không dính vào vỏ chì, vừa bám mùi mất ngon, vừa bị nhỏ giọt ra ngoài. Nghề uống cũng lắm công phu, nhiều người phục vụ trong các quán ăn xoàng còn chưa hiểu cái lý ấy. Lại khi đi ăn nhà hàng, thường có một người được anh dọn rượu cho là có máu mặt, mời nếm rượu trước khi rót cho mọi người, tại sao vậy ? Bạn không hiểu cũng không sao, cứ nhấp một ngụm, gạt gù vài cái rồi cho phép hẳn rót. Đây chỉ là nề nếp lối xưa, ngày xưa cái nút lúc đóng vào chai có khi chưa tẩy rửa sạch sẽ nên có thể bị ủng, làm hỏng rượu, nếm thấy thì bảo đổi. Bây giờ cái mùi nút chai ủng đó chắc đã biến mất, nhưng tập tục vẫn còn, cũng vì thế khi đãi khách chủ nhà bao giờ cũng rót trước một ít vào ly mình, gọi là để thử, trước khi mời mọi người, rồi mới rót thêm cho mình sau cùng. Hân hữu có khi nút chai khô teo lại, chút xíu, mắt nhìn không biết, nhưng với thời gian không khí lọt vào làm chua rượu, vì thế nguyên tắc là chai rượu chưa uống phải để nằm ngang, nút thẩm rượu sẽ chặt và chốt được lâu dài. Ở các siêu thị vẫn có những chỗ quầy bán rượu chứa rượu ở thế đứng, mới mẻ mới làm sao !

3. Đất, nho, rượu, uống và ăn

Cà kê đã nhiều, có lẽ đến lúc nên tỉnh táo đi vào khái quát ngắn gọn để phục vụ bạn đọc mới bước vào bồ đào tửu đạo. Tuy rằng kẻ hèn này chưa được một phần công lực, nhưng đâm lao thì phải theo lao, vả lại trên đời này có mấy ai đắc đạo rồi mới đi truyền đạo đâu ? Vậy thì ta bắt đầu. Có mấy điểm sau đây : Một là các thứ rượu chính. Hai là các vùng trồng rượu ở Pháp cùng các giống nho chính trong vùng. Ba là làm sao có rượu ngon để uống. Cuối cùng là một vài nguyên tắc kết hợp rượu và món ăn.

3.1. Nho, rượu và nhựa sồi

Có ba loại rượu mắt nhìn thấy ngay : rượu trắng, rượu đỏ và rượu hồng (*rosé*). Màu khác nhau là do giữ bã vỏ nho đỏ lâu, ít, hay bỏ bã ngay chỉ lấy nước nho thôi, nước nho đỏ vẫn màu trắng, vì vậy rượu hồng không phải do pha hai thứ rượu như có thể hiểu nhầm, chỉ riêng sâm banh (*champagne*) hồng là làm theo kiểu này. Rượu trắng thường làm bằng nho trắng nhưng cũng có thể làm bằng nho đỏ, hay do trộn cả hai thứ nho. Mặt khác không phải chỉ có nho trắng hay đỏ (nhìn thấy đen) mà còn những loại nho có vỏ xám xám, hay có vỏ màu hồng đào. Trắng, đỏ hay hồng thì cũng có loại rượu thuần giống và có loại dùng nhiều giống nho, tuỳ theo vùng. Rượu trắng có thể có loại ngọt (*doux, moelleux*), dịu mà không ngọt lắm (*demi-sec*), hay khan, ít ngọt (*sec*) ; từ dịu đến khan thực

ra là đủ thú, liên tục. Rượu trắng lại có thú sủi bọt như *champagne* ai cũng biết. Rượu hồng cũng có ba thú. Rượu đỏ chỉ có loại ngọt và loại không ngọt, rượu đỏ ngọt thường dùng uống khai vị, ít khi dùng trong bữa ăn, tạm để ra ngoài nếu không thì quá dài dòng. Rượu trắng sủi bọt, rượu trắng ngọt và rượu *rosé* cũng xin miễn bàn vì cùng lý do. Còn lại chủ yếu là rượu đỏ và trắng 'khan', phổ biến nhất mà cũng đa dạng nhất. *Rosé* thơm mát, hương vị không phức tạp, uống chơi trong mùa hè cũng thú nhưng không ai giữ lâu và không phải thú tửu đồ nói đến nhiều.

Rượu để giữ lâu cần có " *cơ thể tròn trịa* ", nghĩa là đủ mùi vị : đủ độ cồn, độ ngọt, độ chua, và độ chát do chất *tanin* ở vỏ nho tan ra. Chua quen thì dễ bị cái độ cồn và độ chát nó lấn át, quen rồi sẽ nếm thấy nhiều thú khác, cũng như khi tập nghe nhạc giao hưởng. Thú rượu ngọt thì dễ để lâu, còn thú rượu khan thì phải trông vào độ cồn và độ chát, chủ yếu ở độ chát, vì khi nho đã ít ngọt thì độ cồn cũng không thể cao. Do đó phải tăng cường bằng chất *tanin* từ gỗ sồi (*chêne/oak*) ở thùng rượu tan ra, rượu đỏ ngon thường để trong thùng sồi một hoặc hai năm rồi mới vô chai, trong thời gian đó và trong nhiều năm sau, những phản ứng hoá học rất tế vi giữa nước nho, vỏ nho, chất đường, chất cồn và nhựa sồi... vẫn tiếp tục để sản xuất ra hàng trăm hương vị khác nhau, cặn bã kết tủa lắng xuống và chất chát mất đi dần. Rượu ngon uống đủ tuổi phải có bã, Bourgogne ít bã hơn Bordeaux, khi mang khi rót chai rượu già tuổi phải nươg nhẹ vì vậy, nếu nhiều bã quá có khi phải rót rất nhẹ nhàng sang một chai khác, để lắng lúc lâu rồi mới rót ra ly. Những người làm rượu theo kinh nghiệm đã biết khá rõ giống, đất và mùa màng, có thể chủ ý làm rượu để giữ, để uống ngay vài tháng hay một hai năm sau khi vô chai. Nhưng kết quả thế nào còn tùy thời gian quyết định. Nguyên tắc chung là phải biết thú rượu nào, năm nào giữ được, và giữ được bao lâu, những thông tin này thì các mục về ẩm thực trên báo chí Pháp năm nào cũng có. Có thể loại ngay những chai không có năm sinh, không giữ, và cũng không uống. Rượu trắng thường không " *nuôi* " trong thùng sồi, trừ rượu trắng của vùng Bourgogne, vì vậy chỉ loại ngọt hay dịu mới giữ được lâu, rượu trắng khan không phải Bourgogne nhất quyết không giữ cái ngon được quá hai ba năm, còn rượu Bourgogne uống trẻ thấy chát biết ngay. Loại rượu đỏ nước không đủ sẫm và uống thấy không chát thì cũng không nên giữ lâu, phụ lòng người làm rượu. Ngoài ra thì phải tìm hiểu thêm từng vùng, có khi từng làng một, để dần dần có kinh nghiệm. Hai vùng trồng rượu nổi tiếng thế giới, Bordeaux và Bourgogne, có hàng trăm những làng hay nhà có rượu ngon, không thể biết hết. ngoài ra những vùng chính có rượu ngon (không kể rượu ngọt hay rượu sủi bọt) phải kể đến là Beaujolais, Côtes du Rhône, vùng sông Loire và vùng Alsace.

3.2. Tóm tắt các vùng rượu

Bordeaux có nhiều thú rượu trắng ngọt tuyệt hảo, như *sauternes*, nhưng thôi, đã xin giới hạn. Rượu đỏ Bordeaux làm theo cách pha giống, hương vị rất tế nhị phức tạp, ở những khu *Médoc* và *Graves* chủ lực là giống *Cabernet-Sauvignon*, bây giờ rất phổ biến trên thế giới, còn ở những khu *Pomerol* và *Saint Émilion* thì chủ lực là giống *Merlot*. Đó là những giống nho nhiều ta nanh, có thể giữ rất lâu, trên mười năm, hai mươi năm hay hơn tùy mùa nho và tên nhà

làm rượu (*chateau*), có nhiều tên rượu đệ nhất đẳng phải trên năm sáu năm sau mới bắt đầu uống được, tuy rằng hơi phí. *Médoc* và *Graves* tế nhị hơn *Pomerol* và *Saint Émilion*, hai thú sau này chịu được những món ăn " nặng " nhất. Rượu đỏ Bourgogne chuyên trị giống *Pinot noir*, ít ta nanh hơn và trưởng thành sớm hơn, nên uống sau hai, ba hoặc bốn năm, không nên để lâu quá sáu bảy năm ; trừ một số nhà cũng nổi tiếng không thua gì rượu Bordeaux, để rất lâu được. Chia làm hai vùng lớn : *Côte de Nuits* và *Côte de Beaune*, thú sau này tế nhị hơn thú trước ; *Côte de Nuits* nội lực cao hơn, đi với các món ăn nặng như thú rừng, pho mát nhiều mùi. *Pinot noir* rất dễ phản ứng với không khí, toả nhanh mùi thơm, rất thơm, nhưng cũng dễ gây chua, rượu Bourgogne hơi chua một chút so với Bordeaux là bình thường. Rượu trắng Bourgogne ngon như *Chablis*, *Meursault* đều do giống nho *Chardonnay*, bây giờ cũng phổ biến trên thế giới chẳng khác gì *Cabernet Sauvignon*.

Rượu Beaujolais nổi tiếng vì *Beaujolais nouveau*, một chiến lược chào hàng (*marketing*) toàn thế giới rất thành công, làm bằng giống nho *Gamay*, mau lên men, thơm mùi trái cây. Thú beaujolais không tên tuổi dĩ nhiên nên uống ngay trong năm hoặc để năm sau là cùng. Thú có tên như *Moulin à vent*, *Morgon*, *Julienas*... nên uống trong vòng từ hai đến bốn năm, trừ những mùa đặc biệt có thể giữ lâu hơn. Côtes du Rhône là một vùng nhiều nắng nên sản xuất nhiều rượu bằng những thú nho năng suất cao không đáng kể tên. Tuy nhiên lại có những làng như *Hermitage*, dùng thuần giống nho *Syrah*, năng suất thấp, nhiều độ chát, phải được đặt ngang hàng với những thú ngon nhất, có thể giữ trên mười năm. *Syrah* cũng là giống nho được dùng nhiều trong loại rượu pha giống để kéo các thú khác lên. Rượu trắng và đỏ vùng sông Loire dùng nhiều thú giống, những làng có rượu trắng ngon là *Sancerre*, *Reuilly*, đỏ là *Chinon*, *Bourgueil*, *Saumur-Champigny*. Chỉ *Chinon* nổi tiếng là giữ được lâu. Đặc biệt vùng gần bờ biển chuyên sản xuất loại *Muscadet* rất khan, uống với đồ biển (sống, hoặc chuẩn bị đơn giản như nướng hoặc luộc) rất hợp. Vùng Alsace nổi tiếng về những thú rượu trắng cùng tên giống như *Riesling*, *Tokay d'Alsace* (hay *Pinot gris*), *Sylvaner*, *Gewurztraminer*, mỗi thú thơm mỗi khác. *Riesling* và *Sylvaner* thì khan, hai thú kia dịu hơn. Đặc biệt thú *Gewurztraminer* hái muộn (*vendange tardive*) rất dịu ngọt, để hàng chục năm lại càng thơm. Vì rượu Alsace không đặt tên theo làng nên khó biết và nhớ làng nào ngon.

Vài dòng về chuyện mua rượu. Không nên mua ở siêu thị, trừ những dịp đặc biệt như có thể khi số này tới tay bạn đọc. Sau mùa hái nho và trước các lễ cuối năm các siêu thị thường có những chiến dịch chào hàng, bán rượu ngon, có thể rất nổi tiếng, và rẻ, vì họ lợi dụng lúc người sản xuất rượu nho phải dọn kho để chuẩn bị đón rượu mùa mới sắp ra, buôn nhiều, có lợi cho cả đôi bên và khách hàng. Dịp may chớ bỏ. Ngoài ra nên mua ở tiệm chuyên bán rượu, người bán thường có thẩm quyền và thích khuyên khách hàng. Dĩ nhiên là đắt hơn, nhưng bạn cũng có khả năng chọn lựa nhiều hơn. Nếu bạn sẵn sàng mua nhiều để giữ thì nên vào một câu lạc bộ rượu nào đó, không thiếu tại các đô thị lớn, và ngay của các cơ quan, các hãng lớn. Ở trên nói nhiều về chuyện giữ rượu vì đó là cách rẻ nhất để uống rượu ngon, giá chai rượu của một mùa ngon mỗi năm tăng nhanh hơn bất cứ thú giá đầu cơ

nào, trừ loại đầu cơ tiền của các tỷ phú. Những năm ngon lại chóng hết, không phải lúc nào cũng mua được. Lúc này bạn nên mua rượu của những năm 88, 89 và 90, ba năm được mùa liên tục nên rượu rất ngon và giá đang xuống, đặc biệt là năm 90, cả nước Pháp rượu ngon, trừ vùng sauternes. Rượu Bourgogne năm 89 hơi kém so với hai năm kia nhưng không dở. Năm 91 nói chung là kém. Năm 85 rượu cũng thượng hảo hạng như năm 90, đến nay vừa lúc bắt đầu uống được những tên tuổi nổi tiếng thế giới. Nhưng nếu bạn không mua vào những năm 87, 88 thì chỉ còn cách đi những tiệm ăn có tầm cỡ mới kiếm ra, và giá từ ba số đến bốn số.

3.3 Ăn và uống

Đến chuyện rượu và thức ăn, ăn để mà uống hay uống để mà ăn ? câu hỏi na ná như nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh ? Lại một cái bóng ma nữa của thời ấu trĩ. Mỗi người đâm đá một cách khác nhau với những bóng ma của riêng mình. Bản thân tôi, cũng được vỡ lòng về lôgic, chỉ thấy ở đó một sự ngây thơ khờ khạo về phương pháp tư tưởng. Nghệ thuật nằm trong, chứ không nằm ngoài nhân sinh, hai khái niệm ấy không độc lập với nhau nên không thể đem ra mà đối chọi được. Chấm. Nếu có vị nào muốn nêu vấn đề thì xin mời xem tranh Guernica của Picasso, rồi lại mời xuống động Lascaux xem những cái đầu bò tốt vẽ thời tiền sử, Picasso là người của xứ bò tốt, thế mà đã từng tới Lascaux học hỏi hàng tuần trước khi vẽ Guernica. Thủ sẵn một cây thiền trượng, vì lúc ấy nếu còn vị nào léo nhéo 'nghệ thuật... nhân sinh' thì chắc chỉ còn cách của các thiền sư, tặng cho một hèo lên đầu mà quát rằng : " *Đừng ngó ngán nữa, xem đi !* "

Trở lại vấn đề nghiêm chỉnh : ăn để mà uống, hay uống để mà ăn ? Trừ các nhà làm hay bán rượu hoặc các đại sư phụ của bồ đào giáo phái ra, có bao giờ ta lại được nghe sư nương thổ lộ : " *Anh ơi, định đãi khách uống gì để em liệu món ăn ?* " vì vậy trong trường hợp này *phụ phải tông phụ*, uống tùy theo ăn là chính. Ngoài ra để thưởng thức riêng một chai rượu thì chẳng cần ăn gì phức tạp, có cái gì bùi bùi béo béo đưa miệng như hạt giẻ, trái hồ đào (*noix/walnut*), một mẩu bánh mì pho mát là quá đủ. Tránh gia vị.

Đễ nhất là các món ăn có sốt rượu, luôn luôn đi cùng thứ rượu đã làm sốt. Ngoài ra có vài kinh nghiệm phổ biến nên theo, trong khi không nên quên là các cao thủ đều có thể ra ngoài luật lệ. Chất tanh của cá kỵ với chất ta nanh, còn vị chua lại dễ khử chất tanh, cho nên rượu trắng thường uống với cá, ai cũng biết. Đồ biển sống hay cá nướng phải đi với thứ rượu rất khan, chua nhiều. Xào nấu kỹ, có sốt thì dùng rượu trắng dịu hơn hay có thể rượu đỏ nhẹ ít ta nanh như Beaujolais, Côtes du Rhône hay rượu vùng Loire. Những thứ này cũng thường đi với thịt trắng (gà, lợn). Thịt có nhiều máu như bò, cừu quay, ít gia vị, thì tăng thêm một mức đậm đà, nên dùng Côte de Beaune, Médoc hay Graves. Thú rừng, những món thịt đồ nấu sốt nhiều gia vị hơn cần được hộ tống bằng Côte de Nuits, Saint-Émilion hay Pomerol, nội lực dồi dào. Cái thang từ nhẹ nhàng thơm mát đến tế nhị, phức tạp, nồng nàn, là như thế. Rượu đỏ quý kỵ các món có nhiều giấm, nhiều tỏi hay nhiều tiêu, lúc ấy chỉ cần uống rượu trắng hay rosé nhẹ cho mát cái miệng, uống nước lã càng tốt. Một số món đi với rượu đỏ ngọt hay rượu trắng ngọt cũng rất ngon, như *foie gras*, món gan béo.

Ăn cơm Việt nên uống rượu gì ? đây là chỗ giao lưu văn hoá chưa có nhiều kinh nghiệm, phải đợi thời gian và thử nghiệm trả lời xem các cuộc tình duyên Âu Á về rượu và món ăn này có gì hảo. Cái khó là người mình dọn nhiều thứ cùng một lúc. Ngoài ra để bắt đầu chắc rằng nếu theo những kinh nghiệm đã kể ra ở trên thì cũng chọn rượu được. Riêng bản thân người viết bài rất thích uống loại rượu trắng dịu và thơm mát như *Gewurztraminer* trẻ khi có vài món thịt cá lẫn lộn. Ăn chả cá, chả cua bể, chạo tôm hay cù lao nên dùng thứ rượu trắng khan hơn mà vẫn thơm, như *Sancerre*, *Riesling*. Beaujolais hay rượu vùng Loire cũng chịu được các món đa dạng, *rosé* chịu được nhiều tiêu hay nhiều tỏi. Những món thịt xào nấu phức tạp hơn hoặc những món thịt quay nếu ăn riêng mới nên thử các thứ rượu đỏ có tên tuổi. Đó chỉ là ý riêng của một người.

Hàn Thuỷ

* Đó là bài thơ *Lương Châu tử* của Vương Hàn. Dưới đây là bản dịch của Trần Trọng San :

*Rượu bồ đào, chén dạ quang,
Muốn say, đàn đã rền vang giục rồi.
Sa trường say ngủ, ai cười ;
Từ xưa chinh chiến mấy người về đâu.*

Hà Nội trong mắt tôi

(tiếp theo trang 26)

chăm lo gia đình, vừa làm việc *phụ*. Tôi thương mến họ và cảm phục họ. Nước Việt Nam may mắn có các đàn bà Việt Nam, vừa đẹp lại vừa đảm đang. Chú nam giới chúng mình chỉ giỏi đánh nhau, giỏi nhậu nhẹt, và nói khoác (tôi nghe trong nước gọi Việt kiều là *tây cời*, có lẽ vì chúng ta thích nói khoác, khoe bằng này, bằng nọ, và tăng tiền lương tháng 10-20 lần !).

Hà Nội *trăm hoa đua nở*. Tôi mong rằng đất nước không đi lại con đường cũ năm xưa. Và vườn hoa Việt Nam thêm hoa, không chỉ trên vỉa hè, trước thềm nhà, mà trong tư duy, trong không khí, trong các bài báo và các tác phẩm nghệ thuật. Các em bé không phải bỏ học để phục vụ kinh tế thị trường. Các người ốm đau, tàn tật không bị bỏ rơi một xó. Các cô gái Việt Nam không phải bán thân cho du khách hay bán thân sang Trung Quốc (bị nạn thiếu đàn bà vì chính sách trừ đẻ quá ác nghiệt). Kinh tế thị trường đẻ ra của cải, đẻ ra tiền, cạnh tranh là lành mạnh, nạn tham nhũng khó tránh được trước sức mạnh của đồng tiền, xem như ở Ý, Pháp, Nhật... Nhưng một xã hội tiên tiến cần có luật lệ, có sự kiểm soát của một Nhà nước chân chính được dân chúng bầu ra và tín nhiệm, một nền dân chủ thực sự. Nếu không Hà Nội sẽ trở thành một xã hội *rừng* với nhiều tầng lớp dân chúng bị loại ra khỏi *thị trường*, một xã hội *không tử tế*.

Vũ Hồng Nam
Lyon, 9-1993



Văn Ngọc

Ste Livrade,* một “làng Việt Nam” ở vùng Lot et Garonne

Tôi không ngờ lại có một ngày được đến thăm Ste Livrade. Cái tên Ste Livrade vẫn quen thuộc đối với tôi từ thời còn là sinh viên. Hồi đó tôi thường hay được nghe bạn bè nói đến cái làng Việt Nam ở vùng Lot et Garonne xa xôi này. Có lẽ vì chỉ được nghe kể toàn những chuyện lý thú về các món ăn nhậu ở đây, cho nên cứ mỗi lần nghĩ đến là y như rằng trong trí tưởng tượng của tôi lại hiện lên một hình ảnh. Đó là hình ảnh một con đường làng, người đi lại tấp nập, hai bên là hàng quán bán đầy những món ăn hấp dẫn: tiết canh, thịt chó, vv.. Có những bà già răng đen, nhai trầu, đầu vấn khăn, hay chít khăn mỏ quạ ... Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng đó là một điều hoàn toàn viễn vông, vô lý. Tôi cũng chưa bao giờ đặt vấn đề về sự hợp lý hay hợp pháp của một cái làng Việt Nam như vậy trên đất Pháp. Tôi chỉ nghĩ đơn giản rằng bà con mình xa đất nước, chắc phải nhớ tiếc cái khung cảnh làng quê quen thuộc của mình lắm và nếu có được một khung cảnh tương tự ở xứ người thì cũng đâu có gì khác thường? Tôi cũng chưa bao giờ có dịp tìm hiểu trong những điều kiện, hoàn cảnh nào, cái làng Việt Nam này đã được tạo dựng lên ở Ste Livrade.

Hè năm nay, nhân được xuống nghỉ ít ngày ở nhà vợ chồng ông anh tôi ở dưới gần đó, tôi đã có dịp đặt chân đến Ste Livrade và cái làng Việt Nam tưởng tượng của tôi, lần đầu tiên, đã hiện nguyên hình trong tất cả cái thực tế của nó, một thực tế phức tạp hơn tôi tưởng.

Thoạt tiên, Ste Livrade chỉ là cái tên của thị xã, một thị xã nhỏ, nằm trên bờ sông Lot, nhưng có phố xá, cửa hàng buôn bán đông vui, có chỗ họp chợ, có nhà thờ cổ kính. Cách Villeneuve-sur-Lot 9km, Agen 35km, Ste Livrade nằm giữa một vùng nông thôn trù mật, quê hương của mận Agen, của nho và của nhiều món đặc sản nổi tiếng như: *foie gras* (gan béo của ngỗng hay vịt), *confit de canard* (thịt vịt ướp, hầm trong mỡ vịt), *magret de canard* (thăn vịt), vv... Cũng nhờ vậy, mà một số đông bà con ta, lúc chân ướt chân ráo tới vùng này, hồi những năm 55-56, đã sống được bằng nghề hái lượm. Suốt năm, gần như lúc nào cũng có công việc để làm. Đây cũng là một vùng lịch sử của nước Pháp, còn giữ được nhiều di tích thành quách, làng mạc thời trung cổ (*bastides*), cái nôi của một nền kiến trúc gạch đá độc đáo. Khí hậu ở đây được coi như khắc nghiệt, mùa đông rất lạnh và mùa hè rất nóng, tuy nhiên cái nóng ở đây khô ráo, dễ chịu hơn cái nóng ở bên nhà.

Còn cái làng Việt Nam thật ra chỉ là một khu nhà ở, nằm kín đáo và cách biệt ở bên ngoài thành phố. Đúng ra, nó là một cái camp có sẵn từ những năm 1945-46 sau Đại chiến thứ nhì, có một lúc được dùng để tập hợp các công chiến binh người Việt Nam, cùng với các trại khác như Bias, Bergerac, Agen, v.v... cũng ở quanh vùng này.

Năm 1955, sau Hiệp định Genève, người ta đã lấy camp Ste

Livrade làm nơi tiếp đón các gia đình “Pháp hồi hương” (*rapatriés d’Indochine*), trên thực tế và số đông là người Việt và lai, phần lớn là những gia đình quân nhân và những người đã từng làm việc cho nhà nước bảo hộ Pháp từ Đông Dương rút về đây. Tất cả đều có Pháp tịch, khi quân đội viễn chinh rút khỏi Đông Dương, họ đã được mang theo cả gia đình đi.

Trên thực tế, sau khi sang tới bên này và đã bị đưa vào ở trong các trại rồi, phần lớn bà con, mặc dầu ra đi trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng phần đông đều bị thất vọng và đều nhớ tiếc cái khung cảnh sống quen thuộc từ nhỏ ở bên nhà. Đó là một điều dễ hiểu, nhất là trong hoàn cảnh thiếu thốn đủ mọi bề, công ăn việc làm chưa có, chưa biết tương lai con cái ra sao. Nhưng cũng may là chính cái đời sống chen chúc, chật chội trong camp lại đem đến cho bà con một niềm an ủi: ở đây, bà con sống quây quần, sớm tối có nhau, giúp đỡ nhau lúc ốm đau và trong những sinh hoạt hàng ngày: bếp núc, nước nôi. Những lúc vui buồn còn trò chuyện được với nhau bằng tiếng mẹ đẻ... Chủ trương của nhà cầm quyền Pháp lúc bấy giờ là những trại như Ste Livrade, Noyant, vv... chỉ là tạm bợ cho những bước đầu, còn thì phải giúp đỡ các gia đình nhanh chóng tìm công ăn việc làm, ở bất cứ nơi đâu, để có thể hội nhập ngay vào xã hội Pháp.

Do đó, từ 1955 đến 1965, đã có khoảng 250 gia đình, tổng cộng gần 1500 người đến ở Ste Livrade, mỗi gia đình một vài năm, khi tìm được việc làm chắc chắn ở đâu rồi, mới chuyển đến nơi đó ở. Có người đi lập nghiệp, lấy vợ, lấy chồng ở ngay những tỉnh lân cận như Villeneuve-sur-Lot, Bergerac, Agen, Toulouse, hay Bordeaux. Nhưng cũng có nhiều người đã lên vùng ngoại ô Paris (Ermont, Sarcelles, v.v...). Cuối cùng chỉ còn lại ở Ste Livrade những gia đình nào không tìm ra được công ăn việc làm, vì tuổi tác, hoặc vì không có khả năng chuyên môn. Kể từ những năm 1966 trở đi, số người đến Ste Livrade cũng ít hẳn đi và đến nay chỉ còn lại ở đây khoảng trên dưới 200 người, phần đông là người già cả.

Đường vào khu làng Việt Nam đi vòng qua một bãi cỏ rộng, xung quanh trồng một loại cây có hoa trông giống như hoa tường vi ở bên nhà. Khắp vùng này người ta thích loại cây hoa đó, ở đâu cũng thấy trồng, trong nhà, ngoài đường. Ở chợ cũng thấy bán đầy. Nghe nói giống cây này được đem từ bên Á đông sang, không biết có phải từ Việt Nam, hay từ Trung quốc? Có lẽ đây là dấu hiệu duy nhất, có chút gì Á đông, nói lên sự có mặt của người mình ở đây.

Giữa trưa, cảnh vật như chìm trong nắng. Nắng như dầy lùi xa tất cả. Nắng cũng đang làm tan biến đi cái hình ảnh tưởng tượng của tôi về Ste Livrade!

Trước mắt tôi, là những lùm cây nhỏ và những khoảng trống đầy nắng. Khoảng trống nhiều hơn nhà cửa. Nhà cửa là những dãy nhà dài, thấp bé, một tầng, nằm song song, tường mỏng, mái lợp bằng eternit, hoặc bằng một chất liệu nhẹ nào đó, trông không khác gì những dãy nhà lắp ghép của một trại lính, hoặc của một khu kinh tế mới. Tôi hình dung những căn nhà mỏng mảnh này trong tuyết giá mùa đông ở đây, chắc phải lạnh lắm, so với những ngôi nhà bình thường của người dân quê ở vùng này. Nhà cửa họ thường được xây bằng gạch đá kiên cố, tường có khi dày đến 60 cm, mái toàn lợp ngói ống.

Không thấy có một bụi tre, khóm trúc nào cả. Nhìn mãi

* Sainte Livrade

cũng chỉ thấy có một hai gốc chuối nhỏ xúu, chắc chủ nhân của chúng đã tranh thủ trồng, để cho đỡ nhớ, ở ngay ngưỡng cửa nhà mình, vì các hộ nhà đều không có vườn, ít ra là ở phía trước.

Nghe nói cái khung cảnh này từ xưa vẫn vậy. Nhà cửa vẫn y nguyên như cái hồi bà con mới đến đây, có khi còn nhếch nhác hơn. Từ lâu rồi, có lẽ từ sau những năm 65-66, chính quyền địa phương cũng không còn quan tâm mấy đến cái *làng Việt Nam* này nữa, mặc dầu người dân ở đây đối với bà con mình vẫn rất tử tế. Người Việt Nam ở đây, nói chung, được người địa phương kính nể. Nghe nói đã có một lúc người ta đề nghị với các gia đình có người già cả ở đây ra ở một nơi khác, cũng gần đấy, trong những ngôi nhà loại pavillons, nhưng các cụ không chịu đi, cứ muốn ở lại đây, vì đã quen rồi. Ở đây có bà con láng giềng, đi lại gặp nhau tiện lợi, thoải mái hơn.

Hình ảnh tương phản giữa những căn nhà mỏng mảnh, chật hẹp ở đây và những ngôi nhà đồ sộ, kiên cố ở khắp vùng này, mãi sau này vẫn còn đeo đuổi tôi.

Thế là cái *làng Việt Nam* huy hoàng trong tưởng tượng của tôi đã hoàn toàn tan biến ! Quả thật nó không có một chỗ dựa vật chất nào để tồn tại !

Ở đây không có một con đường làng *tấp nập* nào cả. Có chăng, chắc phải ngược dòng thời gian trở lên tới hai ba mươi năm về trước, khi cái cộng đồng người Việt ở đây còn đông đúc ?

Cái nơi duy nhất, tuy không thể gọi là *tấp nập* được, nhưng chính lại là cái nơi tiêu biểu nhất, hấp dẫn nhất ở Ste Livrade, ít ra từ một số năm nay, đấy là một cửa hàng kiêm tiệm ăn ở ngay dãy nhà đầu bên trái, khi vào đến giữa làng.

Tôi sẽ chỉ nói riêng về cửa hàng này thôi, mặc dầu biết rằng trong làng còn có một cửa hàng nữa, nhưng không mở quán ăn. Bà chủ hàng là người Cát Bi (Hải Phòng) chính gốc. Bà năm nay chắc cũng đến trên sáu chục tuổi, nhưng trông còn khoẻ mạnh lắm. Trời nóng, bà mặc áo cánh trắng lụa, thoải mái như ở bên nhà. Cửa hàng của bà trông bên ngoài khiêm tốn, nhưng bên trong không thiếu một thứ gì. Ngay cả những cửa hàng lớn trên Paris như Thanh Bình, Vietnam Diffusion, hay Tang Frères cũng chưa chắc có một số mặt hàng bán ở đây. Tất cả những thức ăn bày bán ở đây đều của *nhà làm* hết. Nào bánh giầy, bánh khúc, bánh dức, bánh gai, bánh cốm, bánh đậu xanh. Nào giò chả đủ loại : giò lụa, chả quế, chả lợn, chả bò thừa là. Đậu phụ ở đây làm cũng là thứ đậu nhuyển, chứ không cứng như đậu phụ bán trên Paris. Hoa quả mùa nào trái nấy : lúc này đang có nhãn lồng, na, mít, đu đủ, sầu riêng, chắc những thứ này bà mua buôn từ đâu về. Rau có đủ cả rau muống, rau mồng tơi, tươi như vừa mới hái lên. Nghe nói ở ngay đầu làng có một gia đình người Pháp chuyên trồng rau bán cho bà con trong làng từ mấy chục năm nay, cha truyền con nối ! Ông anh tôi còn cho biết vịt quay thừa ở đây đặc biệt là ngon, ngon hơn vịt quay của các hiệu Tàu trên khu 13 nhiều. Hôm nọ, một ông cựu xã trưởng ở vùng này, lần đầu tiên được ăn món vịt quay anh chị tôi mua ở đây, cứ khen lấy khen để là ngon hơn cả những món đặc sản của vùng này như món *confit de canard*, hay món *magret de canard*.

Mua bán xong một số thức ăn, thức dùng cho trong tuần, chúng tôi ngồi xuống bàn ăn mỗi người một bát phở, một đĩa bánh cuốn. Phở ở đây rất thanh, nước phở trong, bánh phở mềm

và nhẹ. Bánh cuốn làm cũng khéo, mặc dầu chưa bằng được bánh cuốn Thanh trì ! Ở đây có cả tiết canh, cháo lòng, bún thang. Cái bàn chỗ chúng tôi ngồi là một trong hai cái bàn ăn của cả tiệm, đặt ở góc trong cùng của gian nhà hàng, đủ chỗ cho độ mười hai người ngồi ăn. Không có gì ngăn cách cửa hàng và tiệm ăn. Ai ghé qua là ngồi vào ăn, tự nhiên như trong gia đình, nếu đông thì phải đứng chờ một chút. Vào lúc nghỉ hè này, xem ra cũng chẳng ai vội vàng gì.

Chúng tôi vừa ngồi ăn, vừa nhìn ra nắng, như thể ngồi trong một quán hàng ở nông thôn bên nhà. Cũng cái nắng ong ong ấy, cũng những khuôn mặt Á đông râm nắng...

Các cô bé, chắc thuộc hàng cháu gọi bà chủ hàng bằng bà, đi lại xõn xang, vừa chạy bàn, vừa giúp bà bán hàng ở ngoài quầy. Các cô đều trẻ trung, ngoan ngoãn, có cô lai, nhưng đều nói và hiểu được tiếng Việt. Nghỉ hè và trong năm cuối tuần, chắc các cô cũng hay về đây giúp đỡ ông bà. Khách ăn có người là khách quen, chắc ở quanh đây và đến ăn thường, nhưng cũng có những người từ xa đến. Có một bà ăn mặc sang trọng, từ Nice đến ăn với hai cậu con lai, chắc không phải tình cờ đi qua, mà vì có bà con, hoặc giả chính gốc gác ở đây.

Tôi thầm khâm phục ông bà chủ hàng, từ tay trắng làm nên, bây giờ chắc cũng đã gây dựng nên được một cơ nghiệp có thể gọi là khá giả. Ông bà có cả thầy mười bốn người con, tất cả đều đã lấy vợ, lấy chồng và lập nghiệp, người thì ở quanh vùng này, người thì ở các tỉnh xa. Có người mở tiệm ăn Việt Nam ở ngay Villeneuve-sur-Lot. Cậu con út, người tháo vát, ăn nói khéo léo, rành rẽ, có lẽ sẽ là người nối nghiệp ông bà sau này.

Trong làng có đủ cả : chùa, nhà thờ và một nơi sinh hoạt chung. Thực ra đó chỉ là những gian nhà rộng hơn gian nhà ở một chút. Có một vị sư trông coi việc cúng bái. Mỗi lần có lễ lạc, đều mời thêm các thầy ở nơi khác về làm lễ. Hàng năm, các ngày lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, đều được tổ chức long trọng, đại diện các thị xã và bạn bè người Pháp ở quanh vùng cũng được mời đến dự. Ở đây cũng có một số các cụ, các bà hay ngồi hầu bóng. Người công giáo thỉnh thoảng cũng đi lễ ở nhà thờ của thị xã ngay sát bên. Vào những dịp lễ lớn, người ta thường kết hợp mời các nghệ sĩ về tận đây trình diễn những tiết mục văn nghệ dân gian như : hát bội, hát chèo, cải lương, v.v... Gần đây, một nhà điện ảnh trẻ tuổi người Pháp lai Việt Nam, gốc ở Ste Livrade, có quay một cuốn phim tài liệu dài về Ste Livrade. Tôi không biết anh đã đem cuốn phim ấy đến chiếu cho bà con ở đây xem chưa, nhưng tôi có vài người quen đã được xem ở nhà riêng, cũng vào dịp lễ Vu Lan tháng tám năm nay ở Ste Livrade. Nghe nói cuốn phim rất lý thú và đã được chiếu trên các đài truyền hình Đức và Thụy sĩ. Riêng ở Pháp, không hiểu sao, vẫn chưa thấy chiếu.

Cuộc sống ở Ste Livrade vẫn tiếp tục là như thế. Không hiểu rồi ra sẽ ra sao ? Ste Livrade tuy chưa bao giờ có được cái khung cảnh thực của một *làng Việt Nam* theo cái nghĩa đầy đủ của nó, nhưng nó đáng được coi và được gọi là một cái *làng Việt Nam*, bởi vì ở đó rõ ràng vẫn sống bên bờ những truyền thống văn hoá Việt Nam và trong trái tim những con người đã sống ở đây, từ ba thế hệ nay, vẫn luôn luôn ấp ủ hình ảnh của Quê hương Việt Nam.

Văn Ngọc

Thân phận Cu Li

truyện ngắn Lê Minh Khuê

Cái xóm của mấy ông giáo bậc đại học, hàng năm nay im lìm như bãi tha ma, bỗng nhiên huyền ảo như có đĩa bay hạ cánh xuống sân trường :

- Này, con mụ Cành sắp về.
- Nó đã về rồi ông ạ. Nghe nói mới xuống sân bay...
- Khiếp, phen này thì xem ai làm thầy ?

Ông giáo Trí buông một câu chua chát :

- Vậy thì thời nào cũng thế thôi. Cóc nhái nó cứ nhảy lên đĩa cả hàng đồng ấy, thế mà sợ đấy.

Rồi ông bắt chéo hai chân vào nhau, bộ xương lồng không, cao kều của ông như cái khung gỗ sau tấm áo bông cũ.

Ông hếch mặt nhìn qua cửa sổ, tay nhỏ sợi râu vô hình. Thói quen từ ngày xưa của mỗi khi ông nghĩ rằng trên đời này thật khó ai có thể sánh với ông.

Cái thời mọi thứ còn đang thịnh chứ không suy như bây giờ, nhà trường là một chốn thâm cung cao vời vợi, xa vời vợi đám chúng sinh. Ai được vào học ở nhà trường phải đạt cho đủ những tiêu chuẩn đầu tiên đề ra cho mỗi sinh linh hồi ấy. Có nghĩa là phải mò cua bắt ốc từ thời cụ kỵ - không bao giờ được một bữa no ra no. Suốt đời ở thế cu li... Có như vậy khi được chọn vào trường mới lĩnh hội được hết những điều cao siêu về tương lai của nhân loại. Trường tập nập, ai cũng có quyền vênh váo nhưng lại giả vờ khiêm tốn, để hoà nhập với quần chúng nhân dân thời ấy. Biên chế nhà trường hầu như được thả nổi. Các thầy có ai thân thích ở nhà quê là tha ra ăn gạo Nhà nước, làm cấp dưỡng, làm bảo vệ, giữ tù... và vô số các công việc không đòi hỏi đến chữ nghĩa.

Cô Cành là em vợ ông bếp trưởng của nhà trường. Cô lùn, mặt đỏ và vì quá đàn nên trông cô lúc nào cũng như nghễnh ngãng. Cô được ông bếp trưởng xin ra thành phố giữ chân rửa bát ở tổ rửa bát của bếp cũng đã đông tới hơn chục người. Cô lại đeo theo một con bé con, cháu chắt gì đó trong họ. Hai dì cháu y như nhau, suốt ngày ú a ú ớ, câm không ra câm, điếc không ra điếc. Nhưng hai dì cháu đã có số gạo, có tem phiếu... đã là người thành phố. Cô Cành được chia cho một cái hôm, kê vừa cái giường cá nhân, ở gần sát chuồng lợn của bếp ăn. Cô rửa bát sau giờ sinh viên ăn, kiêm cả việc quét tước cho khu chuồng lợn. Được cái thỉnh thoảng cô lại thò được tảng chấy to ở trong chảo cơm, đem về giấu trong rương, đến tối hai dì cháu có cái nhắm nháp. Chú thời ấy đối với cái bụng sinh viên lúc nào cũng rỗng, suất cơm tập thể chỉ đủ tráng qua dạ dày, chả bao giờ thấy thừa cái gì. Cô Cành sống thui thủi như vậy và được các ông giáo trong trường thương lắm, vì thấy cô hiền lành, chăm chỉ. Đi đâu về, họ thường gửi cho hai dì cháu củ khoai, củ sắn, cái kẹo hoặc có quần áo cũ đều cho cô để cô sửa lại mà mặc. Cô nhận tất với cái vẻ biết ơn cảm

lặng của con người cả đời cúi mũi xuống đất. Cứ thế được vài năm.

Rồi thời thế có nhiều xoay vần. Biên chế nhà trường đã quá nặng. Cần phải giảm bớt. Lệnh ở trên ban xuống rành rành. Ai có tuổi thì bắt buộc nghỉ hưu. Ai không có nghề thì lại chuyển sang cơ quan khác. Biên chế thì cơ quan nào cũng phải gánh... Và có khoảng năm suất - dành cho những người có công lao nhất với nhà trường, dành cho ai khổn khổ nhất. Đó là năm suất đi làm cu li ở xứ người da trắng. Cô Cành thì không có công lao, nhưng là người nghèo, người dưới đáy, cô được nhà trường chọn đầu tiên. Cô gửi đứa cháu về quê rồi khấn gói quả mướp lên đường, khóc đầm khóc đê vì cảm thương cái tình của các thầy, vì cả lo sợ : chữ nghĩa không thông, rồi làm ăn ra sao ở chỗ lạ nước lạ cái ấy ? Các thầy phải an ủi mãi.

Đùng một cái, cái nước phương Tây ấy thống nhất. Rồi bùng lên những tin tức khủng khiếp về cái đồng tiền Cu tiền Đê gì đó có ma lực. Rồi rầm rì lan truyền về những số phận may mắn của những thân phận cu li xứ ta được trôi nổi trong dòng di chuyển của đồng tiền... Vì vậy, hôm cô Cành về, các thầy đóng cửa ngời trong nhà mà bụng dạ như lửa đốt. Sau năm năm, nhà trường cũng thay đổi mà cô Cành lại càng thay đổi. Cứ tưởng cô vẫn lùn ? Không, cô cao to, phốp pháp. Bơ sữa của xứ người là thứ không phải xoàng. Lại tưởng cô vẫn đàn độn ú ớ như xưa ? Đâu có ! Cô ăn nói có vành có vẻ. Không thể thì làm sao sống được ở xứ mà suốt ngày người ta nói năng cũng hăng hái như làm việc ? Cô mặc váy, đi giày cao gót, đến chào tất cả các thầy. Thầy nào cũng có quà và cô rất tâm lý, cô hiểu cái dạ dày rỗng của các thầy nên gói quà nào cũng là đồ ăn. Ăn trên hết. Các thầy nhận quà, tán tỉnh cô vài câu, nói là mừng cho cô nhưng ruột gan các thầy như lửa đốt. Mẹ kiếp, nghe nói tài sản của cô lên tới tám trăm triệu. Có mà bán cả cơ ngơi cái trường này đi cũng không được phân nửa.

Cô Cành mua miếng đất ở gần cổng trường, làm nhà để sau này buôn bán cho dễ. Nhà phải sát mặt đường mới hái ra tiền. Chỉ loáng cái, ngôi nhà đúc đã lên xong. Cửa giả bằng gỗ lim chắc như sắt. Nhà hai tầng, mái bằng, không khác gì nhà của của các nhà giàu mới nổi lên trong phố. Khoảng sân trước cô trồng hoa. Cái cổng mở ra đường bằng sắt có hoa văn. Rồi cũng y như các nhà giàu mới nổi, một con chó "béc" to như con bò đứng gần cổng gầm gừ. Trong thềm, một con chó Nhật bé bằng bàn tay nhóc nha nhóc nhách bám váy cô chủ ra vào. Cô Cành đón con bé nhà quê ngày xưa cô nuôi lên. Con bé nấu nướng, đi chợ - và cũng y như dì nó, cứ tưởng nó đàn độn ? Có mà khối. Lúc này nó mặc váy đầm hở lưng, mặt vênh lên như bánh đa nướng. Hai dì cháu nó làm sáng choang cả cái cổng trường. Nghe nói, tối tối dì nó cho nó đi học nhảy đầm trong phố.

Buổi sáng cô Cành uống sữa và ăn bánh mì phết bơ. Cô vừa ăn vừa nhâm nhi lại cái thời cô ở bên ấy. Vốn nghèo, tính đã tiết kiệm, cô làm được bao nhiêu bỏ ống bấy nhiêu. Rồi một hôm có một ông Tây già nhìn cô, hơi nhấp nháy con mắt. Cô đi theo ông ta, nếm mùi Tây vừa hoi vừa béo. Ông Tây cho cô tiền. Tốt quá. Mình nghèo thì nên chịu khó. Và cô chịu khó thật. Cô có thêm thứ nghề phụ này, làm cho cả Tây cả ta,

những kẻ xa nhà. Mấy năm như vậy, cô đã để dành kha khá. Nếu không có cái vụ đèn bù thì cô cũng đã vào loại cứng cựa rồi. Năng nhặt chặt bị. Có như vậy hôm nay cô mới được thông thả ngồi uống sữa với con chó cảnh. Thường dùng bữa sáng xong, cô thích đi dạo ở con đường nhỏ sau trường. Cô mặc váy, tóc cột nơ cao, hai tay mập mập dút vào hai cái túi may trước váy, kiểu mới. Con chó trắng chạy theo. Cô cất tiếng gọi :

– Ô ô mi-nu, “ nại ” đây ?

“ Ô ô ” là cô học của Tây. Cô cũng nghe Tây nó gọi chó là “ mi-lu ”, nhưng cô lại sinh ra ở vùng không nói được chữ “ l ”. Thành thử khi nghe cô gọi chó là “ mi-nu ”, ông giáo Trí lại cười gằn :

– Mẹ, nó lại gọi bố nó bằng tiếng Tây.

Ông giáo Trí cay cú. Ông sinh ra trong một gia đình ba đời là quan lại. Cậu Ấm Trí ngày đó đi học có “ gia sư ” hướng dẫn... đi ngủ có vú em quạt màn. Thỉnh thoảng được gặp mẹ thơm phức trong bộ áo dài trắng từ trên ô tô nhà bước xuống. Cậu Ấm đi theo cách mạng, làm cán bộ và thời cải cách, đã phải ký vào đơn tình nguyện cắt đứt với gia đình để giữ được trong sạch. Ông được nhận về dạy ở một trường “ kín cổng cao tường ” cũng chỉ vì thành tích đã bỏ bố mẹ. Đến người vợ dòng dõi con quan đầu tỉnh thời ấy bố mẹ cưới cho, sau vài cuộc chinh huấn, ông cũng ly dị nốt. Ông lấy cô Thắm là cán bộ phụ nữ huyện, mặt to như cái mẹt, rất thích đúng điển thuyết oang oang trước hàng vạn người và ở nhà, hễ cứ mở mồm nói với ông là dạy ông thế nào là tính giai cấp. Ông sống u mê bên cái loa thùng suốt cả cuộc đời, thực sự là đầu gio mặt muối với đàn con sáu đứa toàn vẹt giới. Lúc này mẹ vợ ông đã hạ cơn sốt nói, đã chịu lui về thị trấn nhà quê để còn lo hương khói cho các cụ, lại trồng trọt thêm được tí rau tí cỏ nuôi mấy con vẹt giới. Con vẹt lớn nhất đàn, mẹ gọi lên cho chồng nuôi. Ông giáo Trí gửi nó vào ở ký túc xá. Mấy năm nay trường vẫn người học. Các thầy đông hơn trò, lại cả đời ôm đồm đống chữ nghĩa mờ mịt nên không ai biết làm một cái gì khả dĩ kiếm thêm. Toàn bộ lương cộng với các thú thâm niên, các thú phụ cấp của ông giáo được chín mươi tám ngàn. Ông có tới ba bằng đại học. Ông học đến hói cả tóc, giờ cả xương. Suốt đời ông giảng giải về các thú tương lai của nhân loại. Lúc này, tri thức và sức lực của ông chỉ dành cho một việc. Một việc vĩ đại. Ấy là ông ngồi tính toán cách ăn tiêu thế nào cho vừa với đồng lương.

Nhất thiết ông phải gửi về quê ba chục. Cho con vẹt lớn đang học đại học hai chục. Còn lại phần ông. Mỗi tuần ông mua thịt một lần. Hai lạng thôi. Ông thái nhỏ kiểu quân cờ, ngâm vào nước mắm cho mặn đến từng phân tử. Rồi ông rang thật khô. Ông cho vào lọ. Mỗi bữa ăn ông lấy ra hai viên. Có hai viên như vậy nhai với cơm cũng tạo được cảm giác có chất pơrôtít và một nôi đậu phụ. Ông mua loại đậu phụ nướng cho khỏi tốn mỡ. Ông dầm vào mắm tôm, vào muối, kho khô lên. Vậy mà mỗi bữa cũng được một miếng. Hôm nào sang thì luộc quả trứng, cắt làm đôi, mỗi bữa một nửa dầm vào nước mắm. Rau thì đỡ hơn vì sân trường rộng, chịu khó đi dạo cũng kiếm được bữa rau dại. Rồi tiền gạo, tiền điện, lại để được cả vài đồng phòng khi hắt hơi sổ mũi nữa. Ngày xưa ông giảng

giải trước hàng ngàn học trò mà thấy bùng bùng, mà thấy phẩn chấn, say mê, đầy tin tưởng. Ngày nay ngồi tính toán vài đồng lương, ông thấy đầu đau nhức.

Cô Cành không phải loại bạc. Cô biết ngày xưa ai đã từng cuu mang cô lúc củ khoai củ sắn. Nên bây giờ thỉnh thoảng cô trả nghĩa. Nhưng đã trả thì phải trả cho đều, không thì các thầy lại ngấm nguyết, ghen tị nhau. Cô cũng thương ông giáo Trí. Có hôm cô mang cho cả lọ dầu ăn. Có hôm lại nửa cân giò, chục trứng. Chỉ véo trong đồng “ dê mác ” ra một tí là cô đã trả đủ tình nghĩa rồi. Cô cho ông giáo Trí, phải như ngày xưa ông đã mắng vào mặt (kẻ sĩ như ông, đời thuở nào...). Nhưng lúc này ông nở nang cả cái mặt gầy quắt vì thiếu ăn. Một lọ dầu ăn sẽ đỡ được gần ba chục ngàn, đâu phải chuyện nhỏ ? Ông nhận ơn cô rồi sau đó lại cười gằn :

– Mẹ nó, cóc nhái thời nào cũng lên đĩa !



Lê Minh Khuê và “ *Bi kịch nhỏ* ” : bão tố trong chén trà ?

“ Không trung thực (...) dụng ý bôi đen, bóp méo sự thật của tác giả thật rõ ràng (...) hư cấu để thỏa mãn sự hằn học, để trả thù riêng (...) Tác giả đứng ở chiến tuyến nào trong cuộc giải phóng dân tộc ? ”. Đó là lời phê bình — hay đúng hơn, quả búa tạ — mà tờ *Sài Gòn Giải phóng* (chủ nhật, 5.9.1993), dưới ngòi bút ký tên Trung Nguyễn, đã dành cho tập truyện ngắn “ *Bi kịch nhỏ* ” của Lê Minh Khuê (Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 1993). Truyện ngắn *Thân phận Cu Li* mà *Diễn Đàn* giới thiệu bên đây là một trong 9 truyện ngắn hợp thành tác phẩm ấy.

Có một thời, chỉ một câu hỏi “ Tác giả đứng ở chiến tuyến nào trong cuộc giải phóng dân tộc ? ” cũng đủ cho Lê Minh Khuê và chồng con khốn khổ. Bây giờ ít ra cũng khác. Nhất là trong trường hợp của chị, đó là một câu hỏi nhằm địa chỉ.

Sinh năm 1949 (kém Dương Thu Hương hai tuổi) tại Thanh Hoá, Lê Minh Khuê tham gia *thanh niên xung phong* ngay từ thuở 15 tuổi, khi Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc. Cho đến năm 1975, chị liên tục chiến đấu ở đường Trường Sơn.

Giải thưởng truyện ngắn của Hội nhà văn Việt Nam năm 1986. Hiện nay, Lê Minh Khuê viết báo (tuần báo *Tiền Phong*) và viết văn (các tập truyện ngắn đã xuất bản : *Những ngôi sao xa xôi*, *Cao điểm mùa hạ*, *Đoạn kết*, *Một chiều xa thành phố* ; sắp in : *Hạnh phúc bên kia xứ sở*).

Bài báo *Sài Gòn Giải phóng* nói trên, tuy nhiên, không phải là một hiện tượng đơn lẻ. Một loạt tác giả và tác phẩm cũng đang bị phê bình bằng những phương pháp bất lương : Đào Hiếu (*Nổi loạn*), Phan Thị Vàng Anh (*Khi người ta trẻ*), Xuân Cang (*Dấn thân*), Võ Văn Trục (*Chuyện làng ngày ấy*), Nguyễn Khải (*Một thời gió bụi*), Tô Hoài (*Cát bụi chân ai*), Lê Lưu (*Chuyện Làng Cuội*), Chu Lai (*Phố*)...

Mở cửa, khoá miệng : hai mặt của một chính sách ?



Triển lãm tranh

Sơn Trúc

từ 18-9-93 đến 30-10-93

tại Centre Culturel Franco-Vietnamien
24 rue des Ecoles, 75005 PARIS

Ngày 18-9-93 vừa qua, triển lãm tranh của nữ họa sĩ Sơn Trúc đã được khai mạc tại Trung tâm Văn hoá Pháp-Việt cùng với triển lãm ảnh có cái tên ngộ nghĩnh “ *Cà phê kem* ” của Sophie An Lưu-Đình.

Làm hai cuộc triển lãm này cùng một lúc và cùng một nơi, trong khung cảnh một trung tâm văn hoá, kể ra cũng là một sáng kiến hay, vì kéo được thêm người đến xem cho cả hai bên. Bằng chứng là đã có rất đông người đến dự buổi khai mạc. Trung tâm Văn hoá lớn như vậy mà chật ních người. Bà con hồ hởi, không khí tung bừng như một ngày hội.

Thật ra, triển lãm ảnh của Sophie An Lưu-Đình chỉ chiếm có một phòng nhỏ, nằm kín đáo ở một bên, còn các không gian khác đều dành cho hội họa. Hơn nữa, hội họa và nhiếp ảnh cũng là hai ngành nghệ thuật khá gần gũi với nhau. Làm triển lãm ở một trung tâm văn hoá, nói chung, vẫn rất là khó, vì đây là một nơi có nhiều sinh hoạt khác nhau, có khi chồng chất lên nhau, có khi lại còn không ăn khớp với nhau được, ví dụ như tập nhảy, múa, tập võ, hay mở lớp học trong một phòng triển lãm, vào những giờ có người muốn vào xem triển lãm...

Dẫu sao, buổi khai mạc cũng đã rất thành công. Người ta chỉ hơi ngạc nhiên về tiết mục hát chầu văn. Riêng tôi rất thích nghe hát chầu văn, nhưng ở trong khung cảnh này, nó cũng không làm cho tôi hứng thú lắm, vì không tập trung được, không những không thưởng thức được tiếng hát, mà còn không xem được tranh. Mặc dầu tôi vẫn biết sáng kiến đó cũng có cái hay của nó. Nó góp thêm vào cái không khí chung

một màu sắc văn nghệ dân tộc rất đáng quý. Chỉ tiếc là trong một buổi khai mạc triển lãm, ít khi nào tránh được người ta nói chuyện ồn ào.

Trong bài giới thiệu nhỏ này, tôi sẽ chỉ tập trung nói đến triển lãm tranh của Sơn Trúc.

Điều nhận xét đầu tiên của tôi là tranh Sơn Trúc đã có những chuyển hướng rõ rệt từ năm năm nay. Lần trước, khi chị sang đây triển lãm vào năm 1988, tranh của chị phần lớn là tranh tượng hình (figuratif) cách điệu hoá (stylisé) nhiều hay ít và tôi còn nhớ lần đó chị chỉ mang sang được có một hai bức sơn mài nhỏ. Lần này, do có điều kiện hơn, chị đã đưa sang được nhiều tranh sơn mài cỡ lớn.

Cái mới là, Sơn Trúc, tuy vẫn rất gắn bó với loại tranh tượng hình cách điệu hoá, nhưng, lần đầu tiên, đã lao vào vẽ tranh trừu tượng thuần túy (abstrait), mặc dầu chị vẫn đặt cho chúng những cái tên còn rất “ hình tượng ” : Hoa (*Fleurs*), Vũ trụ (*Univers*), Mầm sống (*La vie*), vv... Đây phần lớn là tranh sơn mài vẽ theo kỹ thuật mới, tự do hơn, dùng nhiều chất liệu (matières), màu sắc hơn, chỗ nổi, chỗ chìm, có chỗ không mài.

Qua đợt tranh này, người ta thấy rõ hơn tài năng của chị trong cách sử dụng chất liệu và màu sắc một cách tinh tế. Có một cái gì vừa nhẹ nhàng, tao nhã, lại vừa rất Á đông toát ra từ những bức tranh của Sơn Trúc, dù đó là tranh sơn mài, tranh sơn dầu, hay tranh cắt dán (collages).

Tôi rất thích mấy bức tranh sơn mài lớn làm theo kỹ thuật mới và với ngôn ngữ trừu tượng của chị. Nhưng lý do chính có lẽ không phải là kỹ thuật, mà là cái đẹp, hoặc cái chất thơ toát ra từ bố cục, từ các hình thể, chất liệu và màu sắc của những bức tranh.

Sơn Trúc đang say mê khai phá những hình thức diễn đạt mới của nghệ thuật sơn mài cổ truyền, kết hợp với những thành quả của nền hội họa hiện đại.

Đó là một hướng đi vững vàng, một con đường mở, sẽ còn đưa chị đi xa hơn nữa.

Hoài Văn

Thân phận Cu Li

(Tiếp theo trang 47)

Ngày xưa tôi có học với ông giáo Trí. Kiến thức ông sâu rộng nên học trò không quên ông. Vào một ngày cuối năm, tôi vào trường thăm ông. Cái sân trường mênh mông ngày xưa tấp nập yến oanh, lúc này im lìm như đã chết hết. Trông thấy một thằng bé đang tha thủi chơi một mình, tôi hỏi :

- Các thầy đi vắng hả cháu ?
- Không cô ạ, các bác ấy ngủ.
- Nhưng đã bốn giờ chiều còn gì ?
- Hôm nào các bác ấy cũng ngủ đến gần tối mới dậy nấu cơm ăn.

Tôi gõ nhẹ vào cánh cửa, đã nghe thấy tiếng thầy “ mời vào ”. Nhà tối om. Tôi lần tìm cái công tắc. Ngọn điện đỏ ạch. Thấy ông giáo lom còm bò trong cái chăn mỏng ra, áo bông, mũ len, tất... đủ cả... y như đi ngoài trời. Tôi hỏi :

- Thưa, thầy có bị ốm không ạ ?

Ông giáo cười gằn :

– Ốm đau gì đâu cô. Chẳng qua ăn uống chả ra gì, trời rét ăn được cái gì thì chui vào chăn cho nó tiêu hoá chậm. Một

cách bảo tồn năng lượng thôi. Chứ còn đi lại thì chóng đói, mà đói thì rét...

Giọng thầy nghe rề rề, cũng đúng là “ bảo tồn năng lượng ”... Tôi mở cửa sổ phòng cho đỡ tối. Ngay ở cửa sổ này, tôi nhìn thấy ngôi nhà mới của cô Cành. Cô đang đứng trong hàng rào, mặc váy ngắn tay. Lạy chúa, lạnh thế này mà cái áo váy làm cô có vẻ mát mẻ hết sức. Một tay cô xoa đầu con chó “ béc ”, tay kia chỉ trỏ. Cô đang huyền thuyên gì đó với một gã đi xe máy, đang đứng ghé một chân lên bậc thềm nhà cô. Một gã lực lưỡng, có thể bóp chết con trâu. Chiếc xe máy cũng không kém hùng hổ, trông sáng choang lên như một khối vĩ đại toàn vàng. Anh ả đang tán tỉnh nhau gì đó, y như các anh ả thị dân mới nổi, hợm tiền, khinh người như rác đang đầy rẫy ở phố phường. Ông giáo Trí lại rề rề :

– Đóng cửa lại em. Nhạc nó mở như là tiếng súng chiến trận như thế, nghe cứ ù cả đầu.

Ông ngồi vào ghế, ngay cái kiểu ngồi rụt đầu rụt cổ của ông, tôi cũng biết là ông đang phải “ bảo tồn năng lượng ”...